

MASAN
GROUP



C H Â N T R Ò I M Ó I

2 0 1 4

B Á O C Á O
T H Ư Ò N G N I Ê N




CHÂN TRỜI MỚI

2014

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

M U C L U C

Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	3
Câu chuyện đầy ấn tượng của Masan Group	16
Báo cáo của Ban Điều Hành	24
Báo cáo tài chính	42
Thông tin doanh nghiệp	138



KHÁT VỌNG KHÁM PHÁ
VÀ ĐÁP ỨNG CÁC
NHU CẦU LỚN
CHƯA ĐƯỢC THỎA MÃN

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG,

Gần 20 năm trước, khát vọng khám phá và đáp ứng các nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn đã dẫn dắt chúng tôi thành lập Masan.

Từ thời điểm đó đến nay, thế giới đã liên tục trải qua nhiều thay đổi đáng kể, đặc biệt là Việt Nam. Masan cũng thay đổi, từ một công ty kinh doanh thực phẩm nhỏ trở thành một trong những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn nhất Việt Nam với các nền tảng kinh doanh dẫn đầu trong từng lĩnh vực tương ứng mà công ty tham gia hoạt động. Tuy vô số thay đổi, khát vọng ban đầu của chúng tôi vẫn nguyên vẹn. Không những thế, **khát vọng khám phá và đáp ứng các nhu cầu lớn chưa thỏa mãn của Masan càng được khẳng định chắc chắn hơn** – hiểu rõ ý nghĩa của điều này chính là chìa khóa để có thể hiểu được tương lai 20 năm tiếp theo của chúng ta sẽ diễn ra như thế nào.

Tôi sử dụng từ “khát vọng” bởi vì nó phản ánh đúng sự mãnh liệt trong động cơ của chúng ta và bởi vì nó khác với “niềm tin”. Niềm tin gắn liền với “cách thức”, với những nguyên tắc liên quan đến thực thi kinh doanh và quản trị rủi ro. Còn khát vọng, mang tính riêng tư và nội tại hơn, tức mục đích thôi thúc chúng ta. Thời điểm Masan được thành lập, Việt Nam đang tiến hành quá trình cải cách kinh tế. Đó là giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế định hướng thị trường. Chúng ta cảm thấy hào hứng và đầy khích lệ trước các cơ hội để thay đổi cuộc sống tốt đẹp hơn. Quan trọng hơn, vượt lên trên các động cơ cá nhân, chúng ta đã nhìn thấy một cơ hội để đóng góp cho đất nước: trở thành niềm tự hào của Việt Nam như một nhà “quản quân” trong khu vực kinh tế tư nhân trong nước, cho thế giới thấy rằng một doanh nghiệp trong nước cũng có thể giành thành công lớn; và cải thiện cuộc sống của người dân Việt Nam.

Khát vọng của chúng tôi cũng liên quan đến từ “trí tưởng tượng”. Muốn khởi hành bất kỳ hành trình có ý nghĩa nào, bạn cần có một tầm nhìn. Và để đi được đến đích, bạn cần phải có những bước đột phá sáng tạo không ngừng. Cả hai đều đòi hỏi trí tưởng tượng để nhìn ra những điều chưa từng được thực hiện và dũng khí để thực hiện chúng. Ở Masan, chúng ta không muốn giành chiến thắng bằng cách sao chép những điều người khác đang làm và làm tốt hơn. Chúng ta muốn giành chiến thắng bằng sự sáng tạo và bằng những góc nhìn và phát hiện mới có khả năng thay đổi quy luật của cuộc chơi.

Chúng tôi khao khát đáp ứng cho những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn, vì giá trị tích lũy được đến từ vị thế dẫn đầu và từ quy mô ẩn chứa trong những tiềm năng to lớn chưa được tiếp cận đúng mức. Trước Masan, nhiều ngành hàng quan trọng trên thị trường có tình trạng phân tán và thiếu đột phá. Trước Masan, trên thị trường không có thương hiệu Việt Nam cao cấp cho các sản phẩm thực phẩm trong nước. Trước Masan, thị

trường hóa chất và khoáng sản công nghiệp toàn cầu không nhìn thấy bất kỳ mô vonfram nào bên ngoài Trung Quốc đi vào hoạt động trong hơn một thập kỷ qua. Nhìn về tương lai, chúng ta vẫn nhìn thấy những khoảng cách lớn cần được thu hẹp lại và những nhu cầu lớn chưa được đáp ứng, chẳng hạn như sự thiếu hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam, đặc biệt là chuỗi giá trị protein. Chúng tôi cũng nhìn thấy vô số nhu cầu chưa được thỏa mãn trong các ngành hàng tiêu dùng nội địa, và chúng ta mong muốn là một công ty Việt Nam đáp ứng các nhu cầu đó. Chỉ khi đó Masan mới thật sự là niềm tự hào của Việt Nam.

Masan cũng lạc quan rằng chúng ta là đơn vị thích hợp để đáp ứng những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn này, dựa trên thành tích hoạt động xuất sắc và niềm tin mãnh liệt trong việc xây dựng các doanh nghiệp hàng đầu. “Cách thức” của chúng ta đã được minh chứng bằng những thay đổi bứt phá, và gần đây hơn, bằng kết quả tài chính kỷ lục. Ở Masan, chúng tôi đề cao phương thức **làm ít hơn nhưng quy mô lớn hơn** nhằm xử lý nhiều rủi ro kinh doanh ở Việt Nam liên quan đến sức cạnh tranh, sự bền vững và khả năng sinh lợi. Chúng ta chú trọng xây nên các “quán quân” kinh doanh dài hạn, hơn là các hoạt động mua bán tài sản; điều này giúp chúng ta chiến thắng qua các chu kỳ kinh tế nhiều biến động.

Masan Group hiện nay đang nằm trong giai đoạn hết sức thú vị trong lịch sử của công ty: một thời kỳ kéo dài 20 năm dành cho khởi nghiệp, biến đổi đột phá, thiết lập đầu tư và hợp nhất; và một kỷ nguyên mới đầy triển vọng đang đến. Đầy triển vọng bởi vì chúng ta không phải xây dựng mọi thứ từ đầu, mà dựa trên các doanh nghiệp nền tảng hùng mạnh sắp đạt đến đỉnh tăng trưởng và làn sóng đổi đột phá mới tiếp theo. Để vượt lên chân trời mới này, Masan cần phải trở thành người dẫn dắt tư duy, đào tạo nên **lớp doanh nhân Việt khởi nghiệp kế tiếp cùng chia sẻ khát vọng khám phá và đáp ứng các nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn**. Theo tôi, đó sẽ là một đóng góp lớn lao và có ý nghĩa cho đất nước mà chúng ta có thể cảm thấy vô cùng tự hào.

Trân trọng,

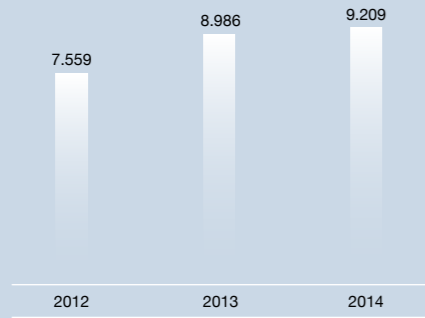


Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

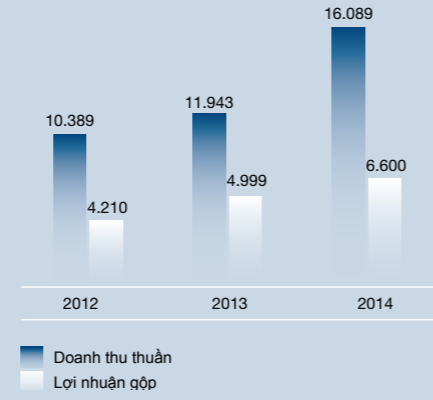
Ngày 10 tháng 4 năm 2015

BẢNG THÀNH TÍCH 2014

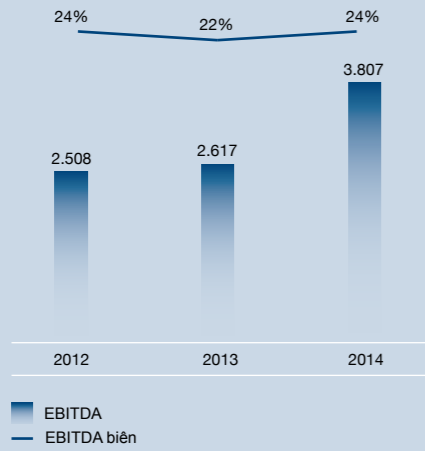
Số dư tiền mặt¹ (tỷ đồng)



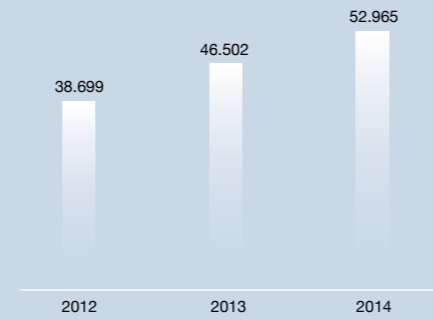
Doanh thu thuần và lợi nhuận gộp (tỷ đồng)



EBITDA (tỷ đồng) và EBITDA biên



Tổng tài sản (tỷ đồng)



1. Bao gồm khoản đầu tư ngắn hạn.






KHỞI ĐẦU BẰNG
TẦM NHÌN VÀ
KHÁT VỌNG
KHÁM PHÁ

NÂNG CAO ĐỜI SỐNG
NGƯỜI TIÊU DÙNG VIỆT
KHÔNG CHỈ LÀ
CÔNG VIỆC,
ĐÓ LÀ LỄ SỐNG!





ĐÁP ỨNG NHU CẦU
VÀ KHÁT VỌNG CỦA
THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM
MỚI NỔI

A photograph of two pink piglets grazing in a lush green field. The piglets are in the foreground, facing right. The field is filled with tall green grass and some yellow flowers. In the background, there is a line of trees and a blue sky with light clouds. A white rectangular box with a thin border is positioned in the upper left corner of the image, containing text.

THU HẸP KHOẢNG CÁCH
CỦA HIỆU SUẤT
NGÀNH PROTEIN
ĐỘNG VẬT GIỮA
VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI

HÃY CÙNG
CHÚNG TÔI THAM GIA
HÀNH TRÌNH ĐẾN
NHỮNG CHÂN TRỜI MỚI



GIỚI THIỆU

Trở thành và được công nhận là niềm tự hào của Việt Nam

Masan Group là một trong những công ty lớn nhất khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam, với hoạt động tập trung vào xây dựng, kiến tạo nên các nền tảng kinh doanh dẫn đầu thị trường mà nổi bật chính là các câu chuyện xoay quanh lĩnh vực hàng tiêu dùng và tài nguyên của Việt Nam. Chúng tôi đã gặt hái được nhiều thành tích ấn tượng trong các hoạt động xây dựng, mua lại và quản lý các nền tảng hoạt động kinh doanh có quy mô lớn.

Trong những năm qua, chúng tôi đã tạo dựng nên một số thương hiệu hàng tiêu dùng được nhận biết rộng rãi nhất; phát triển được những mạng lưới phân phối rộng lớn nhất Việt Nam cho các sản phẩm và dịch vụ của mình; xây dựng các nhà máy sản xuất tiên tiến; và tập hợp một đội ngũ chuyên gia dày dặn kinh nghiệm có khả năng giành chiến thắng trong các thị trường mới nổi. Tất cả cùng kiến tạo thành một nền tảng vận hành phát triển không ngừng.

Thành công của chúng tôi đến từ cam kết duy trì vị thế của một công ty hàng đầu trong khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam xét về quy mô, lợi nhuận và thu nhập cho cổ đông, và là đối tác có tiềm năng tăng trưởng cũng như nhà tuyển dụng được yêu thích ở Việt Nam. Để đạt được những mục tiêu này, chúng tôi tập trung hoạt động trong các lĩnh vực mà một công ty thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong nước có thể dẫn đầu thị trường và có thể phát triển quy mô thông qua hoạt động có trọng điểm và áp dụng chiến lược củng cố.

Trong khi giá trị cổ đông là thước đo quan trọng cho sự thành công của chúng tôi, chúng tôi luôn khao khát muốn chứng minh với thế giới rằng một Công ty Việt Nam có thể vươn tới vị trí dẫn đầu và “hàng ngày, chúng ta nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người Việt Nam” bằng khả năng sáng tạo và đáp ứng những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn. Chỉ khi đó Masan mới có thể được xem là niềm tự hào của Việt Nam.

Làm ít hơn nhưng quy mô lớn hơn

Trong một thị trường năng động có nhiều cơ hội tiềm năng như Việt Nam, để một hoạt động kinh doanh thành công và vững mạnh, ngoài tính kỷ luật, chúng tôi còn tin tưởng vào một số yếu tố quan trọng khác như:

Sáng tạo và đáp ứng những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn

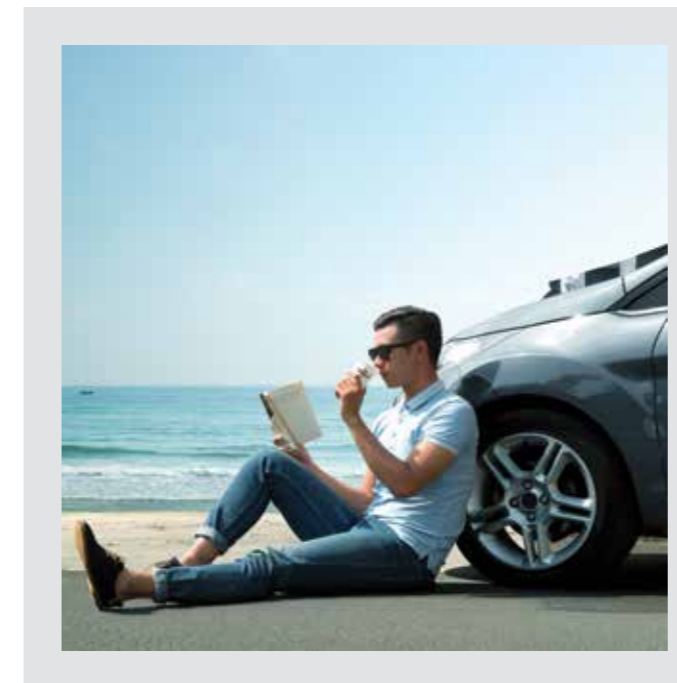
Masan tin tưởng rằng giá trị đến từ vị thế dẫn đầu và quy mô trong những cơ hội lớn chưa được phục vụ đúng mức. Chúng tôi cũng tin tưởng rằng trí tưởng tượng và khả năng sáng tạo không chỉ là hình dung ra những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn mà còn là cách thức làm sao có được những sáng kiến và những hiểu biết mới thật sâu rộng. Chúng tôi không muốn giành chiến thắng bằng cách bắt chước những điều người khác đang làm và làm tốt hơn. Chúng tôi muốn giành chiến thắng bằng cách thay đổi các quy luật của cuộc chơi.

Trong hai năm qua, chúng tôi đã xác định lại các nhóm sản phẩm và thâm nhập vào các lĩnh vực mới nhằm mở rộng thị trường của chúng tôi trong các hoạt động kinh doanh liên quan đến tiêu dùng từ 1,1 tỷ lên đến 9,0 tỷ đô la Mỹ. Nỗ lực này không bao gồm các bước tiến gần đây của chúng tôi vào thị trường protein động vật của Việt Nam, mà Việt Nam chỉ tiêu gần 16 tỷ đô la Mỹ cho các sản phẩm thịt mỗi năm. Cùng với thực phẩm, cơ hội của thị trường đồ uống không cồn, bia và thịt là vô cùng lớn. Người tiêu dùng Việt Nam luôn đòi hỏi chất lượng tốt hơn, sản phẩm có thương hiệu, sự tiếp cận và giá trị thu được từ số tiền họ bỏ ra.

Trong các hoạt động kinh doanh ngoài lĩnh vực tiêu dùng, chúng tôi cũng đang tập trung vào các thị trường lớn với nhiều cơ hội đổi mới. Trên bình diện toàn cầu, khoáng sản công nghiệp mà chúng tôi khai thác và chế biến có tổng quy mô gần 4 đến 5 tỷ đô la Mỹ mỗi năm, trừ đồng. Nhu cầu chưa được thỏa mãn trong hoạt động kinh doanh tài nguyên của chúng tôi được minh chứng bởi nhu cầu của khách hàng muốn mua lượng hàng lớn từ nhà cung cấp đơn lẻ, khoáng sản không xung đột, và từ nguồn thay thế Trung Quốc. Công ty liên kết của chúng tôi, Techcombank, đang cạnh tranh trong ngành tài chính hiện đang trong quá trình tái cơ cấu và đây là lĩnh vực có tỷ lệ thâm nhập cho các dịch vụ ngân hàng và sản phẩm rất thấp nhưng được mong đợi sẽ gia tăng trong tương lai.

Kiến tạo quy mô và vị thế dẫn đầu

Để vươn tới thành công, chúng tôi cần có quy mô lớn. Trở thành người dẫn đầu thị trường về quy mô cho phép chúng tôi cạnh tranh thành công trong nền kinh tế có khu vực tư nhân trong nước bị phân mảnh và khả năng cạnh tranh khốc liệt từ các công ty đa quốc gia và doanh nghiệp nhà nước. Là một trong



các công ty tư nhân lớn nhất Việt Nam, Masan sở hữu nguồn vốn lớn và đội ngũ quản lý chuyên nghiệp, cũng như quy mô đầu tư vào các ngành đang hoạt động. Chúng tôi kiến tạo quy mô thông qua sự tập trung và củng cố, đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh hiện có và thúc đẩy tăng trưởng bằng các thương vụ mua bán và sáp nhập doanh nghiệp phù hợp với ngành trọng tâm của chúng tôi.

Kết quả là, ngày hôm nay, chúng tôi đang nắm giữ vị thế thống lĩnh trong hầu hết các thị trường và/ hoặc các ngành hàng mà chúng tôi tham gia cạnh tranh. Điển hình, chúng tôi là công ty số một Việt Nam trong ngành hàng nước chấm (trong đó chúng tôi dẫn đầu các ngành hàng nước mắm, nước tương và tương ớt). Trong ngành hàng thực phẩm tiện lợi, chúng tôi phần đầu đến cuối năm 2015 trở thành nhà sản xuất mì ăn liền số một. Đối với ngành hàng đồ uống, 2 nhãn hiệu Vinacafé và Kachi của chúng tôi đã lần lượt trở thành những nhãn hàng cà phê hòa tan và ngũ cốc uống liền bán chạy nhất.

Sau khi vận hành thử thành công dự án Núi Pháo, hiện nay chúng tôi trở thành nhà cung cấp một số loại khoáng sản công nghiệp quan trọng như vonfram, florit và bismut lớn trên thế giới. Liên minh Châu Âu đã đưa vonfram và florit vào danh sách nhóm bốn “nguyên liệu thô thiết yếu” đối với Châu Âu (*Các nguyên liệu thô thiết yếu cho EU*, tháng 7/2010) xét về mức độ tập trung của các nguồn cung và tầm quan trọng của nó trong ngành công nghiệp Châu Âu.

Công ty liên kết của chúng tôi, Techcombank là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất Việt Nam và do thực hiện quản lý thận trọng trong sự suy thoái của ngành ngân hàng trong những năm qua, hiện nay ngân hàng Techcombank đang trên đà vươn tới vị thế dẫn đầu thị trường khi nền tảng ngành được cải thiện.

Hoạt động kinh doanh tạo ra dòng tiền

Masan tin tưởng rằng sự tăng trưởng bền vững trong một thị trường đang phát triển như Việt Nam đòi hỏi phải xây dựng các hoạt động kinh doanh tạo ra dòng tiền. Chúng tôi không tham gia vào hoạt động mua bán tài sản như mua quỹ đất hoặc tham gia đầu cơ ngắn hạn. Chúng tôi chỉ cạnh tranh trong những lĩnh vực có nội lực tăng trưởng mạnh, có mô hình kinh doanh hiệu quả đã được chứng thực từ khối kinh tế tư nhân trong khu vực và có tiềm năng xây dựng doanh nghiệp quy mô lớn. Do đó, chúng tôi đã xác định hàng tiêu dùng và tài nguyên là những ngành trọng điểm của mình.

Năm 2014, chúng tôi đã đạt EBITDA pro forma 3.999 tỷ đồng và số dư tiền mặt là 9.209 tỷ đồng (bao gồm các khoản tiền gửi ngắn hạn).

Phân bổ nguồn vốn cẩn trọng và kết cấu vốn chặt chẽ

Chúng tôi đã huy động được tổng cộng hơn 2 tỷ đô la Mỹ nguồn vốn dài hạn trong những năm qua, qua đó tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các hoạt động đầu tư và xây dựng doanh nghiệp mang tính chiến lược tại Việt Nam. Chúng tôi đã thực hiện sự phân bổ nguồn vốn cẩn trọng bằng cách sử dụng phần lớn nguồn tiền thu được để đầu tư và tăng tỷ lệ sở hữu trong các hoạt động kinh doanh hiện hữu của công ty. Đối với việc mua lại dự án Núi Pháo, về cơ bản chúng tôi không dùng tiền mặt và chúng tôi đã triển khai chưa đến 20% nguồn vốn huy động được để mua lại các doanh

ngành mới – cụ thể là Vinacafe Biên Hòa, Nước khoáng Vĩnh Hảo, công ty bia và Thực phẩm dinh dưỡng Sài Gòn. Chúng tôi tin tưởng rằng hoạt động kinh doanh và những nhãn hiệu mang tính biểu tượng của các công ty này sẽ tạo ra những “con đường” rộng mở, giúp công ty thâm nhập sâu hơn vào các ngành hàng tiêu dùng.

Nền tảng cho đổi mới

Sự tăng trưởng bền vững chỉ có thể đạt được thông qua việc xây dựng các hệ thống và nền tảng vận hành tốt nhất. Khi tham gia một ngành, chúng tôi phát triển hẳn một chiến lược riêng và các mô hình kinh doanh có thể nhân rộng để vươn đến vị thế dẫn đầu thị trường trong từng lĩnh vực kinh doanh. Điều này cho phép chúng tôi không ngừng đầu tư vào những hệ thống vận hành tốt nhất. Trong những năm qua, chúng tôi đã đầu tư phát triển những sản phẩm mới, xây dựng thương hiệu, nhà máy sản xuất, mạng lưới phân phối, hệ thống thông tin và quan trọng nhất là nguồn tài lực.

Đúng người đúng việc và “PHƯƠNG THỨC MASAN”

Chúng tôi hoạt động theo “Phương thức Masan”, một mô hình quan hệ đối tác độc đáo, theo đó, các bộ phận chức năng của Masan Group hợp tác bình đẳng và phát huy sức mạnh riêng của mình để thực thi các hoạt động xây dựng và phát triển kinh doanh có quy mô lớn. Những đội ngũ này đóng góp các chuyên môn sau đây:

- Quản lý Rủi ro và Phân bổ Nguồn vốn – là nền tảng quản lý tài chính và đầu tư, đề cao hoạt động có trọng tâm, quản lý rủi ro và phân bổ nguồn vốn tối ưu;
- Tiếp cận và Thực thi Địa phương – khả năng giúp chúng tôi tìm kiếm và triển khai các cơ hội kinh doanh, đồng thời quản lý hiệu quả những rủi ro địa phương; và
- Quản lý Chuyên nghiệp – đội ngũ những chuyên gia trong nước và quốc tế dày dặn kinh nghiệm, đứng đầu trong từng lĩnh vực, kết hợp với những đối tác chiến lược có uy tín.

Chúng tôi đã đầu tư mạnh mẽ để đảm bảo rằng Tập đoàn có một đội ngũ quản lý chuyên nghiệp vững mạnh ở tất cả các cấp, kể cả công ty con và công ty liên kết. Chúng tôi đặt niềm tin vào việc tuyển dụng những chuyên gia có kinh nghiệm đa quốc gia và có kinh nghiệm làm việc ở thị trường trong nước.

Tại Masan Group, các thành viên trong bộ máy quản lý mang lại kinh nghiệm cả về chiều rộng lẫn chiều sâu được hun đúc từ các công ty nổi tiếng như J.P. Morgan và Morgan Stanley. Tại các công ty con, đội ngũ quản lý của chúng tôi đến từ các công ty đa quốc gia hàng đầu như Unilever, Nestle, P&G, Pepsi, OZ Minerals, Placer Dome và MMG.

Quan trọng nhất là chúng tôi hết mực tin tưởng và đề cao những nhân tài biết phát huy khả năng lãnh đạo và có kinh nghiệm quản lý dự án với các sáng kiến đổi mới ở các tổ chức có tốc độ phát triển nhanh. Masan Group tập hợp nhiều chuyên gia trẻ, năng động và có kinh nghiệm thực thi quốc tế, có khả năng thực hiện nhiều dự án đa dạng để mang lại giá trị cao nhất cho cổ đông.

Chúng tôi cùng nhau xây dựng một nền tảng thực thi độc đáo và đã thiết lập một kỷ lục thành công không ngừng trong một thị trường còn sơ khai. Đội ngũ quản lý của chúng tôi đóng vai trò then chốt trong quá trình đổi mới Masan Group từ một văn phòng tư nhân khép kín với danh mục hoạt động kinh doanh và đầu tư dàn trải trở thành một trong những tập đoàn kinh tế tư nhân lớn nhất Việt Nam hoạt động có trọng điểm trong ngành hàng tiêu dùng và tài nguyên.

Nhãn hiệu được người tiêu dùng biết đến và tin tưởng

Chúng tôi đã kiến tạo nên một danh mục các thương hiệu hầu như không có đối thủ và đã giành được rất nhiều sự ưu ái và tin tưởng của người tiêu dùng Việt Nam. Hoạt động trong thị trường có biến động cao về giá, chúng tôi tự hào khi đã có thể biến những sản phẩm đã từng được coi đơn thuần là hàng hóa nay đã trở thành những mặt hàng có thương hiệu riêng biệt có thể giữ vững được niềm tin và lòng trung thành của người tiêu dùng trong những phân khúc sản phẩm khác nhau và đáp ứng được nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng Việt Nam.

Các nhãn hàng chính của chúng tôi bao gồm: trong ngành hàng gia vị có Chin-su, Nam Ngư và Tam Thái Tử; trong ngành hàng thực phẩm tiện lợi (bao gồm mì ăn liền và bữa ăn sáng) có Omachi, Kokomi, Sagami và Komi; và trong ngành hàng đồ uống, chúng tôi có Vinacafé, Wake-Up, Phinn, Kachi và Vĩnh Hảo. Rất nhiều nhãn hàng của chúng tôi là những sản phẩm được bán chạy nhất trong các ngành hàng tương ứng. Trong năm 2014,



theo khảo sát của Kantar Worldpanel thì Wake-Up, nhãn hàng đồ uống do công ty chúng tôi tự phát triển, đạt vị trí là một trong 10 nhãn hàng đồ uống phát triển nhanh nhất tại Việt Nam.

Ngoài thực phẩm và đồ uống, các công ty liên kết của chúng tôi cũng sở hữu những thương hiệu được nhận biết rộng rãi nhất trên toàn quốc. Như Techcombank, một trong những ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân lớn nhất Việt Nam, đã được công nhận là nhà cung cấp các dịch vụ và sản phẩm tài chính đáng tin cậy, đặc biệt là đối với khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Ngoài ra, Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex được chúng tôi mua lại vào cuối năm 2014 hiện đang sở hữu nhãn hàng nước chấm và đồ gia vị nổi tiếng với khả năng phân phối mạnh mẽ trên kênh hàng quán.

Nhà máy sản xuất đẳng cấp

Chúng tôi đã xây dựng các nhà máy sản xuất và chế biến tiên tiến, có thể được công nhận là tốt nhất không chỉ ở Việt Nam, mà là trên toàn cầu. Đặc biệt, chúng tôi là công ty đầu tiên trên thế giới thiết kế và xây dựng một dây chuyền sản xuất nước mắm hoàn toàn tự động. Riêng mảng tài nguyên, chúng tôi đã xây dựng nhà máy chế biến quy mô lớn đầu tiên ở Việt Nam theo tiêu chuẩn quốc tế, có khả năng sản xuất bốn loại khoáng sản và kim loại khác nhau từ một thân quặng duy nhất.

Đối với các sản phẩm hàng tiêu dùng, chúng tôi hiện đang vận hành các cơ sở sản xuất ở Bình Dương, Tân Bình, Phú Quốc, Hải Dương, Biên Hòa, Long Thành, Bình Thuận và Phú Yên. Những nhà máy sản xuất đẳng cấp thế giới này cho phép chúng tôi sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao về vệ sinh, an toàn thực phẩm cũng như hiệu quả với chất lượng đồng nhất cho người tiêu dùng. Hiện tại chúng tôi đang xây dựng các nhà máy sản xuất mới tại Nghệ An và Hậu Giang nhằm mở rộng công suất, lắp đặt các công nghệ sản xuất tiên tiến nhất, và đến gần hơn với khách hàng.

Trong năm 2013, chúng tôi đã ký kết thỏa thuận liên doanh để thành lập một công ty chế biến hóa chất vonfram với H.C. Starck, một nhà sản xuất kim loại dùng trong kỹ thuật trên toàn cầu. Thông qua mối quan hệ đối tác này, Masan đã đưa kỹ thuật cao độc quyền về Việt Nam để thâm nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị của kim loại vonfram và đủ sức cạnh tranh trên toàn cầu.



Tiếp cận người tiêu dùng

Chúng tôi đã tạo ra được mạng lưới phân phối rộng nhất và sâu nhất tại Việt Nam để cung cấp các sản phẩm và dịch vụ của mình cho khách hàng.

Đối với sản phẩm hàng tiêu dùng, chúng tôi đã phát triển một mạng lưới phân phối trên toàn quốc với 230 nhà phân phối, phân phối đến gần 230.000¹ điểm bán hàng. Mạng lưới này là một trong những mạng lưới lớn nhất và sâu nhất trong lĩnh vực hàng tiêu dùng nhanh tại Việt Nam. Trong những năm qua, chúng tôi đã nâng cao khả năng phân phối bằng cách bổ sung nhiều nhà phân phối ngành hàng đồ uống và các điểm phân phối hàng quán. Thành tựu này giúp chúng tôi trở thành một trong số ít các công ty có sự hiện diện mạnh mẽ ở cả kênh phân phối hàng quán và truyền thống về thực phẩm và đồ uống. Chúng tôi cũng đã triển khai thành công Hệ thống quản lý nhà phân phối (“DMS”) tiên tiến cho 100% các nhà phân phối của chúng tôi, điều này giúp chúng tôi tiếp cận dữ liệu thời gian thực trên khắp mạng lưới phân phối.

Trong năm 2014, Techcombank tiếp tục phục vụ nhu cầu của khách hàng Việt Nam thông qua 1.231 máy ATM và 313 chi nhánh và phòng giao dịch; như vậy Techcombank được xem là một trong những ngân hàng có mạng lưới lớn nhất trong số các ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân tại Việt Nam.

Có đối tác tin cậy và khả năng tiếp cận nguồn vốn

Chúng tôi đã hợp tác có chọn lọc với các công ty danh tiếng toàn cầu, có khả năng thẩm định và xác thực chiến lược kinh doanh, cung cấp thông tin về các cơ hội kinh doanh và có lợi thế tiếp cận nguồn vốn dài hạn. Chúng tôi vẫn tiếp tục duy trì vị thế là đối tác được lựa chọn hàng đầu tại Việt Nam.

Trong những năm qua, chúng tôi đã nâng mức vốn lên 2 tỷ đô la Mỹ từ các đối tác nổi tiếng, bao gồm các công ty có vốn tư nhân lớn như BankInvest/ PENM Partners, TPG Growth, Goldman Sachs, KKR, Mount Kellett, IFC, Dragon Capital và Chandler Corporation. Chúng tôi cũng đã trở thành một trong số ít các công ty Việt Nam thành công trong các mối quan hệ kinh doanh quốc tế, thị trường cho vay đô la Mỹ, nhận được các khoản vay lớn từ J.P. Morgan và Standard Chartered. Gần đây nhất, chúng tôi đã trở thành công ty Việt Nam đầu tiên phát hành trái phiếu VND được tổ chức Credit Guarantee and Investment Facility (“CGIF”) bảo lãnh, một quỹ ủy thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á. Bảo lãnh cung cấp cho chúng tôi kỳ hạn dài nhất và lãi suất thấp nhất trong lịch sử khu vực kinh tế tư nhân tại Việt Nam.

Tại Masan Resources, chúng tôi đã ký kết thỏa thuận liên doanh với H.C. Starck, một nhà cung cấp kim loại dùng trong kỹ thuật cao và gốm sứ cao cấp toàn cầu. Sự hợp tác này sẽ mang công nghệ cao trong chế biến sâu về Việt Nam và cho phép chúng tôi tiến sâu hơn trong chuỗi giá trị của kim loại vonfram.

Hợp tác với cộng đồng

Masan không những chú trọng xây dựng mà còn tập trung nuôi dưỡng các cộng đồng tại những nơi Masan có hoạt động kinh doanh. Ngoài việc là một trong những đơn vị đóng thuế lớn nhất tại các tỉnh hoạt động, chúng tôi cũng đã chủ động làm việc trực tiếp để cải thiện đời sống người dân trong cộng đồng. Một minh chứng rõ ràng của cam kết này là công tác của chúng tôi ở tỉnh Thái Nguyên, nơi triển khai dự án mỏ Núi Pháo.

Chương trình khôi phục kinh tế của chúng tôi tại dự án Núi Pháo tiếp tục tạo ra động lực và mang lại kết quả thực tế cho những người tham gia. Trong năm 2014, hơn 950 người dân bị ảnh hưởng bởi dự án (38% tổng lực lượng lao động, bao gồm cả nhân sự từ các nhà thầu) được tuyển vào làm việc tại Núi Pháo. Bốn doanh nghiệp địa phương được thành lập như một phần của các chương trình khôi phục kinh tế của chúng tôi nhằm cung cấp công ăn việc làm cho những người dân bị ảnh hưởng bởi dự án.

Trong năm 2014, chúng tôi đã tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng liên quan đến việc nhận diện các tác động và tìm kiếm giải pháp cho họ. Chúng tôi đã triển khai lịch họp mới hàng tuần và hàng tháng cho những dự án ảnh hưởng đến cộng đồng trong năm 2014, tạo cơ hội cho các bên liên quan nêu ra và thảo luận các vấn đề. Chúng tôi đã tiến hành 76 cuộc họp với sự tham gia của 2.093 người trong năm 2014. Chúng tôi cũng đã tăng hiệu quả giải quyết các khiếu nại của cộng đồng, chủ yếu liên quan đến các vấn đề tái định cư, bồi thường và môi trường (tiếng ồn, bụi và nước) và đã giải quyết hơn 90% các vấn đề này.

Chúng tôi vui mừng khi được cộng đồng công nhận những nỗ lực của chúng tôi trong năm 2014 bằng rất nhiều giải thưởng có uy tín. Trong tháng 10/ 2014, chúng tôi đã nhận Chứng nhận “Doanh nghiệp Xuất sắc khu vực Châu Á Thái Bình Dương” do Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương trao tặng và là doanh nghiệp duy nhất trong ngành khai khoáng nhận giải thưởng này. Giải thưởng này đã ghi nhận sự đóng góp của chúng tôi đối với sự phát triển kinh tế xã hội tại Việt Nam. Trong tháng 11/2014, chúng tôi cũng là doanh nghiệp duy nhất đến từ tỉnh Thái Nguyên vinh dự nhận “Giải thưởng Xanh”. Giải thưởng này được Tạp chí Kinh tế và Dự báo thuộc bộ Kế hoạch và Đầu tư trao tặng vì những thành tích trong bảo vệ môi trường.

1. Bao gồm phân phối đến các điểm bán hàng mở rộng từ chương trình “mở rộng đến nông thôn”

TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG CỦA VIỆT NAM

Chiến lược của Masan Group được xây dựng dựa trên nhận định của chúng tôi về các cơ hội ở Việt Nam, một quốc gia có nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất khu vực Đông Nam Á. Từ năm 2005 đến 2014, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) thực đã tăng trưởng với tốc độ kép hàng năm là 6,8%. Tuy sự tăng trưởng của Việt Nam trong những năm vừa qua là dựa vào chi phí lao động thấp và năng suất gia tăng nhờ công cuộc “Đổi mới” để mở cửa thị trường, nhưng chúng tôi tin rằng giá trị thực của Việt Nam nằm ở tiềm năng tiêu dùng trong nước và tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác.

Tiềm năng tiêu dùng trong nước

Đặc điểm nhân khẩu học và mức thu nhập ngày càng tăng ở Việt Nam thúc đẩy sự tăng trưởng mạnh không ngừng của sức tiêu dùng trong nước. Đất nước vừa bước vào kỷ nguyên “Lợi tức Dân số -Demographic Dividend” dự kiến kéo dài 30 năm với đặc điểm gần 70% của dân số 90 triệu người nằm trong độ tuổi lao động và 56% dân số có độ tuổi dưới 30. Trong 10 năm tới, số người trong độ tuổi lao động dự kiến sẽ tăng thêm ít nhất 1 triệu người mỗi năm.

Lực lượng lao động ngày càng tăng sẽ thúc đẩy chi tiêu tiêu dùng. Bên cạnh đó, sự tác động hỗn hợp tích cực của tốc độ tăng trưởng kinh tế liên tục, quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, “lợi tức dân số”, sự nổi lên của nhóm người thu nhập trung bình, và mạng lưới bán lẻ hiện đại đang mở rộng, góp phần thúc đẩy mức tăng trưởng tiêu thụ thực phẩm trong dài hạn và trung hạn. Ngành thực phẩm và đồ uống của Việt Nam được mong đợi duy trì mức tăng trưởng hai con số trong tương lai gần, do mức gia tăng thu nhập khả dụng kéo theo nhu cầu của người tiêu dùng nội địa tăng.

Tiềm năng tài nguyên chưa được khai thác

Tài nguyên khoáng sản và nông nghiệp gộp chung tạo nên một tỷ lệ đáng kể trong GDP của Việt Nam với kỳ vọng tăng trưởng cao hơn trong cả hai lĩnh vực này. Tiềm năng tài nguyên khoáng sản của Việt Nam phần lớn vẫn chưa được khai thác vì nhiều khu vực còn chưa được thăm dò. Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản, vốn chiếm khoảng 18% GDP năm 2014 của Việt Nam, sẽ hưởng lợi từ sự gia tăng của sức tiêu thụ nội địa, các thị trường xuất khẩu mới cũng như sự hỗ trợ chính quy từ chính phủ và các nhóm xúc tiến thương mại.

Những hạn chế của Việt Nam tạo lợi thế cho mô hình kinh doanh của chúng tôi

Việt Nam gần đây đã trải qua những thách thức kinh tế vĩ mô, bao gồm nợ xấu tăng cao và tăng trưởng tín dụng bị thu hẹp khiến tăng trưởng GDP chậm lại trong những năm qua. Trong năm 2014, mặc dù còn tồn tại rất nhiều thách thức đặc biệt trong ngành ngân hàng, Việt Nam đã đạt được mức ổn định kinh tế lớn hơn, trái với tỷ lệ lạm phát cao và mất giá của đồng tiền trong các năm trước đó. Ngoài ra, khu vực kinh tế tư nhân tuy tăng trưởng mạnh mẽ nhưng vẫn còn phân mảnh, thể hiện qua mức doanh thu thấp và thị phần. Các công ty thuộc khu vực kinh tế tư nhân còn bị thách thức bởi sự hạn chế của nguồn vốn dài hạn, thiếu năng lực chuyên môn và khả năng cạnh tranh kém hơn các công ty đa quốc gia. Masan Group quản lý các rủi ro này và giải quyết những mặt hạn chế gây khó khăn cho khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam bằng cách xây dựng quy mô và các nền tảng vận hành hàng đầu nhằm tránh các chu kỳ suy thoái tài chính, tiến hành hợp nhất kinh doanh và gia tăng thị phần.

LÀM ÍT HƠN NHƯNG
QUY MÔ LỚN HƠN



BÁO CÁO CỦA
BAN ĐIỀU HÀNH

KHÁI QUÁT

Trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua giai đoạn củng cố và ổn định khi phải đối mặt với rất nhiều thách thức. Sau những biến động của các năm trước đó, năm 2013 và 2014 đã chứng kiến sự ổn định của đồng tiền, lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát, sự gia tăng xuất khẩu hàng hóa mạnh mẽ và dòng vốn FDI tiếp tục chảy vào, đã tạo nên một môi trường hấp dẫn cho mức tăng trưởng GDP đạt 5,98% trong năm 2014 so với mức 5,42% trong năm 2013. Chính sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô đã khiến cơ quan xếp hạng tín dụng Moody's and Fitch nâng mức xếp hạng tín dụng của Việt Nam lên cao. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại rất nhiều thách thức lớn. Những thay đổi về chất đã được thực hiện nhằm giải quyết các quan ngại về chất lượng tài sản của ngành ngân hàng, nhưng giai đoạn tái cơ cấu vẫn còn ở phía trước. Trong khi đó, chỉ tiêu tiêu dùng cá nhân vẫn còn bé tấc.

Tuy nhiên, đã có rất nhiều tín hiệu tích cực. Niềm tin tiêu dùng đã có dấu hiệu tăng, và giá dầu thế giới giảm được mong đợi giúp hỗ trợ nhu cầu của người tiêu dùng. Các đơn đặt hàng mới và sản lượng trong ngành sản xuất cũng đã cho thấy dấu hiệu của hồi phục.

Trong hai năm qua, Masan Group đã không ngừng củng cố những nền tảng của mình và đặt nền móng cho giai đoạn đổi mới tiếp theo. Trong vòng sáu năm trở lại đây, kể từ khi Tập đoàn được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Masan đã trải qua rất nhiều thay đổi. Từ một nhà sản xuất nước chấm, chúng tôi đã đổi mới trở thành một tập đoàn tập trung vào ngành hàng tiêu dùng với các hoạt động kinh doanh đứng đầu thị trường trong các ngành chủ chốt. Sự đổi mới này được định hướng bởi niềm tin của chúng tôi về tiềm năng tiêu dùng của Việt Nam, và tạo ra các hoạt động kinh doanh bền vững thông qua sự tập trung, quy mô, đội ngũ lãnh đạo và tầm nhìn dài hạn.

Tầm nhìn dài hạn định hướng cam kết của chúng tôi trong việc kiến tạo các nền tảng hoạt động đẳng cấp thế giới, nghĩa là đầu tư vào xây dựng thương hiệu, tuyển dụng nhân tài và xây dựng các nhà máy sản xuất đẳng cấp thế giới. Trong hai năm qua,

thông qua củng cố và quản lý sâu sát các nền tảng hiện hữu, và kiến tạo nên các cơ hội tăng trưởng mới, đây chính là các động lực chiến lược giúp Masan Group bắt đầu giai đoạn mới của việc tạo ra giá trị thật mạnh mẽ.

Đối với nền tảng ngành hàng tiêu dùng, hiện nay chúng tôi có bốn ngành quan trọng định hướng cho sự tăng trưởng trong tương lai bao gồm thực phẩm, đồ uống không cồn, bia và protein động vật.

Đối với mảng kinh doanh hàng tiêu dùng, chúng tôi đã định nghĩa lại các ngành hàng chính mà chúng tôi cạnh tranh bằng cách mở rộng thị trường cho ngành hàng nước chấm thành ngành hàng gia vị và từ ngành hàng mì ăn liền thành thực phẩm tiện lợi. Trong ngành hàng gia vị, chúng tôi đã có được thị phần dẫn đầu của các mặt hàng nước mắm, nước tương và tương ớt và từ đó tiến sâu hơn nữa vào ngành hàng này qua việc giới thiệu các sản phẩm hạt nêm, đồng thời thực hiện tái cơ cấu danh mục sản phẩm của chúng tôi nhằm chia các phân khúc cao cấp và bình dân rõ ràng hơn. Chúng tôi đã trở thành cổ đông lớn trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex, một công ty kinh doanh gia vị và nước chấm nổi tiếng tại Việt Nam, điều này giúp chúng tôi tiếp cận nhanh hơn đến phân khúc giá trị này. Đối với ngành hàng thực phẩm tiện lợi, hiện nay danh mục mì ăn liền của chúng tôi đã có chỗ đứng vững vàng trong phân khúc cao cấp, trung cấp và giá trị, cũng như sản phẩm cung cấp đầy đủ dinh dưỡng cho bữa ăn và cháo, và hiện chúng tôi đang trên đà để hướng đến mục tiêu đạt được vị thế dẫn đầu thị trường này trong năm 2015. Thế mạnh của chúng tôi là khả năng xây dựng những thương hiệu mạnh và điều này được chứng minh qua bảng xếp hạng của Kantar Worldpanel khi các thương hiệu thực phẩm của Masan là những thương hiệu được chọn lựa nhiều nhất giữ vị trí số 1 và số 2 lần lượt tại thị trường khu vực nông thôn và thành thị ở Việt Nam trong năm 2014.

Trong mảng kinh doanh đồ uống không cồn, chúng tôi đã xây dựng nền tảng hoạt động trong thời gian ngắn kỷ lục, với đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm, mạng lưới phân phối mạnh cả ở kênh hàng quán và truyền thống cũng như một danh mục sản phẩm đa dạng. Những nỗ lực của chúng tôi đã bắt đầu đem lại thành quả, được minh chứng trong việc

Chúng tôi đã tăng trưởng giá trị
thị trường cho các sản phẩm
hàng tiêu dùng có thương hiệu
từ 1,1 TỶ ĐÔ LA MỸ
TRONG NĂM 2013
lên 9,0 TỶ ĐÔ LA MỸ
TRONG NĂM 2014*

giới thiệu thành công nhãn hàng Wake-Up, và theo đánh giá của Kantar Worldpanel thì Wake-Up Sài Gòn là một trong các nhãn hàng đồ uống phát triển nhanh nhất trong năm 2014. Ngoài ra, các sản phẩm mới ra mắt trong năm vừa qua là nước tăng lực vị cà phê Wake-Up 247 và cà phê hòa tan Wake-Up 2-trong-1 cũng được đón nhận nồng nhiệt.

Đối với mảng kinh doanh bia, chúng tôi đã có những khởi đầu thành công trong thị trường 4 tỷ đô la Mỹ đầy hấp dẫn này, và có tiền đề tốt trong năm 2014. Sau khi mua lại và chuyển đổi nhà máy bia, chúng tôi đã cho ra mắt nhãn hàng bia "Sư Tử Trắng" và đã gặt hái được nhiều thành công khi thử nghiệm tung sản phẩm

tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy, nhà máy bia của chúng tôi đã vận hành 100% công suất trong quý bốn năm 2014 và chúng tôi hiện đang trong quá trình mở rộng công suất.

Ngành hàng protein động vật hay ngành hàng thịt tại Việt Nam là một ngành hàng có nhiều cơ hội hấp dẫn. Tổng mức tiêu thụ thịt tại Việt Nam ước tính lên đến 16 tỷ đô la Mỹ, trong đó tỷ lệ tiêu thụ qua chế biến chiếm tỉ trọng rất thấp, chỉ dưới 1% so với tỉ lệ tiêu thụ thịt tại Trung Quốc là 13%. Khi mức thu nhập tăng lên, mức tiêu thụ protein tại Việt Nam dự đoán cũng sẽ tăng lên, đem đến cơ hội cho những đơn vị dẫn đầu có thể thiết lập xu hướng thị trường mà hiện đang còn phân mảnh. Tập đoàn cũng đã nhìn thấy những hoạt động không hiệu quả của chuỗi giá trị protein động vật, từ đó người tiêu dùng Việt Nam phải trả tiền nhiều hơn cho dạng chất dinh dưỡng protein này. Tại Masan, chúng tôi khao khát về sức sáng tạo và mong muốn đáp ứng cho những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn, và chính vì thế chúng tôi đã chủ động tìm ra cách tốt nhất để đạt được cơ hội này. Bước đi đầu tiên, vào cuối năm 2014, Masan đã mua lại 100% cổ phần của Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn, công ty sản xuất các sản phẩm thịt chế biến nổi tiếng như xúc xích và thịt hộp. Thương vụ này cho phép Tập đoàn có được mảnh ghép đầu tiên của những gì chúng tôi hình dung sẽ trở thành nền tảng lớn hơn cho chuỗi giá trị protein động vật.

Ngành hàng gia vị và thực phẩm tiện lợi của chúng tôi có giá trị thị trường đạt 2,5 tỷ đô la Mỹ, và ngành hàng đồ uống không cồn cũng có giá trị 2,5 tỷ đô la Mỹ. Với thị trường bia có giá trị gần 4 tỷ đô la Mỹ ở Việt Nam, tổng giá trị thị trường của ngành hàng tiêu dùng đóng góp xấp xỉ 9 tỷ đô la Mỹ, tăng hơn mức 1,1 tỷ đô la Mỹ được xác định đầu năm 2013. Con số này không bao gồm quy mô của thị trường thịt chế biến. Với bốn động cơ tăng trưởng chính, ngành hàng tiêu dùng của chúng tôi có vị thế vững chắc để tận dụng cơ hội này.

* Không bao gồm giá trị ước tính 16 tỷ đô la Mỹ của thị trường protein động vật mà chúng tôi đã mua lại công ty chế biến thịt Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn.

Các hoạt động kinh doanh ngoài tiêu dùng cũng đã vượt qua các cột mốc quan trọng trong năm 2014. Trong hoạt động kinh doanh tài nguyên, chúng tôi đã hoàn tất việc vận hành thử nghiệm thành công mỏ Núi Pháo, chuyển đổi từ một loại tài sản hấp dẫn thành một hoạt động kinh doanh vonfram có quy mô toàn cầu. Núi Pháo đã trở thành mỏ vonfram đang vận hành lớn nhất ngoài Trung Quốc, cũng là nhà sản xuất vonfram có giá thành thấp nhất toàn cầu, và đồng thời có lượng khách hàng quốc tế thu mua sản phẩm của mình. Trong năm 2014, mỏ Núi Pháo đã hoàn thành nghiên cứu và đánh giá lại vòng đời của mỏ, và đã kéo dài vòng đời mỏ thêm 3 năm nữa, nghĩa là lên đến 20 năm tính từ năm 2014, căn cứ theo mức tăng trữ lượng mỏ lên 66 triệu tấn. Với hoạt động kinh doanh này đóng góp tích cực vào doanh thu thuần của Tập đoàn, và chương trình nâng cao hơn nữa hiệu suất và quy mô hoạt động thì hoạt động kinh doanh vonfram của chúng tôi đang trên đà trở thành người đứng đầu toàn cầu. Trong môi trường toàn kinh tế thế giới đầy biến động, hoạt động kinh doanh vonfram của chúng tôi mang lại dòng tiền lớn, nhu cầu có sẵn, và trữ lượng đã được xác định thì có thể cải tiến sản xuất và thành công trên thị trường.

Công ty liên kết của chúng tôi, Techcombank, đã chủ động quản lý chặt chẽ khi ngành ngân hàng đang suy giảm, tận dụng điều này để có thể trở thành một ngân hàng lớn mạnh hơn và cạnh tranh hơn. Trong ba năm qua, ngân hàng đã tập trung vào quản lý cấu trúc tài sản, trích lập dự phòng thận trọng, nâng cao hiệu quả và kiểm soát chi phí. Ngân hàng duy trì liên tục lượng tiền gửi bền vững và mở rộng mạng lưới, đồng thời tích cực giới thiệu các sản phẩm mới và tăng thêm các khoản thu nhập khác. Khi ngành ngân hàng trải qua thời kỳ tái cơ cấu, các thực hiện quản lý thận trọng của Techcombank đã tạo ra con đường sáng sủa hơn nhằm vươn tới vị thế dẫn đầu thị trường khi các yếu tố cơ bản của ngành được cải thiện.

Phương pháp xây dựng hoạt động kinh doanh và đầu tư với tầm nhìn dài hạn đã được thể hiện qua kết quả kinh doanh. Trong năm 2014, Masan Group đã đạt mức doanh thu, dòng tiền và lợi nhuận thuần kỷ lục. Doanh thu của Masan Consumer tăng lên nhờ ra mắt thành công các sản phẩm mới, trong khi đó Masan Resources và Masan Brewery lần đầu tiên đóng góp vào doanh thu của Tập đoàn trong năm 2014. EBITDA biên của Masan Group trong năm 2014 cao hơn năm 2013, với lợi nhuận gộp biên

Khi ngành ngân hàng trải qua thời kỳ tái cơ cấu, phương pháp tiếp cận thận trọng của Techcombank đã tạo ra CON ĐƯỜNG SÁNG SỬA VƯỢN TỚI VỊ THẾ DẪN ĐẦU THỊ TRƯỜNG khi các yếu tố cơ bản của ngành được cải thiện

trong mảng kinh doanh hàng tiêu dùng tốt hơn và cũng như mảng kinh doanh tài nguyên cũng đã đóng góp vào EBITDA năm 2014.

Tính cả năm 2014, doanh thu thuần của chúng tôi đã tăng từ 11.943 tỷ đồng trong năm 2013 lên mức 16.089 tỷ đồng trong năm 2014, tương đương tăng 34,7%. Nhờ tính hiệu quả của quy mô lớn và năng suất được cải thiện, lợi nhuận gộp tăng 35,3% từ 4.999 tỷ đồng trong năm 2013 lên 6.766 tỷ đồng trong năm 2014, cùng với lợi nhuận gộp biên tăng từ 41,9% trong năm 2013 lên 42,1% trong năm 2014. Nếu loại bỏ khấu hao lợi thế thương mại trong các công ty con và công ty liên kết nhằm phản ánh kết quả hoạt động trong điều kiện bình thường, lợi nhuận thuần pro forma tăng từ 2.161 tỷ đồng trong năm 2013 lên 3.116 tỷ đồng trong năm 2014, tương đương tăng 44,2%. Tăng trưởng lợi nhuận thuần pro forma này là do doanh thu bán hàng, lợi nhuận gộp và EBITDA cao hơn nhờ sự đóng góp từ các hoạt động kinh doanh tài nguyên và thu nhập tài chính thuần cao hơn. Lợi nhuận kiểm toán của chúng tôi đã tăng 55,8% đạt 2.037 tỷ đồng trong năm 2014.

Để hỗ trợ và xây dựng hiệu suất vận hành vượt trội cho tất cả các hoạt động kinh doanh, chúng tôi đầu tư liên tục vào mảng tuyển dụng nhân tài, hệ thống phân phối và nhà máy sản xuất tiên tiến. Ông Seokhee Won, người có hơn 22 năm kinh nghiệm ở vị trí quản lý trong các hoạt động xây dựng, mở rộng quy mô và quản lý danh mục hàng tiêu dùng ở các thị trường mới nổi và sơ khai đã gia nhập vào Tập đoàn ở vị trí Tổng Giám đốc Điều hành của Masan Consumer vào đầu năm 2014. Chúng tôi cũng đã xây dựng chương trình nhằm nâng cao các lớp quản lý bậc trung nòng cốt qua các chức năng khác nhau trong các ngành hàng tiêu dùng, để phát triển thể hệ lãnh đạo kế cận nhằm không ngừng mở rộng nền tảng hoạt động. Ông Dominic Price, nguyên Tổng Giám đốc Điều hành của J.P.Morgan tại Ấn Độ và Việt Nam, đã gia nhập vào Hội đồng Quản trị của Masan Group, và đang đóng góp chuyên môn của mình nhằm nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp của Masan Group để đạt các tiêu chuẩn quốc tế.

Những sáng kiến quan trọng được thực hiện nhằm tăng cường mạng lưới phân phối của chúng tôi trong năm 2014, bao gồm tăng thêm nhà phân phối và các điểm phân phối hàng quán cho ngành hàng đồ uống. Điều này giúp chúng tôi trở thành một trong số ít các công ty có sự hiện diện mạnh mẽ ở cả kênh phân phối hàng quán và truyền thống về thực phẩm và đồ uống với hơn 230.000 điểm bán hàng. Chúng tôi cũng đã triển khai thành công Hệ thống quản lý nhà phân phối ("DMS") tiên tiến cho 100% các nhà phân phối của chúng tôi, điều này giúp chúng tôi tiếp cận dữ liệu thời gian thực trên khắp mạng lưới phân phối. Nhằm phục vụ nhu cầu ngày càng tăng đối với các sản phẩm, chúng tôi đã bắt đầu xây dựng nhà máy sản xuất mới tại tỉnh Nghệ An. Trong quý 1 năm 2015, chúng tôi đã nhận được phê duyệt xây dựng nhà máy sản xuất thực phẩm và đồ uống lớn nhất của Masan tại tỉnh Hậu Giang. Các nhà máy này có thể giúp chúng tôi phục vụ người tiêu dùng tốt hơn trên toàn lãnh thổ Việt Nam, và giúp giảm đáng kể chi phí vận chuyển.

Để hỗ trợ hơn nữa nền tảng ngành hàng tiêu dùng, chúng tôi đã thực hiện một loạt các sáng kiến kinh doanh để thúc đẩy Masan Consumer Holdings ("MCH"), nền tảng cơ bản của Tập đoàn đầu tư sâu hơn vào các cơ hội liên quan đến tiêu dùng tại Việt Nam. Masan Group đã tái cơ cấu thông qua hợp nhất toàn bộ lợi ích kinh tế trong Masan Consumer vào MCH và làm tương tự cho Masan Brewery. Đầu tháng 12/ 2014, MCH đã hoàn thành việc phát hành trái phiếu có giá trị 2.100 tỷ đồng với thời hạn 10 năm ở mức lãi suất cố định 8%. Trái phiếu này có thời hạn lâu nhất và lãi suất thấp nhất của một công ty tư nhân tại Việt Nam. Trái phiếu được tổ chức Credit Guarantee and Investment Facility ("CGIF"), một quỹ ủy thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á, bảo lãnh và là thương vụ đầu tiên của CGIF tại Việt Nam. Giao dịch này ngoài việc khẳng định chiến lược tiêu dùng, thương vụ này mang đến cho chúng tôi nguồn vốn dài hạn cho các cơ hội phát triển hữu cơ, và mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.

Masan Group đã xây dựng nên một bảng thành tích đáng nể trong vai trò của một công ty xây dựng hoạt động kinh doanh trong những năm qua. Chúng tôi đã khẳng định năng lực của mình trong việc xây dựng hoặc mua lại các nền tảng vận hành và mở rộng quy mô của chúng thông qua việc triển khai nguồn vốn và nhân tài thích hợp để kiến tạo nên những doanh nghiệp dẫn đầu thị trường và tạo ra dòng tiền bền vững. Chúng tôi đã tạo ra giá trị cổ đông không chỉ bằng cách thể hiện tăng trưởng, mà còn nổi lên như quán quân trong các ngành hàng mà chúng tôi tham gia. Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô Việt Nam đang trên đà hồi phục và niềm tin tiêu dùng đang tăng cao, cũng như các hoạt động đầu tư chiến lược trong hai năm vừa qua, các nền tảng của Masan Group đã trở nên vững vàng để nhắm đến tiềm năng tiêu dùng của Việt Nam. Chúng tôi đang nhắm đến một chân trời mới mà chúng tôi cần phải tạo ra giá trị thông qua đổi mới mạnh mẽ chuẩn bị tư thế cho vị thế dẫn đầu thị trường trong năm năm tiếp theo.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Hoạt động của chúng tôi tập trung ở Việt Nam, do đó hiệu quả và chất lượng tài sản của chúng tôi cũng phụ thuộc rất lớn vào nền kinh tế Việt Nam. Môi trường kinh tế Việt Nam có thể bị ảnh hưởng đáng kể bởi nhiều yếu tố bên ngoài, bao gồm cả sự phát triển kinh tế trên toàn Châu Á.

Các yếu tố kinh tế vĩ mô có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động bao gồm chi tiêu và tiêu dùng cá nhân, nhu cầu về các sản phẩm và dịch vụ, tỷ lệ lạm phát, lãi suất, mặt bằng giá cả hàng hóa, gánh nặng trả nợ của người tiêu dùng hoặc doanh nghiệp và khả năng cho vay tín dụng cũng như các yếu tố khác như sự lây lan của bệnh dịch, xung đột vũ trang quy mô lớn, khủng bố hay bất cứ sự cố xã hội, địa lý hoặc chính trị bất lợi nào.

Năm 2015, nền kinh tế của Việt Nam dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng, mặc dù có những quan ngại về chi tiêu của người tiêu dùng và nợ xấu của khu vực ngân hàng.

Trên bình diện quốc tế, sự hồi phục của nền kinh tế toàn cầu có nguy cơ yếu hơn so với mức kỳ vọng hiện nay, đặc biệt trong bối cảnh có các tín hiệu yếu từ các thị trường hàng hóa toàn cầu. Điều này không chỉ gây thiệt hại cho hoạt động xuất khẩu, mà còn tạo ra hiệu ứng dây chuyền đối với chi tiêu của người tiêu dùng và doanh nghiệp tại Việt Nam, dẫn đến tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại. Việt Nam sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề bởi sự biến động giá cả hàng hóa quốc tế. Mặc dù giá nhiên liệu toàn cầu đã giảm đáng kể so với năm 2014, nhưng những biến động không thể dự báo trước có thể tác động đến nhu cầu của người tiêu dùng. Áp lực mạnh do sức cầu gia tăng và sự mất giá của tiền đồng Việt Nam so với đồng đô la Mỹ khiến cho việc nhập khẩu hàng hóa trở nên đắt đỏ hơn, theo đó, đẩy mặt bằng giá cả hàng hóa và dịch vụ lên cao.

Ngành thực phẩm và đồ uống của Việt Nam

Thu nhập bình quân đầu người ngày càng được cải thiện đã thúc đẩy ngành hàng tiêu dùng ở Việt Nam, vốn đã là nguồn tăng trưởng vững chắc cho ngành thực phẩm và đồ uống bất

Sau khi vận hành thử nghiệm thành công dự án Núi Pháo, hiện nay hoạt động kinh doanh vonfram của chúng tôi đang DẪN ĐẦU THẾ GIỚI xét về khoáng sản công nghiệp chiến lược, đặt nền móng cho cơ hội phát triển lớn hơn phía trước

chấp sự chao đảo kinh tế trên thế giới trong những năm gần đây. Nhu cầu tiêu dùng trong nước được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng cao nhờ tác động tổng hợp của các yếu tố nhân khẩu học thuận lợi, mở rộng đô thị hoá, mức gia tăng thu nhập khả dụng và tỷ lệ tiêu dùng.

Việt Nam có dân số đông thứ ba ở khu vực Đông Nam Á, với gần 70% dân số thuộc độ tuổi lao động (từ 15 đến 60 tuổi). Trong khi đặc điểm nhân khẩu học của Việt Nam tạo ra một cơ hội lý tưởng để gia tăng nhu cầu tiêu dùng trong nước thì những xu hướng khác gắn liền với những đặc điểm nhân khẩu học thực tế này có thể dẫn đến những thay đổi về mặt cấu trúc trong thị trường hàng tiêu dùng, chẳng hạn như nhu cầu lớn hơn về thực phẩm tiện lợi, sự chú trọng cao hơn vào các khía cạnh chất lượng và an toàn sức khỏe của sản phẩm, sự hợp nhất trong hoạt động kinh doanh và sở thích cao hơn dành cho các sản phẩm có thương hiệu, cùng nhu cầu dành cho các sản phẩm mới.

Ngành thực phẩm và đồ uống của Việt Nam có triển vọng tăng trưởng mạnh mẽ vì nền tảng của nó được củng cố bởi mức sống ngày càng tăng của các gia đình Việt. Chi tiêu cho thực phẩm và đồ uống đóng gói bình quân đầu người ở Việt Nam vẫn còn tương đối thấp so với các thị trường mới nổi tương đương, thể hiện một tiềm năng tăng trưởng mạnh cho thị trường. Sự tăng trưởng trong tương lai dự kiến sẽ chịu ảnh hưởng lớn từ sự thay đổi không ngừng trong phong cách tiêu dùng đô thị khi người tiêu dùng ngày càng xem trọng sự tiện lợi, an toàn và sức khỏe. Ngoài ra, mức tiêu dùng ngày càng tăng đối với các sản phẩm hàng tiêu dùng nhanh có thương hiệu ở vùng nông thôn Việt Nam sẽ góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng thị trường khi người tiêu dùng ở vùng nông thôn dễ dàng tiếp cận sản phẩm hơn và mặt bằng thu nhập khả dụng tăng lên.

Ngành tài nguyên của Việt Nam

Việt Nam được ưu đãi với những trữ lượng kim loại và khoáng chất lớn, trong đó có quặng bô-xít, đất hiếm, vonfram, titan, phốt-phát, than đá và sắt. Tuy nhiên, ngoại trừ than đá, phần lớn các dự án khai thác hiện tại trong nước có quy mô nhỏ, thể hiện một cơ hội đầy tiềm năng để phát triển trên quy mô lớn hơn.

Dự án Núi Pháo phù hợp với các tiêu chí lựa chọn ngành và chiến lược đầu tư của Masan vì dự án này sẽ trở thành một đơn vị sản xuất vonfram, florit và bismut tầm cỡ thế giới. Đây là những loại khoáng sản công nghiệp đặc biệt có tiềm năng đủ lớn để tạo nên một công ty dẫn đầu thuộc khu vực kinh tế tư nhân có khả năng tạo ra dòng tiền mạnh mẽ để phát triển ngành. Cơ sở thu hút của mỏ Núi Pháo đã biến Núi Pháo trở thành mỏ vonfram đang hoạt động lớn nhất ngoài Trung Quốc, và là nhà sản xuất khoáng sản với giá cạnh tranh trên quy mô toàn cầu.

Trong ngành tài nguyên khoáng sản tại Việt Nam, Masan đóng vai trò quan trọng trong thị trường vonfram trên quy mô toàn cầu. Vì thế giá thành của vonfram và viễn cảnh của nó có tác động lớn đến các hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Trong khi toàn bộ môi trường hàng hóa đã phát triển chậm lại tương ứng với tốc độ phát triển kinh tế tri tri trong thời gian gần đây tại Trung Quốc và Châu Âu, cơ cấu trung và dài hạn đối với vonfram và các khoáng sản công nghiệp khác trở thành đề tài

hấp dẫn. Không có bất kỳ áp lực về nguồn cung ứng mới nào đối với khoáng sản của chúng tôi, bằng chứng là Núi Pháo đã trở thành nhà sản xuất vonfram mới đầu tiên ngoài Trung Quốc trong hơn một thập kỷ, và tổng cơ cấu chi phí được hỗ trợ khi các mỏ hiện hữu khác gặp khó khăn trong khai thác. Môi trường hiện nay đã tạo ra cơ hội lớn hơn để mở rộng vị thế dẫn đầu và tăng cường nền tảng tài nguyên của chúng tôi.

Ngành bia của Việt Nam

Trong năm 2014, mức tiêu thụ của thị trường bia tại Việt Nam đứng thứ ba tại Châu Á, (sau Trung Quốc và Nhật Bản), tăng từ vị trí thứ tám. Bia nắm giữ 98% thị phần của toàn bộ ngành đồ uống có cồn tại Việt Nam, với quy mô thị trường được ước tính khoảng 4 tỷ đô la Mỹ. Các yếu tố thúc đẩy mức tiêu thụ nội địa tại Việt Nam bao gồm mức gia tăng thu nhập, dân số trẻ và tốc độ đô thị hóa nhanh, cho thấy những triển vọng tốt dành cho thị trường bia. Bước đầu thâm nhập thành công của Masan Brewery vào thị trường đang phát triển nhanh này là bằng chứng về những hiểu biết và niềm tin về ngành hàng tiêu dùng của Masan tại thị trường tiêu dùng Việt Nam đầy tiềm năng.

Ngành hàng protein động vật của Việt Nam

Tổng mức tiêu thụ thịt tại Việt Nam được ước tính đạt 16 tỷ đô la Mỹ. Thịt chế biến chiếm tỷ lệ dưới 1% của lượng tiêu thụ thịt, thấp hơn rất nhiều so với các quốc gia Châu Á khác, như Trung Quốc, nơi có tỷ lệ chiếm 13%. Khi mức thu nhập gia tăng, mức tiêu thụ protein tại Việt Nam sẽ tăng, và tập trung chủ yếu vào các vấn đề về an toàn vệ sinh thực phẩm và thương hiệu, chúng tôi đang nhắm đến sản phẩm thịt đóng gói. Ngành thịt chế biến tại Việt Nam khá phân mảnh, nhờ đó mà cơ hội cho đơn vị dẫn đầu thị trường có cơ hội thiết lập xu hướng thị trường trong ngành hàng này. Thông qua một công ty con, việc Masan Group mua lại Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn là bước đi đầu tiên của chúng tôi trong tiến trình xây dựng nền tảng cho ngành protein động vật và chúng tôi hiện đang tìm ra các phương cách để tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị lớn hơn, nơi có những nhu cầu lớn chưa được thỏa mãn, xét về mặt sản lượng, quy mô và các lựa chọn khác nhau cho khách hàng Việt.

Ngành ngân hàng của Việt Nam

Masan hiện là nhà đầu tư tài chính tại ngân hàng Techcombank với lợi ích kinh tế là 30,4%. Chúng tôi tin vào các triển vọng tăng trưởng dài hạn cho lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam do mức độ thâm nhập của các sản phẩm tài chính còn thấp, bao gồm số lượng tài khoản ngân hàng, thẻ tín dụng và thẻ chấp. Hiện nay ước tính chỉ có 25% dân số có tài khoản ngân hàng. Tuy nhiên, lĩnh vực ngân hàng tại Việt Nam đã và đang phải đối mặt với những vấn đề nghiêm trọng về chất lượng tài sản. Những quan ngại về nợ xấu đã tác động đến bảng cân đối kế toán và khiến tăng trưởng tín dụng thấp. Chính phủ đã bắt đầu tiến hành các bước để giải quyết vấn đề này qua việc đưa Công ty Quản lý Tài sản Việt Nam (VAMC) đi vào hoạt động, tuy nhiên giai đoạn tái cơ cấu vẫn còn đang thực hiện. Techcombank đã vượt qua thời kỳ suy thoái để vươn lên mạnh mẽ hơn và cạnh tranh hơn, và trên đà đạt đến vị trí dẫn đầu thị trường khi các yếu tố cơ bản của ngành được cải thiện.

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CHÚNG TÔI

Chúng tôi là công ty mẹ với tài sản chính là những khoản đầu tư vào các công ty con, chủ yếu là i) Masan Consumer Holdings (“MCH”), hiện đang nắm giữ lợi ích kinh tế của chúng tôi trong các hoạt động kinh doanh liên quan đến hàng tiêu dùng như Masan Consumer và Masan Brewery, ii) Masan Resources và iii) các công ty liên kết gồm có Ngân hàng Techcombank. Vì vậy, những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các công ty này cũng tác động đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Thông qua công ty con của mình, chúng tôi nắm giữ 78,4% lợi ích kinh tế trong công ty Masan Consumer vào ngày 31/12/2014 và hợp nhất kết quả kinh doanh của Masan Consumer vào báo cáo tài chính của chúng tôi. Những sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Masan Consumer cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Chúng tôi nắm giữ 100,0% lợi ích kinh tế trong công ty Masan Brewery vào ngày 31/12/2014. Lợi ích kinh tế này đã được

chuyển sang MCH. Toàn bộ lợi ích này được nắm giữ dưới dạng cổ phần và chúng tôi hợp nhất tỷ lệ sở hữu này như một công ty con trong báo cáo tài chính của Masan Group. Những sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Masan Brewery cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Chúng tôi nắm giữ 74,2% lợi ích kinh tế trong công ty Masan Resources vào ngày 31/12/2014. Toàn bộ tỉ lệ sở hữu này được nắm giữ dưới dạng cổ phần và chúng tôi hợp nhất tỷ lệ sở hữu này như một công ty con trong báo cáo tài chính của Masan Group. Những sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Masan Resources cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Chúng tôi nắm giữ 30,4% lợi ích kinh tế trong ngân hàng Techcombank, bao gồm các trái phiếu bắt buộc chuyển đổi vào ngày 31/12/2014. Do không sở hữu cổ phần kiểm soát tại ngân hàng Techcombank, nên chúng tôi hạch toán khoản đầu tư này theo phương pháp kế toán vốn chủ sở hữu. Những sự kiện có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của ngân hàng Techcombank cũng có tác động đến lợi nhuận thuần, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của chúng tôi.

Những yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và kết quả tài chính của Masan Group bao gồm những rủi ro về pháp lý, kinh doanh, cạnh tranh và vận hành, cũng như những yếu tố khác nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi.

Những công ty con và công ty liên kết của Masan Group hoạt động trong các ngành phải đối mặt với sự cạnh tranh mạnh mẽ và vị trí dẫn đầu thị trường của chúng tôi có thể bị lung lay nếu các đối thủ cạnh tranh đạt được những bước tiến quan trọng để giành lấy thị phần.

Masan Consumer Holdings cạnh tranh chủ yếu dựa vào các yếu tố như hình ảnh thương hiệu, giá cả, mạng lưới phân phối và sự đa dạng của sản phẩm. Thị trường thực phẩm và đồ uống tại Việt Nam sẽ ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn khi có nhiều thương hiệu và công ty thực phẩm quốc tế nổi tiếng thâm nhập vào thị trường. Sức

ép cạnh tranh có thể khiến cho các đối thủ phải gia tăng đáng kể chi phí dành cho quảng cáo và các hoạt động chiêu thị, hoặc thực hiện các hành vi định giá bất hợp lý. Masan Consumer Holdings có thể buộc phải đầu tư nhiều hơn vào hoạt động nghiên cứu và phát triển, cũng như các chương trình khuyến mại và tiếp thị. Những khoản chi phí này có thể khiến tỷ suất lợi nhuận của chúng tôi giảm sút và do đó ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động của chúng tôi.

Cụ thể, và nằm trong Masan Consumer Holdings, chúng tôi cũng không thể bảo đảm là đối thủ hiện tại hoặc tiềm năng của Masan Brewery không tung ra những sản phẩm tương đương hoặc vượt trội hơn chúng tôi nhằm cung cấp hoặc đáp ứng những thay đổi của thị trường theo các xu hướng phát triển của ngành. Đối thủ của chúng tôi có thể có nguồn tài chính dồi dào hơn, khả năng mua hàng và chi phí cơ bản thấp hơn giúp họ có những lợi thế nhất định. Chúng tôi cũng không bảo đảm là có thể cạnh tranh hoàn toàn với đối thủ hiện tại và tiềm năng. Nếu chúng tôi không thể cạnh tranh hiệu quả thì điều này có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Masan Resources đã bắt đầu vận hành dự án khai khoáng Núi Pháo, phần lớn doanh thu và dòng tiền sẽ đến từ hoạt động xuất khẩu. Công ty sẽ cạnh tranh với những nhà sản xuất vonfram, florit, bismut và đồng trên các thị trường khoáng sản thế giới bao gồm các nhà sản xuất Trung Quốc, chủ yếu dựa vào chất lượng, giá cả, chi phí vận chuyển và độ tin cậy của nguồn cung. Không thể bảo đảm rằng các đối thủ cạnh tranh với Núi Pháo sẽ không tìm cách bán khoáng sản có phẩm cấp cao hơn cũng như giảm giá mạnh để giành thị phần hay thăm dò thêm các khu mỏ để tiếp cận hơn hoặc tạo nguồn cung đáng tin cậy hơn.

Ngân hàng Techcombank có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt hơn từ các định chế tài chính trong nước và ngoài nước do yêu cầu mở cửa thị trường sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới WTO vào năm 2007. Ngân hàng Nhà nước đã cho phép các ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thông qua các chi nhánh tại Việt Nam. Khi Ngân hàng Nhà nước tiếp tục thực thi chính sách tự do hóa lĩnh vực ngân hàng, Techcombank cũng có thể phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt hơn từ các ngân hàng trong nước. Điều này có thể gây ra

ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của chúng tôi.

Masan Group phụ thuộc vào khả năng duy trì các hoạt động tuyển dụng hoặc giữ chân nhân viên có trình độ phù hợp với các vị trí quản lý then chốt của mình

Mặc dù Masan Group không phụ thuộc vào bất kỳ một thành viên riêng lẻ nào trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành hoặc đội ngũ quản lý cấp cao, nhưng sự thành công của Masan Group phụ thuộc đáng kể vào kỹ năng, trình độ và nỗ lực, cũng như khả năng tuyển dụng và giữ chân họ cùng những nhân viên giỏi khác. Do sự cạnh tranh khốc liệt tại Việt Nam, chúng tôi phải thường xuyên đối mặt với nhiều thách thức trong việc tuyển dụng và giữ chân đủ số lượng chuyên viên giỏi. Sự mất mát nhân sự chủ chốt có thể gây ra ảnh hưởng bất lợi đối với hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Masan Group.

Triển vọng kinh doanh của Masan Group gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam

Triển vọng kinh doanh của chúng tôi gắn liền trực tiếp với triển vọng kinh tế của Việt Nam. Do đó, nếu Việt Nam trải qua một cuộc suy thoái kinh tế, điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến công ty chúng tôi.

Kết quả tài chính của Masan Resources sẽ bị ảnh hưởng bởi sự biến động của giá cả hàng hóa

Dự án Núi Pháo nay đã chính thức đi vào vận hành và bắt đầu bán các sản phẩm tinh quặng hoặc sản phẩm có giá trị gia tăng chế biến từ vonfram, florit, bismut và đồng. Giá bán sản phẩm của công ty sẽ phụ thuộc vào tình hình cung cầu của thị trường quốc tế và mặt bằng giá của những sản phẩm này. Giá cả hàng hóa trên thế giới đã bị ảnh hưởng nặng nề trong những năm qua vì những quan ngại về tốc độ tăng trưởng toàn cầu. Bất kỳ biến động nào về giá cả toàn cầu đối với khoáng sản mà chúng tôi bán cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh tài nguyên của chúng tôi.

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị triệu đồng	2014	2013	2014	2013
	Kiểm toán	Kiểm toán	Pro forma	Pro forma
Doanh thu gộp	16.346.576	12.105.989	16.346.576	12.105.989
Doanh thu gộp	16.346.576	12.105.989	16.346.576	12.105.989
Các khoản giảm trừ	(257.940)	(163.456)	(257.940)	(163.456)
Doanh thu thuần	16.088.636	11.942.533	16.088.636	11.942.533
Giá vốn hàng bán	(9.489.008)	(6.943.196)	(9.322.584)	(6.943.196)
Lợi nhuận gộp	6.599.628	4.999.337	6.766.052	4.999.337
Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	(3.913.195)	(2.871.167)	(3.682.734)	(2.671.407)
Thu nhập tài chính	1.570.967	664.121	1.570.967	664.121
Chi phí tài chính	(1.710.991)	(606.785)	(1.656.309)	(606.785)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.546.409	2.185.506	2.997.976	2.385.266
Lợi nhuận/ (Chi phí) khác	246.383	20.719	246.383	20.719
Lợi nhuận từ Công ty liên kết	(53.061)	(192.781)	610.246	475.263
Lợi nhuận trước thuế	2.739.731	2.013.444	3.854.605	2.881.248
Thuế	(702.689)	(706.220)	(738.375)	(720.206)
Lợi nhuận thuần	2.037.042	1.307.224	3.116.230	2.161.042

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị triệu đồng	31/12/2014	31/12/2013
	Kiểm toán	Kiểm toán
TÀI SẢN NGẮN HẠN	16.428.327	11.198.630
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.166.415	5.698.563
Đầu tư ngắn hạn	4.042.212	3.287.000
Phải thu thuần từ hoạt động kinh doanh	4.344.934	349.650
Phải thu khác	831.973	625.488
Hàng tồn kho	1.604.854	1.070.334
Tài sản ngắn hạn khác	437.939	167.595
TÀI SẢN DÀI HẠN	36.536.773	35.303.511
Các khoản phải thu dài hạn	1.387.798	450.183
Tài sản cố định	24.064.527	23.121.361
TSCĐ hữu hình	18.409.913	1.731.429
TSCĐ hữu hình thuê tài chính	44.867	58.327
TSCĐ vô hình	1.798.696	1.288.672
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.811.051	20.042.933
Đầu tư dài hạn	8.745.176	10.761.467
Đầu tư dài hạn khác	2.339.272	970.500
TỔNG TÀI SẢN	52.965.100	46.502.141

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	31/12/2014	31/12/2013
Đơn vị triệu đồng	Kiểm toán	Kiểm toán
NỢ NGẮN HẠN	11.796.756	9.783.892
Vay và nợ ngắn hạn	6.042.278	6.635.910
Phải trả người bán	999.340	942.375
Người mua trả tiền trước	35.786	22.163
Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	962.550	483.421
Phải trả người lao động	258	20.387
Chi phí phải trả	1.862.531	1.578.366
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.894.013	101.270
NỢ DÀI HẠN	19.243.205	13.456.752
Vay và nợ dài hạn	17.521.970	12.067.096
Nợ dài hạn khác	1.721.235	1.389.656
NỢ PHẢI TRẢ	31.039.961	23.240.644
VỐN CHỦ SỞ HỮU	15.016.083	14.432.969
Vốn cổ phần	7.358.081	7.349.113
Thặng dư vốn cổ phần	9.631.164	9.601.627
Vốn khác của chủ sở hữu	97.703	97.703
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(43.098)
Vốn khác	(9.142.752)	(8.929.770)
Lợi nhuận chưa phân phối	7.071.887	6.357.394
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	6.909.056	8.828.528
TỔNG NGUỒN VỐN	52.965.100	46.502.141

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

Doanh thu

Doanh thu thuần tăng 34,7% từ 11.943 tỷ đồng trong năm 2013 lên mức kỷ lục 16.089 tỷ đồng trong năm 2014, nhờ doanh thu mảng kinh doanh hàng tiêu dùng tiếp tục tăng trưởng, và sự đóng góp doanh thu đáng kể từ mảng hoạt động kinh doanh tài nguyên, đồng thời Masan Brewery cũng đã bắt đầu đóng góp doanh thu trong năm 2014. Mỏ Núi Pháo đã bắt đầu vận hành thương mại từ ngày 01 tháng 03 năm 2014 và đã đóng góp 2.826 tỷ đồng vào doanh thu của Công ty trong năm 2014.

Đối với mảng hàng tiêu dùng, 2014 là năm đầu tư mở rộng thị trường, củng cố vị thế thị trường đối với các ngành hàng hiện hữu cũng như thâm nhập vào những ngành hàng mới – bia và protein động vật. Ngành hàng gia vị của chúng tôi chiếm hơn 70% thị phần trong các ngành hàng quan trọng, chúng tôi đã tái cơ cấu danh mục các nhãn hàng để phục vụ tốt hơn trong phân khúc cao cấp và bình dân. Chúng tôi cũng đã mở rộng thị trường gia vị trong năm 2014 thông qua giới thiệu sản phẩm hạt nêm. Trong ngành hàng thực phẩm tiện lợi, chúng tôi đã nâng cao vị thế thị trường của mình trên khắp các phân khúc cao cấp, bình dân và giá trị. Doanh thu từ ngành đồ uống không cồn đạt tăng trưởng mạnh khi cho ra mắt những sản phẩm mới, đồng thời hệ thống phân phối được mở rộng và hỗ trợ xây dựng thương hiệu giúp thúc đẩy vị thế thị trường trong thị trường 2,5 tỷ đô la Mỹ đang phát triển mạnh mẽ. Trong năm 2014, “Wake-Up” được đánh giá là một trong những nhãn hàng đồ uống phát triển nhanh nhất tại Việt Nam, với sự phát triển liên tục của cà phê Wake-Up Sài Gòn và sự ra mắt thành công của nước tăng lực vị cà phê Wake-Up 247 và cà phê hòa tan Wake-Up 2-trong-1. Những sáng kiến này đã giúp chúng tôi mở rộng thị trường trong phân khúc thực phẩm và đồ uống không cồn từ 1,1 tỷ đô la Mỹ lên gần 5 tỷ đô la Mỹ, đây chính là động lực cho tăng trưởng doanh thu sau này.

Đối với Masan Brewery, chúng tôi đang nhắm đến thị trường bia 4 tỷ đô la Mỹ của Việt Nam đang phát triển nhanh, chúng tôi đã cho ra mắt thành công nhãn hàng bia mới “Sư Tử Trắng” và bắt đầu đóng góp cho doanh thu của Masan Group trong năm 2014.

Đối với mảng kinh doanh tài nguyên, chúng tôi đã vận hành thử nghiệm thành công mỏ Núi Pháo và đã chuyển đổi từ một tài sản hấp dẫn trở thành nhà cung cấp vonfram hàng đầu trên thế giới. Mỏ Núi Pháo đã sản xuất ra những sản phẩm chất lượng cao như vonfram, florit, bismut và đồng và bán cho các khách hàng lớn.

Như vậy, những nỗ lực của chúng tôi trong năm 2014 đã giúp tăng giá trị thị trường của chúng tôi từ 1,1 tỷ đô la Mỹ lên gần 9 tỷ đô la Mỹ, không bao gồm thị trường protein động vật 16 tỷ đô la Mỹ, sẽ mang lại cơ hội tăng doanh thu của chúng tôi trong những năm tiếp theo.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần đã tăng lên 59,0% trong năm 2014 từ mức 58,1% trong năm 2013. Giá vốn hàng bán tăng 36,7% từ 6.943 tỷ đồng trong năm 2013 lên 9.489 tỷ đồng trong năm 2014. Điều chỉnh phân bổ lợi thế thương mại thì giá vốn hàng bán theo tỷ lệ phần trăm của doanh thu thuần đã giảm từ 58,1% trong năm 2013 xuống 57,9% trong năm 2014. Việc giảm tỷ lệ phần trăm nêu trên là nhờ lợi thế của quy mô lớn, hiệu năng sản xuất tăng lên và các sáng kiến tiết kiệm chi phí trong ngành hàng tiêu dùng. Bên cạnh đó, tỷ suất lợi nhuận gộp của Vinacafe cũng được cải thiện sau khi vận hành nhà máy chế biến mới và giảm phụ thuộc vào bột cà phê hòa tan nhập khẩu, giúp giá vốn hàng bán tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần của Vinacafe giảm từ 70,2% trong năm 2013 còn 64,2% trong năm 2014.

Lợi nhuận gộp

Với doanh số bán hàng cao hơn và những lợi ích thu được từ mở rộng quy mô và tiết kiệm chi phí, lợi nhuận gộp tăng 32,0% từ 4.999 tỷ đồng trong năm 2013 lên 6.600 tỷ đồng trong năm 2014. Biên lợi nhuận gộp được báo cáo của chúng tôi đã giảm còn 41,0% trong năm 2014 từ 41,9% trong năm 2013. Điều chỉnh phân bổ lợi thế thương mại, biên lợi nhuận gộp đã tăng từ 41,9% trong năm 2013 lên 42,1% trong năm 2014. Điều này là

nhờ biên lợi nhuận gộp đã được cải thiện trong tất cả các nhóm hàng tiêu dùng do lợi thế của quy mô lớn, hiệu năng sản xuất và giảm phụ thuộc vào bột cà phê nhập khẩu cũng như các sáng kiến tiết kiệm chi phí hoạt động khác. Biên lợi nhuận gộp thấp hơn từ các hoạt động kinh doanh tài nguyên do các hoạt động tiền sản xuất trong năm đầu vận hành thương mại, đã được bù trừ bằng cách cải thiện biên lợi nhuận gộp đối với các nhóm sản phẩm tiêu dùng.

Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng trong năm 2014 tăng 44,6% lên mức 2.865 tỷ đồng so với 1.982 tỷ đồng trong năm 2013. Chi phí bán hàng tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần tăng từ 16,6% trong năm 2013 lên 17,8% trong năm 2014, do Masan Consumer tiếp tục gia tăng đầu tư cho các sáng kiến xây dựng thương hiệu và tung ra các sản phẩm mới. Các khoản đầu tư này đã giúp chúng tôi củng cố vị trí thị trường và đã đặt nền móng vươn tới vị trí dẫn đầu trong các phân khúc thị trường mới đã được bắt đầu trong hơn hai năm qua, đặc biệt là thực phẩm tiện lợi và đồ uống.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý trong năm 2014 là 1.048 tỷ đồng so với mức 890 tỷ đồng trong năm 2013. Chi phí quản lý tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần giảm từ 7,4% trong năm 2013 xuống 6,5% trong năm 2014. Tỷ lệ giảm này là kết quả của các biện pháp kiểm soát chi phí được thực hiện cho tất cả các đơn vị trong Tập đoàn.

Thu nhập tài chính

Thu nhập tài chính đã tăng 136,5% lên mức 1.571 tỷ đồng so với mức 664 tỷ đồng trong năm 2013 và bao gồm lãi thu được từ số dư tiền mặt và lợi nhuận từ thanh lý các hoạt động kinh doanh không cốt lõi hoặc từ các công ty mà chúng tôi không giữ cổ phần đa số.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính tăng 182,0% lên 1.711 tỷ đồng trong năm 2014 từ mức 607 tỷ đồng trong năm 2013, chủ yếu là do tăng lãi suất phải trả cho các ngân hàng và các trái chủ, vì mô Núi Pháo đã bắt đầu vận hành thương mại trong năm 2014.

Lợi nhuận từ công ty liên kết

Lợi nhuận từ công ty liên kết thể hiện phần lợi nhuận thuần của ngân hàng Techcombank và Proconco tương ứng với tỷ lệ lợi ích vốn chủ sở hữu do Masan Group nắm giữ. Lợi nhuận từ công ty liên kết được ghi nhận lỗ 53 tỷ đồng trong năm 2014 so với mức lỗ 193 tỷ đồng trong năm 2013. Lợi nhuận từ công ty liên kết của Tập đoàn có cải thiện là nhờ mức đóng góp cao hơn từ lợi nhuận thuần của Techcombank, tăng 64,1% trong năm tài chính 2014.

Lợi nhuận thuần

Trong năm 2014, Tập đoàn đã báo cáo lợi nhuận thuần là 2.037 tỷ đồng, tăng 55,8% so với mức 1.307 tỷ đồng trong năm 2013. Các động lực quan trọng giúp tăng trưởng lợi nhuận thuần là hiệu quả hoạt động với doanh thu bán hàng, lợi nhuận gộp và EBITDA cao hơn nhờ đóng góp từ các hoạt động kinh doanh của mảng tài nguyên, đồng thời nhờ thu nhập tài chính thuần cao hơn và mức tăng lợi nhuận từ công ty liên kết Techcombank. Sau khi điều chỉnh để loại trừ tác động của khoản khấu hao lợi thế thương mại của các công ty con và các công ty liên kết, lợi nhuận thuần pro forma đã tăng từ 2.161 tỷ đồng trong năm 2013 lên 3.116 tỷ đồng, tương ứng tăng 44,2%. Để biết chi tiết về kết quả pro forma, vốn phản ánh kết quả hoạt động trong điều kiện ổn định, vui lòng tham khảo thêm phần “Thảo luận về kết quả kiểm toán so với kết quả pro forma” bên dưới.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Masan Group duy trì số dư tiền mặt hợp nhất vững mạnh (bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn) ở mức 9.209 tỷ đồng vào ngày 31/12/2014 so với mức 8.986 tỷ đồng vào 31/12/2013, tăng 2,5%. Sự gia tăng vị thế tiền mặt này phản ánh việc duy

trì tạo ra dòng tiền nội sinh từ mảng kinh doanh hàng tiêu dùng của chúng tôi bù trừ cho các khoản chi phí đầu tư cho các hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Dòng tiền vào của Tập đoàn cũng được củng cố nhờ Masan Consumer Holdings phát hành thành công trái phiếu có kỳ hạn 10 năm được CGIF bảo lãnh. Dòng tiền ra bao gồm khoản mua 32,8% cổ phần tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex cũng như thương vụ mua 99,99% cổ phần tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn. Trong mảng kinh doanh tài nguyên, chúng tôi đã phát hành thành công trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và tái cấp vốn cho tất cả các khoản nợ hiện có với những điều khoản tốt hơn.

Masan Group đề cao khả năng thanh khoản trên thị trường hạn chế vốn. Vị thế tiền mặt mạnh của chúng tôi mang lại tính linh hoạt vô cùng to lớn, có thể giúp chúng tôi tài trợ cho các hoạt động đầu tư vào tài sản cố định, và đây chính là một vùng đệm lý tưởng cho các sự kiện đầy bất ngờ trong tương lai nhằm giúp chúng tôi đầu tư để tăng trưởng, đồng thời thực hiện mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.

Tài sản cố định

Vào ngày 31/12/2014, tài sản cố định đạt mức 24.065 tỷ đồng, tăng 4,1% từ mức 23.121 tỷ đồng vào ngày 31/12/2013. Sự gia tăng này chủ yếu là do chi phí đầu tư vào dự án Núi Pháo, cũng như các khoản đầu tư mở rộng các nhà máy sản xuất của Masan Consumer.

Đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Trong tháng 12/2013, Masan Group đã tăng lợi ích kinh tế thực của mình trong Masan Consumer từ 67,4% lên 78,4%. Tập đoàn cũng đã hợp nhất các lợi ích vốn chủ sở hữu trực tiếp và gián tiếp trong Masan Consumer thông qua công ty con Masan Consumer Holdings. Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh Dưỡng Sài Gòn đã trở thành một công ty con sau khi Masan Consumer mua lại 100% cổ phần. Tập đoàn cũng đã thành lập một công ty con khác, Masan Brewery, hoạt động trong thị trường bia. Tập đoàn cũng đã bán các lợi ích của mình tại các công ty con mà

không là hoạt động kinh doanh cốt lõi như Công ty TNHH Bao bì Minh Việt, một cơ sở sản xuất bao bì, và Masan Agri mà sở hữu lợi ích thiểu số tại Công ty Cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco.

Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết bao gồm 30,4% lợi ích kinh tế thực trong ngân hàng Techcombank và 25,7% lợi ích kinh tế thực trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex, thông qua công ty con của chúng tôi, Masan Consumer, sở hữu 32,8% cổ phần vào ngày 31/12/2014.

Tổng tài sản

Tổng tài sản tăng 13,9% lên 52.965 tỷ đồng vào ngày 31/12/2014 từ mức 46.502 tỷ đồng vào ngày 31/12/2013, do tăng chi phí vốn đầu tư và khoản đầu tư vào công ty con.

Các khoản vay

Vào ngày 31/12/2014, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tăng 26,0% lên 23.564 tỷ đồng từ 18.703 tỷ đồng. Phần lớn sự gia tăng trong các khoản vay đến từ các khoản vay dài hạn, bao gồm 2.100 tỷ đồng trái phiếu do Masan Consumer Holdings phát hành và tăng từ một số khoản vay ngắn hạn nhằm tận dụng lãi suất đang ở mức hấp dẫn. Masan Group đề cao khả năng thanh khoản trên thị trường hạn chế vốn. Số dư tiền mặt lớn của chúng tôi mang lại tính linh hoạt vô cùng to lớn, có thể dùng cho việc đầu tư vào tài sản cố định; và đây chính là một vùng đệm lý tưởng cho các sự kiện đầy bất ngờ trong tương lai và giúp chúng tôi đầu tư để tăng trưởng. Vào ngày 31/12/2014 Tập đoàn có lượng tiền mặt và tương đương tiền là 9.209 tỷ đồng; một số dư tiền mặt rất phù hợp với chiến lược này.

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2014 là 15.016 tỷ đồng, tăng 4,0% so với mức 14.433 tỷ đồng vào ngày 31/12/2013. Tỷ lệ gia tăng vốn chủ sở hữu này chủ yếu bắt nguồn từ lợi nhuận giữ lại cao hơn trong năm 2014.

THẢO LUẬN VỀ KẾT QUẢ KIỂM TOÁN SO VỚI PRO FORMA

Pro forma, dù không phải là số liệu được kiểm toán, chỉ là kết quả dựa trên các số liệu đã được kiểm toán và được điều chỉnh để thể hiện kết quả hoạt động ổn định. Những mục điều chỉnh này bao gồm hoàn nhập khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua từ các thương vụ trong quá khứ, hoàn nhập chi phí không thường xuyên một lần trong giai đoạn vận hành ban đầu và tái cấp vốn của mảng kinh doanh tài nguyên cho năm kết thúc ngày 31/12/2014.

Chúng tôi đã hoàn nhập lại các chi phí liên quan đến phân bổ khấu hao lợi thế thương mại này vì chúng không phản ánh thu nhập từ hoạt động kinh doanh cốt lõi.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp pro forma, cho từng kỳ báo cáo và kỳ so sánh tương ứng, được tính toán sau khi hoàn nhập phân bổ lợi thế thương mại, tài sản hữu hình và tài sản vô hình từ các giao dịch M&A của Tập đoàn, cũng như điều chỉnh chi phí không thường xuyên một lần liên quan đến các hoạt động chạy thử của dự án Núi Pháo. Chi phí quản lý doanh nghiệp pro forma trong năm 2014 là 818 tỷ đồng so với mức 690 tỷ đồng trong năm 2013. Chi phí quản lý doanh nghiệp pro forma tính theo tỷ lệ phần trăm doanh thu thuần là 5,1% trong năm 2014.

Lợi nhuận từ Công ty liên kết

Lợi nhuận pro forma từ Công ty liên kết được tính toán sau khi hoàn nhập khoản phân bổ lợi thế thương mại từ việc chuyển nhượng quyền sở hữu trong ngân hàng Techcombank trong năm tài chính 2014 và 2013, và hoàn nhập khoản phân bổ lợi thế thương mại từ thương vụ mua lại cổ phần của công ty Proconco trong năm tài chính 2014 và 2013. Lợi nhuận pro forma từ Công ty liên kết tăng 28,4% lên 610 tỷ đồng trong năm 2014 do ngân hàng Techcombank có mức tăng lợi nhuận 64,1% trong năm 2014.

Lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần pro forma là 3.116 tỷ đồng trong năm 2014, tương ứng tăng 44,2% từ mức 2.161 tỷ đồng trong năm 2013. Khoản tăng này chủ yếu là do doanh thu bán hàng, lợi nhuận gộp và EBITDA cao hơn nhờ mức đóng góp từ các mảng kinh doanh tài nguyên, cũng như thu nhập tài chính thuần cao hơn và mức lợi nhuận từ ngân hàng Techcombank tăng.



BÁO CÁO
TÀI CHÍNH

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy Chứng nhận Đăng ký**Kinh doanh số**

0303576603

ngày 20 tháng 8 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 20 tháng 8 năm 2014. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Ông Hồ Hùng Anh

Thành viên

Bà Nguyễn Hoàng Yến

Thành viên

Ông Nguyễn Thiều Nam

Thành viên

Ông Lars Kjaer

Thành viên

Ông Dominic Edward Salter Price

Thành viên

(từ ngày 25 tháng 4 năm 2014)

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza

17 Lê Duẩn

Phường Bến Nghé, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập các báo cáo tài chính, Ban Giám đốc phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoặc Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính này.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính của Công ty và Tập đoàn đính kèm tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 102.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập các báo cáo tài chính này không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng và hợp nhất lần lượt của Công ty và Tập đoàn, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-723



Auvarin Phor
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2252-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		16.428.327	11.198.630	7.247.661	12.352.670
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	5.166.415	5.698.563	517.251	1.379.279
Tiền	111		302.970	203.577	9.901	11.831
Các khoản tương đương tiền	112		4.863.445	5.494.986	507.350	1.367.448
Đầu tư ngắn hạn	120	14	4.042.212	3.287.000	239.614	-
Các khoản phải thu – ngắn hạn	130	8	5.176.907	975.138	6.390.439	10.893.087
Phải thu khách hàng	131		4.346.998	351.434	3.072.190	-
Trả trước cho người bán	132		341.231	360.236	134.636	139.141
Phải thu khác	135		490.742	265.252	3.183.613	10.753.946
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(2.064)	(1.784)	-	-
Hàng tồn kho	140	9	1.604.854	1.070.334	-	-
Hàng tồn kho	141		1.627.172	1.091.073	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(22.318)	(20.739)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		437.939	167.595	100.357	80.304
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		70.227	28.718	396	489
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		295.726	100.506	50.380	46.866
Thuế phải thu Nhà nước	154		21.343	-	19.222	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		50.643	38.371	30.359	32.949

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260 + 269)	200		36.536.773	35.303.511	17.399.699	19.375.093
Các khoản phải thu – dài hạn	210	8	1.387.798	450.183	5.016.249	2.875.015
Phải thu dài hạn khác	218		1.387.798	450.183	5.016.249	2.875.015
Tài sản cố định	220		24.064.527	23.121.361	9.443	81.122
Tài sản cố định hữu hình	221	10	18.409.913	1.731.429	7.172	68.036
Nguyên giá	222		19.887.100	2.457.614	20.759	92.565
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.477.187)	(726.185)	(13.587)	(24.529)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	131		4.346.998	351.434	3.072.190	-
Nguyên giá	224	11	44.867	58.327	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	225		67.300	67.300	-	-
Tài sản cố định vô hình	226		(22.433)	(8.973)	-	-
Nguyên giá	227	12	1.798.696	1.288.672	2.271	3.065
Giá trị hao mòn lũy kế	228		2.262.894	1.597.069	4.532	4.214
Xây dựng cơ bản dở dang	229		(464.198)	(308.397)	(2.261)	(1.149)
	230	13	3.811.051	20.042.933	-	10.021
Đầu tư dài hạn	250	14	8.745.176	10.761.467	12.322.338	16.355.220
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	3.389.914	7.422.796
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		8.597.526	10.757.867	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác	258		147.650	3.600	-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.546.918	533.381	51.669	63.736
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	1.369.592	403.353	42.288	53.311
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	117.491	87.572	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		59.835	42.456	9.381	10.425
Lợi thế thương mại	269	17	792.354	437.119	-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		52.965.100	46.502.141	24.647.360	31.727.763

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		31.039.961	23.240.644	7.116.242	17.472.541
Nợ ngắn hạn	310		11.796.756	9.783.892	2.341.101	3.684.322
Vay và nợ ngắn hạn	311	18	6.042.278	6.635.910	567.960	2.311.300
Phải trả người bán	312		999.340	942.375	1.451	9.286
Người mua trả tiền trước	313		35.786	22.163	-	-
Thuế phải nộp Nhà nước	314	19	962.550	483.421	1.127	386
Phải trả nhân viên	315		258	20.387	-	-
Chi phí phải trả	316	20	1.862.531	1.578.366	215.239	479.911
Phải trả khác	319	21	1.894.013	101.270	1.555.324	883.439
Vay và nợ dài hạn	330		19.243.205	13.456.752	4.775.141	13.788.219
Nợ dài hạn khác	333	21	177.901	234.688	75.141	1.812.997
Vay và nợ dài hạn	334	22	17.521.970	12.067.096	4.700.000	11.975.222
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	16	932.787	1.151.716	-	-
Dự phòng dài hạn	337	23	610.547	3.252	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		15.016.083	14.432.969	17.531.118	14.255.222
Vốn chủ sở hữu	410	24	15.016.083	14.432.969	17.531.118	14.255.222
Vốn cổ phần	411	25	7.358.081	7.349.113	7.358.081	7.349.113
Thặng dư vốn cổ phần	412	25	9.631.164	9.601.627	9.631.164	9.601.627
Vốn khác của chủ sở hữu	413	26	97.703	97.703	97.703	97.703
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(43.098)	-	-
Vốn khác	418		(9.142.752)	(8.929.770)	(1.586.675)	(1.586.675)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		7.071.887	6.357.394	2.030.845	(1.206.546)
LỢI ÍCH CÔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		6.909.056	8.828.528	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		52.965.100	46.502.141	24.647.360	31.727.763

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

Chi tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các đơn vị tiền tệ khác VND là:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ:				
Đô la Mỹ ("USD")	9.141.772	27.222.114	7.064	6.945
Đồng Euro ("EUR")	179.401	7.547	-	-
Đô la Singapore ("SGD")	-	621	-	621

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập:


Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Tổng doanh thu	01	27	16.346.576	12.105.989	-	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	257.940	163.456	-	-
Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)	10	27	16.088.636	11.942.533	-	-
Giá vốn hàng bán	11	28	9.489.008	6.943.196	-	-
Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)	20		6.599.628	4.999.337	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	1.570.967	664.121	4.259.505	1.239.232
Chi phí tài chính	22	30	1.710.991	606.785	922.574	1.868.462
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.464.722	417.378	909.287	1.713.259
Chi phí bán hàng	24		2.864.837	1.981.587	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.048.358	889.580	106.550	337.596
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2.546.409	2.185.506	3.230.381	(966.826)
Thu nhập khác	31	31	405.287	105.808	67.929	2.983
Chi phí khác	32	32	158.904	85.089	60.919	-
Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		246.383	20.719	7.010	2.983
Lỗ từ các công ty liên kết	45	33	(53.061)	(192.781)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50 = 30 + 40 + 45) (mang sang trang sau)	50		2.739.731	2.013.444	3.237.391	(963.843)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50 = 30 + 40 + 45) (mang sang từ trang trước)	50		2.739.731	2.013.444	3.237.391	(963.843)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành (Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại	51	34	958.677	579.811	-	-
	52	34	(255.988)	126.409	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.037.042	1.307.224	3.237.391	(963.843)
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		956.873	856.024	-	-
Chủ sở hữu của Công ty	62		1.080.169	451.200	-	-
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	36	1.447	618	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng VND		36	1.418	429	-	-

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Người duyệt:


Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		2.739.731	2.013.444	3.237.391	(963.843)
Điều chỉnh cho các khoản						
Khấu hao và phân bổ	02		1.120.817	488.632	12.185	32.657
Các khoản dự phòng	03		64.376	37.958	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		49.068	18.906	(121)	-
Lỗ từ thanh lý/xóa sổ tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05		6.102	7.864	1.356	-
Thu nhập lãi từ tiền gửi và cổ tức	05		(404.953)	(391.541)	(3.970.465)	(1.231.138)
Thu nhập từ các hoạt động đầu tư	05		(1.111.073)	-	(286.587)	-
Bất lợi thương mại từ việc hợp nhất kinh doanh	05		-	(213.963)	-	-
Chi phí lãi vay	06		1.464.722	417.378	909.287	1.713.259
Lỗ từ các công ty liên kết	07		53.061	192.781	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.981.851	2.571.459	(96.954)	(449.065)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác						
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(202.202)	(239.025)	(1.510.445)	(1.278)
Biến động hàng tồn kho	10		(609.978)	(485.440)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(685.798)	47.826	1.396.875	73.961
Biến động chi phí trả trước	12		201.979	-	11.179	-
			2.685.852	1.894.820	(199.345)	(376.382)
Tiền lãi vay đã trả						
Tiền lãi vay đã trả	13		(1.734.103)	(1.351.905)	(812.331)	(497.586)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(562.747)	(830.677)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(55.855)	(28.160)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		333.147	(315.922)	(1.011.676)	(873.968)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.708.702)	(3.840.386)	(1.411)	(18.003)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		32.300	1.573	23.183	-
Khoản vay cấp cho bên thứ ba	23		(235.799)	(424.788)	-	-
Khoản vay cấp cho các công ty con	23		-	-	(1.821.711)	(2.617.558)
Tiền thu hồi các khoản cho các công ty con vay	23		-	-	647.042	930.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		(25.765.031)	(43.406.557)	(239.614)	-
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		24.685.669	42.325.557	-	68.000
Tiền chi cho đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác	25		(1.174.308)	(639.046)	-	(1.881.403)
Tiền thu từ bán một công ty con cho một công ty con khác	26		-	-	818.000	-
Tiền thu từ chuyển nhượng lợi ích vốn chủ sở hữu trong các công ty con	26		(1.463)	-	-	-
Tiền thu từ mua một công ty con	26		57.401	-	-	-
Tiền thu từ chuyển nhượng lợi ích kinh tế của công ty con cho một bên thứ ba	26		-	1.061.862	-	-
Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	27		434.094	484.084	559.159	57.669
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(4.675.839)	(4.437.701)	(15.352)	(3.461.295)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới	31		-	178.608	-	178.608
Tiền thu từ vốn góp/phát hành cổ phiếu mới trong các công ty con cho cổ đông thiểu số	31		507.943	3.274.210	-	-
Tiền chi mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	32		-	(3.490.092)	-	(3.490.092)
Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33		21.843.111	11.882.530	735.000	6.910.000
Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng và các đơn vị khác	34		(16.929.786)	(7.011.216)	(570.000)	-
Tiền chi trả cho chi phí đi vay	36		(272.457)	(74.448)	-	(44.000)
Tiền chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của một công ty con	36		(1.336.827)	(24.876)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		3.811.984	4.734.716	165.000	3.554.516
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(530.708)	(18.907)	(862.028)	(780.747)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		5.698.563	5.718.717	1.379.279	2.160.026
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(1.440)	(1.247)	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	7	5.166.415	5.698.563	517.251	1.379.279

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Chi phí khấu hao và phân bổ được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	4.979	51.563	-	-
Phát hành cổ phiếu mới để thanh toán các công cụ nợ	38.562	1.962.319	38.562	-
Tài sản cố định tăng do tăng khoản dự phòng cho quyền khai thác mỏ	607.858	-	-	-
Chuyển đổi khoản vay phải thu từ một công ty con thông qua việc phát hành cổ phiếu mới	-	-	-	1.962.319
Chuyển lợi ích vốn chủ sở hữu của một công ty con sang một công ty con khác	-	-	3.591.682	6.949.241
Mua một công ty con từ công ty con khác	-	-	1.246.496	-
Khoản vay thanh toán cho một công ty con thông qua các hợp đồng chuyển nhượng các khoản vay cho một công ty con khác	-	-	7.709.298	-
Cần trừ cổ tức với một công ty con	-	-	1.435.702	-
Góp vốn vào một công ty con thông qua chuyển đổi nợ gốc vay và khoản phải thu	-	-	376.800	-

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập:


Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
		31/12/2014	31/12/2013
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Consumer Holdings (“MCH”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (“MSC”)	Kinh doanh và phân phối	78,4%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San (“MSF”)	Kinh doanh và phân phối thực phẩm	78,4%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	78,4%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất gia vị	78,4%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD	Sản xuất thực phẩm tiện lợi	78,4%	74,2%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất gia vị	74%	70,1%
Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Minh Việt (“MVP”) (i)	Sản xuất bao bì	-	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Beverage (ii)	Kinh doanh và phân phối nước giải khát	78,4%	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan ĐN (iii)	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	78,4%	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
		31/12/2014	31/12/2013
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan MB (iv)	Sản xuất gia vị, thực phẩm tiện lợi và bao bì	78,4%	-
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Sản xuất và phân phối đồ uống	41,7%	39,5%
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Sản xuất đồ uống	50,1%	47,1%
Công ty Cổ phần TM DV & SX Krôngpha	Sản xuất đồ uống	50,1%	47,1%
Công ty Cổ phần Tầm Nhìn Ma San (“MH”)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San (“MR”)	Tư vấn quản lý	74,1%	75,9%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	74,1%	75,9%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	74,1%	75,9%
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (“NPM”)	Khai thác và chế biến quặng	74,1%	75,9%
Công ty Cổ phần Masan Agri (“MA”) (v)	Tư vấn quản lý	-	37,9%
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan)	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lamka (“Lamka”) (vi)	Sản xuất bia và nước giải khát	100%	-
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Phú Yên (“Pybeco”) (vi)	Sản xuất bia và nước giải khát	99,99%	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (i) Vào tháng 12 năm 2014, MSF đã bán 100% cổ phần trong MVP, một công ty con, cho một bên thứ ba với tổng khoản thanh toán là 500 tỷ VND. Giao dịch này dẫn đến Tập đoàn không nắm giữ lợi ích vốn chủ sở hữu của MVP.
- (ii) Vào tháng 5 năm 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0312797567 phê duyệt thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Beverage, một công ty con mới thành lập sở hữu 100% bởi MSC.
- (iii) Vào tháng 9 năm 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401622417 phê duyệt thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên Masan ĐN, một công ty con mới thành lập sở hữu 100% bởi MSC.
- (iv) Vào tháng 10 năm 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An đã ban hành Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2901738808 phê duyệt thành lập Công ty TNHH Một Thành Viên Masan MB, một công ty con mới thành lập sở hữu 100% bởi MSF.
- (v) Vào tháng 5 năm 2014, Công ty đã mua 51% lợi ích vốn chủ sở hữu của MA từ MSC với tổng khoản thanh toán là 1.246.496 triệu VND. Do đó, lợi ích vốn chủ sở hữu thực tế của Công ty trong MA đã tăng từ 37,9% tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đến 51% tại ngày 31 tháng 5 năm 2014. Vào tháng 12 năm 2014, Công ty đã mua 49% lợi ích vốn chủ sở hữu còn lại của MA, và sau đó đã bán toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu của MA cho bên các thứ ba khác.
- (vi) Vào tháng 9 năm 2014, Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan), một công ty con của Công ty đã mua 100% lợi ích vốn chủ sở hữu của Lamka, một công ty đang nắm giữ 99,99% lợi ích vốn chủ sở hữu của Pybeco.
- Tất cả các công ty con đều được thành lập tại Việt Nam.
- Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong các công ty con.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 32 nhân viên (31/12/2013: 38 nhân viên) và Tập đoàn có 7.047 nhân viên (31/12/2013: 7.297 nhân viên).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam và làm tròn đến hàng triệu đồng gần nhất ("Triệu VND").

3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông ("Cổ đông Kiểm soát") trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11 *Hợp nhất kinh doanh* và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01 *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực kế

toán số 21 *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập ("nguyên tắc mang sang toàn bộ"). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được thành lập vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho giai đoạn từ ngày thành lập đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

(ii) Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(iii) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một công ty nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch

toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi Tập đoàn chia sẻ khoản lỗ của công ty liên kết theo phần sở hữu của Tập đoàn vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm về không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Lợi ích của cổ đông thiểu số

Khi sự thay đổi quyền sở hữu của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của phần tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

(vi) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái thuần có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện hoặc Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ, khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn, một số chi phí liên quan đến tài sản khoáng sản cụ thể như sau:

- Chi phí thăm dò, thẩm định và phát triển được vốn hóa (bao gồm quy trình bóc dỡ đất đá phát triển mỏ) đối với các tài sản hiện đang sản xuất được vốn hóa;
- Chi phí bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất được vốn hóa (như được đề cập dưới đây trong ‘Chi phí bóc dỡ đất đá chờ kết chuyển’);
- Chi phí phục hồi mỏ; và
- Giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

Chi phí bóc dỡ đất đá chờ kết chuyển

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc dỡ lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc dỡ đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc dỡ đất đá phát triển mỏ) được vốn hóa vào chi phí mỏ đang xây dựng. Toàn bộ chi phí bóc dỡ đất đá phát triển mỏ đã vốn hóa trong tài sản đang xây dựng được kết chuyển vào tài sản khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- Khi công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc dỡ đất đá

Chi phí bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho đã sản xuất và tài sản bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc dỡ đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc dỡ đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng phế liệu ước tính trên tổng lượng quặng

ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Các chi phí này được vốn hóa vào tài sản bóc dỡ đất đá trong quá trình sản xuất khi tỷ lệ bóc dỡ đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc dỡ đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Tài sản bóc dỡ đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn. Tài sản bóc dỡ đất đá được phân loại là “tài sản khai thác khoáng sản khác”.

(ii) *Khấu hao*

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản.

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản là lượng sản phẩm ước tính có thể được khai thác có lãi và hợp pháp từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

Khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 30 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3 - 5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 - 10 năm

C ho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(h) *Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính*

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trong vòng 5 năm.

(i) *Tài sản cố định vô hình*

(i) *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đã thanh toán tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 50 năm.

(iii) *Phần mềm máy vi tính*

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 đến 10 năm.

(iv) *Thương hiệu*

Giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 đến 20 năm.

(v) *Quan hệ khách hàng*

Mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua việc mua lại công ty con, được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình.

Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính dao động từ 5 đến 13 năm.

(vi) *Tài nguyên nước khoáng*

Tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp hoặc phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh với giá tham khảo/giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự trong cùng một vùng. Đối với phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, giá trị của tài nguyên nước khoáng được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 10 đến 19 năm.

(vi) Quyền khai thác mỏ

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá do ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo Nghị định số 2013/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng mỏ.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cản trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn tất công tác triển khai, mà thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành “máy móc và thiết bị” và “tài sản khai khoáng” trong tài sản cố định hữu hình.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng

như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(iii) Chi phí bồi thường đất

Chi phí bồi thường đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 20 năm.

(iv) Trục in, công cụ và dụng cụ

Trục in, công cụ và dụng cụ được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ 1 đến 3 năm.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(v) Chi phí vay

Chi phí hình thành khoản vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con và công ty liên kết.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Quyền khai thác mỏ

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước lệ phí của quyền khai thác mỏ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá mỏ do ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố theo Nghị định số 2013/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Tiền cấp quyền khai thác mỏ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

Phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường. Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời và bản chất của mỏ.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản, thể hiện một phần chi phí để thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ hoạt động. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và theo đó được khấu hao. Giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

hường của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, từ đó dẫn đến một chi phí được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa bị trích khấu hao thiếu của các tài sản liên quan, trong đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và số điều chỉnh còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất của Tập đoàn và Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn và Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau :

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn và Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn và Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn và Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn và Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn và Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Các hợp đồng bảo lãnh tài chính được phân loại trong các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng chúng không được ghi nhận trong báo cáo tài chính.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Công cụ tài chính phái sinh

Tập đoàn nắm giữ các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro biến động giá nguyên vật liệu. Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ tại ngày ký kết hợp đồng phái sinh. Lãi hoặc lỗ công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện được ghi nhận là doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(r) **Vốn chủ sở hữu**

(i) **Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) **Vốn khác của chủ sở hữu**

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(iii) **Vốn khác**

Biến động vốn chủ sở hữu do việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung, việc mua lại/thanh lý lợi ích cổ đông thiểu số và các giao dịch liên quan đến công cụ vốn chủ sở hữu được ghi nhận trong vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

(s) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và ngày điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu. Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên bản khảo sát hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được kiểm tra bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi bản khảo sát của khách hàng nằm trong phạm vi sai sót đã được chấp nhận, khi đó doanh thu được ghi nhận

dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) **Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được phê duyệt bởi khách hàng dựa trên các điều khoản hợp đồng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(t) **Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(u) **Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

(i) **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay, lãi từ thanh lý lợi ích vốn chủ sở hữu và lãi chênh lệch tỷ giá và lãi công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) **Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, phí duy trì khoản vay, lỗ do chênh lệch tỷ giá và lỗ công cụ tài chính phái sinh đã thực hiện. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản đủ điều kiện sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản này.

(v) **Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(w) **Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm.

(x) **Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(y) **Các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm các công ty và cá nhân trực tiếp hay gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, kiểm soát hoặc được kiểm soát bởi, hoặc dưới sự kiểm soát chung của Tập đoàn, bao gồm công ty chủ quản, các công ty con và các công ty con thành viên. Các công ty liên kết và các cá nhân sở hữu, trực tiếp hay gián tiếp, quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng trọng yếu đến công ty, các nhân sự quản lý chủ chốt, bao gồm các giám đốc và nhân viên của Tập đoàn và các thành viên trong gia đình của các cá nhân và công ty liên kết với các cá nhân này cũng là các bên liên quan.

Việc xem xét mối quan hệ của bên liên quan can chú ý tới bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

(z) **Chi trả bằng cổ phiếu**

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá. Việc mua lại những cổ phiếu này được thực hiện bởi các công ty liên quan ngoài Tập đoàn sẽ không được ghi nhận bởi Tập đoàn.

4. BÁO CÁO CHIA THEO BỘ PHẬN KINH DOANH

Tập đoàn có bốn (4) bộ phận, như được trình bày dưới đây, là các hoạt động kinh doanh chiến lược của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh chiến lược này đem đến các dịch vụ và sản phẩm khác nhau, và được quản lý theo phương pháp riêng vì các hoạt động này đòi hỏi các chiến lược tiếp thị và công nghệ khác nhau. Đối với từng bộ phận, Ban Giám đốc của Tập đoàn soát xét các báo cáo quản lý nội bộ định kỳ.

Tập đoàn nắm giữ các bộ phận kinh doanh sau đây thông qua nhóm công ty con riêng:

- Thực phẩm và đồ uống
- Khai thác mỏ và chế biến

Tập đoàn cũng đầu tư và có ảnh hưởng đáng kể đối với một ngân hàng cổ phần và một tập đoàn vận hành các nhà máy thức ăn gia súc và cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng cho động vật. Ban Giám đốc của Tập đoàn xem Dịch vụ tài chính và Dinh dưỡng động vật là một bộ phận kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(a) Báo cáo theo bộ phận kinh doanh

	Thực phẩm và đồ uống		Dinh dưỡng động vật		Khai thác khoáng sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Doanh thu của bộ phận	13.262.905	11.942.533	-	-	2.825.731	-	-	-	16.088.636	11.942.533
Lợi nhuận gộp của bộ phận	5.828.734	4.999.337	-	-	739.419	-	-	-	6.568.153	4.999.337
Kết quả kinh doanh của bộ phận	2.666.839	2.774.956	194.773	183.016	(109.956)	(30.191)	(247.834)	(375.797)	2.503.822	2.551.984
Chi phí không phân bổ									(109.041)	(289.330)
Doanh thu hoạt động tài chính									754.437	87.264
Chi phí tài chính									(655.869)	(357.193)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (bao gồm kết quả từ các công ty liên kết)									2.493.348	1.992.725
Thu nhập khác									405.287	105.808
Chi phí khác									(158.904)	(85.089)
Chi phí thuế thu nhập									(702.689)	(706.220)
Lợi nhuận thuần									2.037.042	1.307.224

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Thực phẩm và đồ uống		Dinh dưỡng động vật		Khai thác khoáng sản		Dịch vụ tài chính		Tổng	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản của bộ phận	15.108.276	12.923.825	-	2.152.932	24.199.705	20.376.937	8.357.101	8.604.935	47.665.082	44.058.629
Tài sản không phân bổ									5.300.018	2.443.512
Tổng tài sản									52.965.100	46.502.141
Nợ phải trả của bộ phận	10.963.588	7.952.295	-	-	9.891.791	7.870.718	-	-	20.855.379	15.823.013
Nợ phải trả không phân bổ									10.184.582	7.417.631
Tổng nợ phải trả									31.039.961	23.240.644
	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chi tiêu vốn	843.267	315.863	-	-	1.885.626	3.506.517	-	-	2.728.893	3.822.380
Khấu hao	278.654	227.483	-	-	612.488	38.051	-	-	891.142	265.534
Phân bổ	319.250	200.991	-	-	201.807	16.919	-	-	521.057	217.910

Tài sản và nợ phải trả theo bộ phận lần lượt không bao gồm tài sản thuế và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**2014**

	Việt Nam	Châu Á (không bao gồm Việt Nam)	Châu Âu	Châu Mỹ	Các vùng khác	Hợp nhất
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	13.841.739	1.026.750	767.363	253.091	199.693	16.088.636
Tài sản của bộ phận	52.965.100	-	-	-	-	52.965.100
Chi tiêu vốn	2.728.893	-	-	-	-	2.728.893

2013

Trong năm 2013, Tập đoàn chỉ hoạt động trong một vùng địa lý Việt Nam bởi vì các cơ sở hoạt động, các khoản đầu tư và doanh thu đều phát sinh tại Việt Nam.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. HỢP NHẤT KINH DOANH**Mua Lamka**

Vào tháng 9 năm 2014, một công ty con trong Tập đoàn, Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery đã hoàn tất việc mua 100% lợi ích vốn chủ sở hữu của Lamka, một công ty nắm giữ 99,99% lợi ích vốn chủ sở hữu của Pybeco với tổng số tiền thanh toán là 594 triệu VND, bao gồm chi phí giao dịch. Việc mua cổ phần này giúp Tập đoàn nắm giữ 100% và 99,99% lợi ích vốn chủ sở hữu lần lượt trong Lamka và Pybeco tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua	Các điều chỉnh giá trị hợp lý	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.995	-	57.995
Các khoản phải thu – ngắn hạn	5.939	-	5.939
Hàng tồn kho	30.694	-	30.694
Tài sản ngắn hạn khác	19.975	-	19.975
Tài sản cố định hữu hình	358.423	26.872	385.295
Tài sản cố định vô hình	927	8.105	9.032
Xây dựng cơ bản dở dang	2.799	-	2.799
Tài sản dài hạn khác	2.271	-	2.271
Lợi thế thương mại	96.996	(96.996)	-
Nợ phải trả hiện hành	(225.385)	-	(225.385)
Nợ phải trả dài hạn	(702.915)	-	(702.915)
Nợ thuế thu nhập hoãn lại	-	(6.995)	(6.995)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	(352.281)	(69.014)	(421.295)
Tổng nợ phải trả thuần mua được			(421.295)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc thu mua (Thuyết minh 17)			421.889
Khoản thanh toán cho việc mua			594
Khoản thanh toán đã chi trả			(594)
Tiền mặt thu được			57.995
Tiền mặt thuần nhận được			57.401

Lợi thế thương mại được ghi nhận trong nghiệp vụ mua lại chủ yếu là lợi thế cộng hưởng mà Ban Giám đốc dự kiến sẽ thu được khi Lamka được hợp nhất vào hoạt động kinh doanh hiện hành của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

6. BÁN CÁC CÔNG TY CON

(a) Bán MA

Vào tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã mua 49% lợi ích vốn chủ sở hữu còn lại của MA, một công ty đang nắm giữ 40% lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc (“Proconco”), một công ty liên kết, với tổng số tiền thanh toán là 1.500 tỷ VND. Vào tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có 99,99% lợi ích vốn chủ sở hữu của MA. Vào cuối tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã hoàn tất việc bán 99,99% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MA cho bên thứ ba, với số tiền 3.035.143 triệu VND. Theo đó, Tập đoàn đã không còn nắm giữ lợi ích vốn chủ sở hữu trong MA và Proconco.

Việc bán này có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính của Tập đoàn tại ngày bán như sau:

	Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	477
Các khoản đầu tư ngắn hạn	83.500
Khoản phải thu khác	1.659
Đầu tư vào các công ty liên kết	2.267.705
Thuế phải nộp Nhà nước	(357)
Chi phí phải trả	(467)
Tài sản thuần có thể xác định được đã bán	2.352.517
Lãi ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 29)	682.626
Giá bán	3.035.143
Phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (*)	(3.035.143)
Tiền và các khoản tương đương tiền đã bán	(477)
Khoản tiền thuần đã bán	(477)

(*) Sau ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã nhận được 1.500 tỷ VND giá bán khoản đầu tư này.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Bán MVP

Vào tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã bán 100% cổ phần trong MVP, một công ty con, cho một bên thứ ba với giá 500 tỷ VND. Theo đó, Tập đoàn không còn nắm giữ lợi ích vốn chủ sở hữu trong MVP.

Việc bán này có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính của Tập đoàn tại ngày bán như sau:

	Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	986
Các khoản đầu tư ngắn hạn	96.600
Các khoản phải thu	4.507
Hàng tồn kho	42.207
Tài sản ngắn hạn khác	1.319
Tài sản cố định hữu hình	15.901
Tài sản cố định vô hình	2.420
Tài sản dài hạn khác	4.515
Vay ngắn hạn	(65.884)
Các khoản phải trả	(9.080)
Người mua trả tiền trước	(16.294)
Thuế và các nghĩa vụ khác	(4.928)
Chi phí phải trả	(2.638)
Các khoản phải trả khác	(1.631)
Tài sản thuần có thể xác định được đã bán	68.000
Lãi ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 29)	428.447
Lãi ghi nhận vào vốn khác (Thuyết minh 14 (d)(iii))	3.553
Giá bán	500.000
Thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (*)	(500.000)
Tiền và các khoản tương đương tiền đã bán	(986)
Khoản tiền thuần đã bán	(986)

(*) Sau ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn đã nhận được 50 tỷ VND giá bán khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

7. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tiền mặt	1.432	3.367	124	470
Tiền gửi ngân hàng	301.538	200.210	9.777	11.361
Các khoản tương đương tiền	4.863.445	5.494.986	507.350	1.367.448
	5.166.415	5.698.563	517.251	1.379.279

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch. Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 4,4% đến 5,4% trong năm (31/12/2013: 6% đến 8% một năm đối với VND và 0,25% đến 0,5% một năm đối với USD).

Không có các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 28.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (xem Thuyết minh 22).

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU – NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, một phần của khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (xem Thuyết minh 18).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, trong khoản trả trước cho người bán có 61.723 triệu VND (31/12/2013: 194.417 triệu VND) liên quan đến trả trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Phải thu khác bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Phải thu ngắn hạn khác				
Khoản phải thu từ bán các khoản bồi thường	256.200	-	-	-
Khoản phải thu phi thương mại từ các bên liên quan	142.244	142.244	3.168.668	10.734.312
Lãi trích trước phải thu từ các khoản tiền gửi	64.972	51.906	3.398	1.250
Thuế GTGT của thuế nhà thầu nước ngoài	-	11.947	-	6.837
Phải thu từ các dịch vụ	11.547	11.547	11.547	11.547
Phải thu khác	15.779	47.608	-	-
	490.742	265.252	3.183.613	10.753.946
Phải thu dài hạn khác				
Lãi dài hạn phải thu	4.712	25.395	-	-
Vay dài hạn phải thu	-	424.788	-	-
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan	-	-	5.016.249	2.875.015
Khác (*) (Thuyết minh 13)	1.383.086	-	-	-
	1.387.798	450.183	5.016.249	2.875.015

(*) Các khoản phải thu khác phản ánh khoản phải thu từ Nhà nước đối với chi phí bồi thường đất của Dự án Khai thác Khoáng sản Núi Pháo tại Xã Hà Thương, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản này sẽ được cân trừ với phí thuê đất hàng năm.

Phải thu khác bao gồm khoản phải thu các bên liên quan như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ				
Phi thương mại – ngắn hạn	142.244	142.244	142.244	142.244
Phải thu từ các bên liên quan khác				
Phi thương mại – ngắn hạn	-	-	3.026.424	10.592.068
Phi thương mại – dài hạn	-	-	5.016.249	2.875.015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn của Tập đoàn từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều khoản của hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản phải thu ngắn hạn – phi thương mại từ các bên liên quan khác của Công ty bao gồm:

- 2.247.291 triệu VND (31/12/2013: 2.003.529 triệu VND) liên quan đến hợp đồng vay không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con với số tiền là 1.962.319 triệu VND (31/12/2013: 1.962.319 triệu VND) và lãi phải thu tương đương 284.972 triệu VND (31/12/2013: 41.210 triệu VND). Khoản vay sẽ được hoàn trả vào ngày đáo hạn trong năm 2015 và hưởng lãi suất năm là 12% (2013: 12% một năm);
- Một hợp đồng cấp vốn không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con với nợ gốc vay là 487.500 triệu VND (31/12/2013: 487.500 triệu VND). Khoản vay này không chịu lãi và sẽ được hoàn trả vào ngày đáo hạn trong năm 2015;
- 232.177 triệu VND (31/12/2013: 211.070 triệu VND) liên quan đến khoản vay 210.000 triệu VND (31/12/2013: 210.000 triệu VND) không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con và khoản lãi phải thu là 22.177 triệu VND (31/12/2013: 1.070 triệu VND). Khoản vay này sẽ đáo hạn trong năm 2015 và hưởng lãi suất năm là 10% (2013: 10% một năm);
- 25.018 triệu VND (31/12/2013: 22.755 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2015, được trích lãi từ khoản vay 620.000 triệu VND cấp cho một công ty con trong năm 2013 đã được hoàn trả gốc vay trong năm 2013; và
- 34.438 triệu VND (31/12/2013: 6.983.680 triệu VND) còn lại trong khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu hồi theo điều khoản của hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản phải thu dài hạn phi thương mại từ các công ty liên quan khác của Công ty không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều khoản của hợp đồng, bao gồm:

- Khoản phải thu 1.074.265 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 liên quan đến phí duy trì hạn mức vay của các hợp đồng vay không đảm bảo với hạn mức là 218 triệu Đô la Mỹ và 2.200 tỷ VND cấp cho một công ty con. Trong năm, Công ty với các công ty con đã ký các thỏa thuận thay đổi bản chất của các phí duy trì hạn mức vay này thành các khoản chi phí lãi liên quan đến các khoản cho vay cấp cho các công ty con. Những khoản chi phí lãi phải thu này là 2.134.490 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và phải thu từ năm 2016 đến năm 2018. Số tiền 229.967 triệu VND (2013: Không) liên quan đến tiền gốc và lãi cho vay thu từ các khoản cho vay của Công ty trong năm.
- 323.560 triệu VND (31/12/2013: 278.398 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2019, được trích lãi từ khoản vay 2.000 tỷ VND cấp cho một công ty con trong năm 2011 và đã được hoàn trả trong năm 2012;
- 2.245.113 triệu VND (31/12/2013: 1.072.169 triệu VND) liên quan đến các khoản vay 1.994.358 triệu VND (31/12/2013: 1.052.769 triệu VND) không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con và lãi phải thu là 250.755 triệu VND (31/12/2013: 19.400 triệu VND). Các khoản vay này đáo hạn vào năm 2018 và hưởng lãi suất năm là 12% (2013: 12% một năm);
- 83.119 triệu VND (31/12/2013: 450.183 triệu VND) liên quan đến hợp đồng vay 79.569 triệu VND (31/12/2013: 424.788 triệu VND) không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con và lãi phải thu tương đương 3.550 triệu VND (31/12/2013: 25.395 triệu VND). Khoản vay hưởng lãi suất năm là 10,5% và sẽ được hoàn trả vào ngày đáo hạn trong năm 2017 (2013: 10% đến 10,5% một năm).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. HÀNG TỒN KHO

	Tập đoàn	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Hàng mua đang đi đường	64.148	49.521
Nguyên vật liệu	599.438	381.333
Công cụ và dụng cụ	511.941	326.413
Sản phẩm dở dang	76.624	90.522
Thành phẩm	366.480	223.444
Hàng hóa tồn kho	5.097	19.840
Hàng hóa ký gửi	3.444	-
	1.627.172	1.091.073
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.318)	(20.739)
	1.604.854	1.070.334

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Tập đoàn	
	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	20.739	11.991
Tăng dự phòng trong năm	67.433	38.187
Sử dụng dự phòng trong năm	(61.739)	(24.495)
Hoàn nhập	(3.488)	(4.944)
Bán một công ty con	(627)	-
Số dư cuối năm	22.318	20.739

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, một phần hàng tồn kho của Tập đoàn được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (xem Thuyết minh 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tập đoàn

	Tài sản khai khoáng Triệu VND	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Máy móc và thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	-	627.019	94.220	71.834	1.605.642	58.899	2.457.614
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	75.021	45	1.633	307.884	712	385.295
Tăng trong năm	101.468	1.173	3.175	1.010	6.510	77	113.413
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.698.583	2.119.485	-	12.024	9.320.422	4.333	17.154.847
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	(481)	-	(481)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.561)	-	-	(3.018)	-	(4.579)
Thanh lý	-	(2.973)	(71.680)	(4.990)	(34.785)	(7.818)	(122.246)
Xóa sổ	-	(2.500)	-	(2.820)	(1.359)	(220)	(6.899)
Phân loại lại	-	660	-	615	(1.275)	-	-
Bán một công ty con	-	(10.832)	-	(1.822)	(76.469)	(741)	(89.864)
Số dư cuối năm	5.800.051	2.805.492	25.760	77.484	11.123.071	55.242	19.887.100

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Tài sản khai khoáng Triệu VND	Nhà cửa và vật kiến trúc Triệu VND	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Máy móc và thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận chuyển Triệu VND	Tổng Triệu VND
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	-	86.063	29.111	32.932	552.702	25.377	726.185
Khấu hao trong năm	171.419	106.252	9.774	10.245	582.643	8.422	888.755
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	(100)	-	(100)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	(1.717)	-	(1.717)
Thanh lý	-	(2.299)	(19.809)	(2.756)	(24.760)	(6.042)	(55.666)
Xóa sổ	-	(2.367)	-	(2.820)	(901)	(219)	(6.307)
Phân loại lại	-	1.327	-	566	(1.490)	(403)	-
Bán một công ty con	-	(5.869)	-	(1.540)	(65.813)	(741)	(73.963)
Số dư cuối năm	171.419	183.107	19.076	36.627	1.040.564	26.394	1.477.187
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	-	540.956	65.109	38.902	1.052.940	33.522	1.731.429
Số dư cuối năm	5.628.632	2.622.385	6.684	40.857	10.082.507	28.848	18.409.913

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là các tài sản trị giá 131.143 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 128.897 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Không có tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn không được sử dụng và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 1.547 triệu VND).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 33.679 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 48.573 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 815.204 triệu VND (31/12/2013: 676.017 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (xem Thuyết minh 18 và 22).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty:

	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	86.778	5.787	92.565
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	4.313	4.313
Thanh lý	(71.680)	(4.439)	(76.119)
Số dư cuối năm	15.098	5.661	20.759
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	21.979	2.550	24.529
Khấu hao trong năm	9.183	1.890	11.073
Thanh lý	(19.809)	(2.206)	(22.015)
Số dư cuối năm	11.353	2.234	13.587
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	64.799	3.237	68.036
Số dư cuối năm	3.745	3.427	7.172

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	67.300
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	8.973
Khấu hao trong năm	13.460
Số dư cuối năm	22.433
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	58.327
Số dư cuối năm	44.867

Một công ty con của Công ty đã thuê thiết bị thí nghiệm để thử nghiệm luyện kim theo thỏa thuận thuê tài chính (Thuyết minh 22(d)).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất Triệu VND	Phần mềm vi tính Triệu VND	Nhãn hiệu Triệu VND	Quan hệ khách hàng Triệu VND	Nguồn nước khoáng Triệu VND	Quyền khai khoáng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	173.793	39.964	702.866	375.110	305.336	-	1.597.069
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	927	8.105	-	-	-	9.032
Tăng trong năm	-	3.505	1.500	-	-	588.373	593.378
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	67.048	-	-	-	-	67.048
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(50)	-	-	-	-	(50)
Xóa sổ	(31)	(44)	-	-	-	-	(75)
Bán một công ty con	(3.508)	-	-	-	-	-	(3.508)
Số dư cuối năm	170.254	111.350	712.471	375.110	305.336	588.373	2.262.894
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	20.194	17.363	125.665	142.788	2.387	-	308.397
Khấu hao trong năm	4.947	12.981	62.710	68.319	2.603	5.369	156.929
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(18)	-	-	-	-	(18)
Xóa sổ	-	(22)	-	-	-	-	(22)
Bán một công ty con	(1.088)	-	-	-	-	-	(1.088)
Số dư cuối năm	24.053	30.304	188.375	211.107	4.990	5.369	464.198
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	153.599	22.601	577.201	232.322	302.949	-	1.288.672
Số dư cuối năm	146.201	81.046	524.096	164.003	300.346	583.004	1.798.696

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình là tài sản trị giá 15.031 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: 7.274 triệu VND), những vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 70.093 triệu VND (31/12/2013: 72.958 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của các công ty con (xem Thuyết minh 18).

Công ty:

	Phản mềm vi tính Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	4.214
Tăng trong năm	318
Số dư cuối năm	4.532
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.149
Khấu hao trong năm	1.112
Số dư cuối năm	2.261
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	3.065
Số dư cuối năm	2.271

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	20.042.933	15.317.924	10.021	71.628
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	2.799	1.047	-	-
Tăng trong năm	3.356.972	5.094.361	1.093	16.009
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.154.847)	(340.323)	(4.313)	(74.844)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(67.048)	(15.097)	-	(2.161)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(6.594)	(5.779)	-	(570)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(972.598)	(9.200)	(63)	(41)
Thanh lý	(5.263)	-	(4.521)	-
Xóa sổ	(2.217)	-	(2.217)	-
Bồi thường chi phí tái định cư, chuyển sang khoản phải thu khác (Thuyết minh 8)	(1.383.086)	-	-	-
Số dư cuối năm	3.811.051	20.042.933	-	10.021

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, không có xây dựng cơ bản dở dang được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các công ty con (31/12/2013: 176.983 triệu VND) (xem Thuyết minh 18).

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 412.373 triệu VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.117.239 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Đầu tư dài hạn				
Đầu tư vào công ty con	-	-	3.389.914	7.422.796
Đầu tư vào các công ty liên kết (a)	8.597.526	10.757.867	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác (b)	147.650	3.600	-	-
	8.745.176	10.761.467	12.322.338	16.355.220
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	4.042.212	3.287.000	239.614	-

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn trên ba tháng nhưng không quá mười hai tháng kể từ ngày giao dịch. Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 4,9% đến 7% (2013: dao động từ 6% đến 8%) trong năm.

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (*)	-	3.591.682
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings	516.600	516.600
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan) (**)	-	441.200
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	2.873.314	2.873.314
	3.389.914	7.422.796

(*) Trong tháng 5 năm 2014, Công ty đã chuyển 21,39% lợi ích vốn chủ sở hữu còn lại của MSC theo nguyên giá cho MCH với tổng số tiền thanh toán là 3.591.682 triệu VND. Công ty đã chuyển các khoản nợ còn tồn đọng và khoản lãi phải trả có liên quan của MSC cho MCH.

(**) Trong tháng 9 năm 2014, Công ty đã chuyển toàn bộ khoản cho vay còn tồn đọng và khoản lãi phải thu tương đương 376.800 triệu VND vào vốn góp cho Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery. Sau đó vào tháng 12 năm 2014, Công ty đã chuyển toàn bộ 100% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery theo nguyên giá cho MCH với tổng số tiền là 818.000 triệu VND.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Chi tiết các công ty con được hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Lô III-10-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Thành phố Hải Dương, Việt Nam
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Khu 1, Thôn Suối Đa, Xã Dương Tô, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San Beverage	Tầng 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San DN	Đường số 7, Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San MB	Khu B, Khu Công nghiệp Năm Cam – Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, Xã Nghi Long, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo	Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
Công ty Cổ phần TM DV & SX Krôngpha	Km số 37, Quốc lộ 27, Thị trấn Tân Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
Công ty TNHH Masan Brewery (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan)	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Lamka	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải khát Phú Yên	Khu Công nghiệp Hòa Hiệp, Xã Hòa Hiệp Bắc, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên, Việt Nam

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(a) Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) (*)	8.357.101	8.604.935	8.932.424	8.932.424
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức Ăn Gia Súc Proconco ("Proconco") (**)	-	2.152.932	-	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex ("Cholimex") (***)	240.425	-	-	-
	8.597.526	10.757.867	8.932.424	8.932.424

(*) Khoản đầu tư vào Techcombank phản ánh khoản đầu tư tương đương 30,36% (31/12/2013: 30,36%) lợi ích kinh tế thực tế của Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Lợi ích kinh tế thực tế của Tập đoàn bao gồm 15,64% thông qua lợi ích vốn chủ sở hữu và 14,72% thông qua trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 10 năm phát hành bởi Techcombank mà Công ty đã đồng ý chuyển đổi một cách bắt buộc và không thể hủy ngang trong thời hạn chuyển đổi, theo các quy định pháp lý và các thông lệ được chấp thuận.

(**) Tập đoàn đã thanh lý toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu trong Proconco tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (31/12/2013: nắm giữ 15,14%), do kết quả từ việc bán MA, một công ty hiện nắm giữ 40% lợi ích trực tiếp trong Proconco.

(***) Trong tháng 12 năm 2014, MSF, một công ty con của Công ty đã mua 32,84% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Cholimex, với giá 239.420 triệu VND chưa bao gồm chi phí giao dịch.

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Techcombank Triệu VND	Proconco Triệu VND	Cholimex Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	8.604.935	2.152.932	-	10.757.867
Chia lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết trong năm	(247.834)	194.773	-	(53.061)
Cổ tức đã nhận	-	(80.000)	-	(80.000)
Bán khoản đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh 6 (a))	-	(2.267.705)	-	(2.267.705)
Mua một công ty liên kết	-	-	240.425	240.425
Số dư cuối năm	8.357.101	-	240.425	8.597.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Đầu tư dài hạn khác

Chi tiết của các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	Tập đoàn	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	144.050	-
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Táo Vĩnh Hảo	3.600	3.600
	147.650	3.600

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Việt Nam Đồng, có kỳ hạn gốc trên 12 tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm dao động từ 7,2% đến 7,7% trong năm.

(c) Các giao dịch với các công ty con trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 – các giao dịch với cổ đông thiểu số**(i) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong MSC**

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, KKR Masan Aggregator L.P, một chi nhánh của Kohlberg Kravis Roberts & Co. L.P. ("KKR"), đã mua cổ phiếu mới do MSC phát hành. Cùng với việc phát hành cổ phiếu, MSC đã ký một thỏa thuận với nhà đầu tư để phát hành thêm cổ phiếu dựa trên những điều kiện định giá nhất định liên quan đến lợi nhuận của MSC năm 2013. Số cổ phiếu phải phát hành thêm đó đã làm suy giảm lợi ích vốn chủ sở hữu của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Tuy nhiên, trong năm 2014, nhà đầu tư đã hủy bỏ yêu cầu này dẫn đến lợi ích vốn chủ sở hữu của Tập đoàn trong MSC tăng trở lại mức 77,4%, dẫn đến các ảnh hưởng như sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành mà Tập đoàn không đăng ký mua	-
Tài sản thuần tăng thêm	512.575
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	512.575

Vào tháng 5 năm 2014, MSC đã thanh lý khoản đầu tư vào MA bằng cách chuyển cổ phần trong MA cho Công ty. Vì vậy, MCH đã chia nguồn quỹ khác trong giao dịch này cho lợi ích cổ đông thiểu số, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Phân bổ vốn khác từ việc thanh lý khoản đầu tư trong MA	7.135
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	7.135

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Vào tháng 6 năm 2014, MSC đã phát hành cổ phiếu cho một số nhân viên theo kế hoạch chi trả thù lao bằng cổ phiếu cho nhân viên sau khi nhận được phê duyệt của các cổ đông trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành theo mệnh giá mà không được đăng ký mua bởi Tập đoàn	39.905
Tài sản thuần suy giảm	(74.832)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(34.927)

Vào tháng 7 năm 2014, MSC đã mua thêm 0,44% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo ("Vĩnh Hảo") với số tiền là 568 triệu VND, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá mua	(568)
Tài sản thuần tăng thêm	2.144
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	1.576

Trong năm, MCH đã mua thêm 1,56% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MSC từ cổ đông thiểu số với số tiền là 695.068 triệu VND, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá mua	(695.068)
Tài sản thuần tăng thêm	201.422
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(493.646)

Vào tháng 12 năm 2014, MSC đã mua lại 18.000.000 cổ phiếu quỹ từ MCH và cổ đông thiểu số với tổng số tiền lần lượt là 1.253.687 triệu VND và 386.566 triệu VND, bao gồm chi phí giao dịch. Do đó, lợi ích kinh tế của MCH trong MSC đã tăng tương đương 0,03% và quỹ khác đã tăng 15.921 triệu VND.

Vào tháng 12 năm 2014, MCH đã chia nguồn quỹ khác từ các giao dịch của MSC cho cổ đông thiểu số, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Tài sản thuần tăng thêm	(1.111)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(1.111)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong MA

Vào tháng 12 năm 2014, MSN đã mua 49% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MA với tổng số tiền là 1.502.060 triệu VND, dẫn đến các ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá mua	(1.502.060)
Tài sản thuần tăng thêm	1.152.733
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(349.327)

(iii) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong MR

Từ tháng 2 năm 2014 đến tháng 12 năm 2014, MR đã phát hành cổ phiếu cho một số nhân viên theo kế hoạch chi trả thù lao bằng cổ phiếu cho nhân viên sau khi nhận được phê duyệt của các cổ đông trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Tổng thể lợi ích thực tế của Tập đoàn trong MR giảm từ 75,9% đến 74,2%, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành mà Tập đoàn không đăng ký mua, sau đi trừ các chi phí giao dịch	12.436
Tài sản thuần suy giảm	(204.652)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(192.216)

Biến động vốn khác trong năm như sau

	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	(8.929.770)
Giảm lợi ích của cổ đông thiểu số tại MSC	(24.319)
Lãi được ghi nhận trong vốn khác từ việc bán cổ phiếu trong một công ty con của MSC (Thuyết minh 6)	3.553
Lỗ được ghi nhận trong vốn khác khi mua 49% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MA	(349.327)
Chuyển vốn khác vào lợi nhuận chưa phân phối do kết quả từ việc bán 100% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MA	349.327
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số trong MR	(192.216)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	(9.142.752)

Hơn nữa, trong năm 2014, MCH đã cấp quyền mua lợi ích vốn chủ sở hữu trong MCH trị giá 525.900 triệu VND cho PENM III Germany GmbH & Co. Kg tại giá đã được thỏa thuận trước và có thể được thực hiện sau 4 năm. MCH có khả năng thanh toán bằng cách lựa chọn bàn giao cổ phiếu sơ cấp của MCH hoặc cổ phiếu thứ cấp sở hữu bởi Công ty hoặc các bên khác.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Các giao dịch với các công ty con trong năm 2013

(i) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong MSC

Vào ngày 16 tháng 1 năm 2013, Công ty đã mua thêm 0,45% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MSC, một công ty con, từ cổ đông thiểu số với số tiền là 207.462 triệu VND, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá mua	(207.462)
Tài sản thuần tăng thêm	48.032
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(159.430)

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, KKR Masan Aggregator L.P, một chi nhánh của KKR, đã mua cổ phiếu mới do MSC phát hành tương đương 4,35% của số cổ phiếu sau khi phát hành với giá trị là 2.272.364 triệu VND. Ảnh hưởng suy giảm của việc Tập đoàn không đăng ký mua các cổ phiếu mới do MSC phát hành như sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành mà Tập đoàn không đăng ký mua, sau đi trừ các chi phí giao dịch	2.204.951
Tài sản thuần suy giảm	(866.541)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	1.338.410

Cùng với việc phát hành vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, MSC đã ký một thỏa thuận với nhà đầu tư để phát hành thêm cổ phiếu dựa trên những điều kiện định giá nhất định liên quan đến lợi nhuận của MSC năm 2013. Số cổ phiếu sẽ phải phát hành thêm đó đã làm cho lợi ích vốn chủ sở hữu của Tập đoàn trong MSC suy giảm như sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành mà Tập đoàn không đăng ký mua	-
Tài sản thuần suy giảm	(512.575)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(512.575)

Trong thời hạn 6 năm kể từ ngày giao dịch có hiệu lực, nếu MSC không hoàn tất việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo các yêu cầu trong thỏa thuận trước đó, nhà đầu tư sẽ có quyền chọn bán toàn bộ hoặc đổi một phần cổ phiếu MSC để lấy cổ phiếu của Công ty theo tỷ lệ đã thỏa thuận trước đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Nếu nhà đầu tư không thực hiện quyền chọn bán này trong thời hạn hiệu lực, Công ty có quyền mua cổ phiếu MSC từ nhà đầu tư trong khoảng thời gian một năm sau khi kết thúc thời hạn của quyền chọn bán bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu của Công ty hoặc 50% bằng cổ phiếu với giá trị đã được thỏa thuận trước với nhà đầu tư. Để tránh khỏi quan ngại, quyền chọn mua sẽ chấm dứt hiệu lực nếu MSC đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng và đáp ứng một số yêu cầu thỏa thuận trước.

Vào ngày 18 tháng 6 năm 2013, MSC đã phát hành cổ phiếu cho một số nhân viên theo kế hoạch thù lao bằng cổ phiếu cho nhân viên sau khi nhận được sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Cổ phiếu được phát hành theo mệnh giá mà Tập đoàn không đăng ký mua	19.950
Tài sản thuần suy giảm	(44.975)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	(25.025)

Vào ngày 26 tháng 8 năm 2013, MSC đã ký kết thỏa thuận với Vietnam Growth Capital Pte.Ltd., (“TPG”) để bán 49% cổ phần của MA, một công ty con của MSC, nắm giữ 40% lợi ích trực tiếp trong Proconco. TPG đã thanh toán khoản tiền là 1.061.862 triệu VND để mua lượng cổ phần đó từ MSC, dẫn đến ảnh hưởng sau:

	Triệu VND
Giá bán	1.061.862
Tài sản thuần suy giảm	(1.027.277)
Chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	34.585

Như một phần của giao dịch, Công ty đã cấp cho TPG một quyền chọn để bán 49% cổ phần của MA đổi lấy cổ phiếu của Công ty sau ba năm kể từ ngày giao dịch. Số lượng cổ phiếu được phát hành trong sự kiện này sẽ được thực hiện dựa trên giá thị trường cổ phiếu của Công ty và số lượng cổ phiếu mà cho phép TPG hưởng mức một mức lợi tức nhất định dựa trên giá trị khoản đầu tư đã chi trả. Ngoài ra, TPG cũng cấp cho Công ty một quyền chọn mua 49% cổ phần và các lợi ích khác mà TPG có thể thu được từ MA. Quyền chọn mua này có thể thực hiện trong vòng 30 ngày sau 3 năm kể từ ngày kết thúc giao dịch đầu tiên, với số tiền bằng VND tương đương với giá mua cộng với khoản tiền mà cho phép TPG hưởng mức lợi tức nhất định dựa trên tổng giá mua và tất cả vốn góp của TPG.

Ngoài ra, dựa trên các điều kiện nhất định, Công ty cấp cho TPG một quyền chọn để đăng ký mua cổ phiếu tương đương với giá trị lớn hơn giữa 25% giá mua ban đầu hoặc giá trị hợp lý của quyền chọn này dựa trên giá trị cổ phiếu là 90.000 VND một cổ phiếu.

Trong năm 2014, Công ty và TPG đã ký kết thỏa thuận trong đó TPG đồng ý hủy bỏ tất cả quyền chọn mà Công ty đã cấp cho TPG.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong MR

Vào ngày 25 tháng 1 năm 2013, BI Private Equity New Market III K/S (“PENM II”) đã đăng ký mua 15.902.430 cổ phiếu ưu đãi chuyển đổi bắt buộc của MR với số tiền là 520.709 triệu VND. Bên nắm giữ các cổ phiếu ưu đãi chuyển đổi bắt buộc này sẽ được trả cổ tức hàng năm cố định dao động từ 3% đến 10% trên vốn gốc và các cổ phiếu ưu đãi này bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong vòng 4 năm. Các cổ phiếu ưu đãi này cũng cho PENM II quyền được nhận cổ tức công bố cho các cổ đông phổ thông tương ứng với tỷ lệ cổ phần nắm giữ và sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông trong trường hợp MR bị giải thể.

Như một phần của thỏa thuận, MR có thể thực hiện quyền chuyển đổi hoặc buộc phải chuyển đổi số cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu phổ thông theo các điều khoản của thỏa thuận.

Giữa tháng 4 và tháng 6 năm 2013, MR đã phát hành 99.182.832 cổ phiếu phổ thông trong nhiều đợt với mức giá 18.726 VND một cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu của MR với số tiền là 1.857.297 triệu VND. Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San, một công ty con của Công ty, PENM II và Công ty MRC Limited, một công ty đầu tư được quản lý bởi Mount Kellett Capital Management LP, đã mua lần lượt là 89.391.298 cổ phiếu, 3.180.486 cổ phiếu và 6.611.048 cổ phiếu với số tiền lần lượt là 1.673.941 triệu VND, 59.558 triệu VND và 123.798 triệu VND.

Vào tháng 7 năm 2013, MR đã phát hành 29.420.151 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND một cổ phiếu cho Công ty MRC Limited, với khoản tiền mặt tương đương 294.202 triệu VND. Thỏa thuận này là một phần của việc điều chỉnh vốn chủ sở hữu từ giao dịch ngày 16 tháng 3 năm 2011 giữa MR và Công ty MRC Limited.

Vào tháng 8 năm 2013, Tập đoàn đã ký kết các thỏa thuận để thay đổi và thực hiện quyền chọn mua và mua 100% cổ phiếu của MR từ Dragon Capital với khoản tiền tương đương 899.175 triệu VND được chi trả bằng tiền mặt.

Trong tháng 12 năm 2013, MR đã phát hành cổ phiếu cho một vài nhân viên theo kế hoạch chi trả cổ phiếu cho nhân viên sau khi được phê duyệt của các cổ đông trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Trong năm, một công ty con của công ty, Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San đã mua 8.392.857 cổ phiếu mà MR phát hành theo kế hoạch chi trả thù lao bằng cổ phiếu với số tiền là 123.342 triệu VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(f) Các giao dịch với các công ty con trong những năm trước

(i) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong MSC

Vào ngày 7 tháng 4 năm 2011, KKR thông qua Công ty MC Holdings II (Cayman) Limited đã mua cổ phiếu mới do MSC phát hành tương đương 10% cổ phần sau khi phát hành với giá trị là 3.327.552 triệu VND.

Cùng với việc phát hành trên, Công ty đã ký một thỏa thuận với nhà đầu tư, trong đó nếu việc định giá vốn chủ sở hữu của MSC căn cứ trên 16 lần của lợi nhuận của năm 2011 không đạt được mức định giá của MSC đã thỏa thuận ban đầu, Công ty sẽ chuyển một số cổ phiếu nhất định của MSC cho nhà đầu tư để đạt được mức định giá thực tế là 16 lần lợi nhuận của năm 2011. Ngoài ra, nếu tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của MSC trong giai đoạn các năm 2011-2013 thấp hơn tỉ lệ sinh lợi nội bộ đã thỏa thuận ở mức 20% bằng tiền VND hoặc 15% bằng tiền Đô la Mỹ theo cách chọn lựa của Công ty, Công ty cũng sẽ chuyển giao một số lượng cổ phiếu MSC nhất định thuộc sở hữu Công ty cho nhà đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận từ năm 2011-2013 của MSC vượt trên mức tỷ lệ sinh lợi nội bộ đã thỏa thuận ban đầu và Công ty không có nghĩa vụ pháp lý để chuyển nhượng cổ phiếu của MSC cho nhà đầu tư.

Trong thời hạn 6 năm kể từ ngày giao dịch có hiệu lực, nếu MSC không hoàn tất việc phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng, theo quy định trong thỏa thuận, nhà đầu tư sẽ có quyền chọn bán cổ phiếu MSC để đổi lấy cổ phiếu của Công ty trong một thời gian nhất định. Nếu nhà đầu tư không thực hiện quyền chọn bán này trong thời hạn hiệu lực, Công ty có thể mua cổ phiếu MSC từ nhà đầu tư trong khoảng thời gian một năm sau khi kết thúc thời hạn của quyền chọn bán bằng tiền mặt hoặc bằng cổ phiếu của Công ty hoặc 50% bằng cổ phiếu với giá trị đã được thỏa thuận trước với nhà đầu tư.

(ii) Các giao dịch với cổ đông thiểu số trong MR

Vào ngày 16 tháng 3 năm 2011, Mount Kelleth Capital Management LP thông qua Công ty MRC Limited đã đăng ký mua cổ phiếu mới của MR bằng tiền có giá trị là 100 triệu Đô la Mỹ tương đương 2.059.120 triệu VND. Nhà đầu tư đã sở hữu 20% lợi ích trong MR. Cùng với giao dịch này, Tập đoàn đầu tư 487.500 triệu VND vào MR để mua cổ phiếu phổ thông mới phát hành. Công ty cũng cấp cho nhà đầu tư quyền bán 20% quyền sở hữu trong MR đổi lấy cổ phiếu của Công ty trong trường hợp MR chưa được niêm yết trong vòng 4,5 năm sau khi kết thúc giao dịch. Số cổ phiếu phát hành trong trường hợp quyền bán được thực hiện sẽ được căn cứ theo giá giao dịch cổ phiếu của Công ty và số lượng cổ phiếu để cho phép nhà đầu tư thu được tỉ lệ sinh lợi nhất định, dựa trên khoản đầu tư bằng Đô la Mỹ.

Một thỏa thuận điều chỉnh vốn chủ sở hữu cũng được bao gồm trong hợp đồng trên, trong đó dựa trên các điều kiện thỏa thuận nhất định, MR phải phát hành thêm một lượng cổ phiếu cho nhà đầu tư.

Vào ngày 11 tháng 7 năm 2013, Công ty MRC Limited đã mua thêm 29.420.151 cổ phiếu phổ thông do MR phát hành với giá mua là 10.000 VND một cổ phiếu.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Tập đoàn

	Chi phí trước hoạt động Triệu VND	Chi phí đất trả trước Triệu VND	Chi phí bồi thường đất Triệu VND	Trục in Triệu VND	Công cụ và dụng cụ Triệu VND	Chi phí vay Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Chi phí khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	58.796	2.226	-	1.143	25.980	306.817	-	8.391	403.353
Tăng trong năm	-	-	-	4.675	8.002	232.227	-	7.875	252.779
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	1.856	1.856
Chuyển từ/(sang) xây dựng cơ bản dở dang	313.184	-	660.515	-	(1.164)	-	-	63	972.598
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	-	2.862	-	-	-	2.862
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	32	-	-	-	32
Phân loại lại từ chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	5.710	-	-	-	5.710
Chuyển từ tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	43.190	-	43.190
Phân bổ trong năm	(86.995)	(55)	(27.521)	(3.247)	(23.347)	(153.000)	(7.263)	(3.120)	(304.548)
Thanh lý	-	-	-	(475)	(3.117)	-	-	(74)	(3.666)
Xóa sổ	-	-	-	-	(208)	-	-	-	(208)
Bán các công ty con	-	-	-	(2.050)	(2.316)	-	-	-	(4.366)
Số dư cuối năm	284.985	2.171	632.994	46	12.434	386.044	35.927	14.991	1.369.592

Công ty

	Chi phí vay Triệu VND	Chi phí khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
Số dư đầu năm	52.812	499	53.311
Tăng trong năm	6.000	7.041	13.041
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	63	63
Thanh lý	-	(74)	(74)
Phân bổ trong năm	(22.843)	(1.210)	(24.053)
Số dư cuối năm	35.969	6.319	42.288

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Tập đoàn	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Chiết khấu hàng bán phải trả	12.770	8.891
Chi phí quảng cáo khuyến mại phải trả	71.916	57.987
Chi phí vận chuyển phải trả	19.116	9.486
Chi phí phải trả khác	9.988	9.755
Lợi nhuận chưa thực hiện đối với các giao dịch nội bộ	3.701	1.453
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	117.491	87.572
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Xây dựng cơ bản dở dang	(730.050)	(751.021)
Tài sản cố định hữu hình	(19.111)	(15.954)
Tài sản cố định vô hình	(183.626)	(194.506)
Thu nhập lãi phải trả	-	(190.235)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(932.787)	(1.151.716)
	(815.296)	(1.064.144)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm

	Tập đoàn				
	31/12/2013 Triệu VND	Tăng từ hợp nhất kinh doanh Triệu VND	Bán một công ty con Triệu VND	Được ghi nhận vào thu nhập Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND
Chiết khấu hàng bán phải trả	8.891	-	-	3.879	12.770
Chi phí khuyến mãi và quảng cáo phải trả	57.987	-	-	13.929	71.916
Chi phí vận chuyển phải trả	9.486	-	-	9.630	19.116
Chi phí phải trả khác	9.755	-	(145)	378	9.988
Lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	1.453	-	-	2.248	3.701
Xây dựng cơ bản dở dang	(751.021)	-	-	20.971	(730.050)
Tài sản cố định hữu hình	(15.954)	(5.374)	-	2.217	(19.111)
Tài sản cố định vô hình	(194.506)	(1.621)	-	12.501	(183.626)
Thu nhập lãi phải trả	(190.235)	-	-	190.235	-
	(1.064.144)	(6.995)	(145)	255.988	(815.296)

(iii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với khoản mục sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Chi phí phải trả khác	1.115	19.934	(546)	19.934
Lỗi tính thuế	454.319	286.888	269.953	264.527
	455.434	306.822	269.407	284.461

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Lỗi tính thuế sẽ hết hiệu lực trong năm năm kể từ năm phát sinh. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tập đoàn và Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Lỗ tính thuế hết hiệu lực trong các năm như sau:

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán thuế	Số lỗ được khấu trừ	
		Tập đoàn Triệu VND	Công ty Triệu VND
2015	Chưa quyết toán	18.950	-
2016	Chưa quyết toán	196.687	215.633
2017	Chưa quyết toán	224.049	203.899
2018	Chưa quyết toán	864.352	782.864
2019	Chưa quyết toán	773.078	24.665
		2.077.116	1.227.061

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Tập đoàn
	31/12/2014 Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	520.945
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	421.889
Số dư cuối năm	942.834
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	83.826
Phân bổ trong năm	66.654
Số dư cuối năm	150.480
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	437.119
Số dư cuối năm	792.354

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Vay ngắn hạn	5.329.971	4.245.567	-	2.123.200
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22)	712.307	2.390.343	567.960	188.100
	6.042.278	6.635.910	567.960	2.311.300

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa năm	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Vay ngắn hạn						
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	4%-4,8%	3.327.030	2.088.838	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	5,5%	1.035.382	968.762	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	EUR	-	-	1.080	-	-
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	3%-6,2%	928.228	287.712	-	-
Khoản vay ngân hàng không đảm bảo	USD	8,5%	39.331	-	-	-
Hối phiếu nhận nợ	VND	-	-	899.175	-	-
Khoản vay không đảm bảo từ một công ty con	VND	15%	-	-	-	2.123.200
			5.329.971	4.245.567	-	2.123.200

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng các tài sản sau của Tập đoàn:

- Hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 18 triệu USD, tương đương 384.570 triệu VND (31/12/2013: 165,5 triệu VND và 30,5 triệu USD, tương đương 642.940 triệu VND).
- Tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 885.297 triệu VND (31/12/2013: 925.958 triệu VND). Một phần của những tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 853.081 triệu VND (31/12/2013: 885.745 triệu VND) cũng được sử dụng để đảm bảo cho những khoản vay dài hạn tương ứng với các khoản đảm bảo được trình bày ở Thuyết minh 22.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

19. THUẾ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	736.476	334.003	-	-
Thuế giá trị gia tăng	78.677	91.603	-	-
Thuế tài nguyên thiên nhiên	70.461	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	32.669	27.112	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	27.451	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	7.457	3.332	-	-
Các loại thuế khác	9.359	27.371	1.127	386
	962.550	483.421	1.127	386

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Lãi vay phải trả	507.510	423.814	192.767	303.400
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	476.995	279.737	-	-
Chi phí phải trả cho công trình xây dựng	192.614	66.563	-	-
Thưởng và lương tháng 13	112.489	198.675	-	-
Chi phí vận chuyển	103.563	46.056	-	-
Thuế nhà thầu	79.257	33.729	334	5.251
Chiết khấu bán hàng	70.622	49.653	-	-
Phí tư vấn	55.044	104.365	21.328	32.476
Chi phí phải trả cho hàng tồn kho đã mua	10.401	16.252	-	-
Khác	254.036	359.522	810	138.784
	1.862.531	1.578.366	215.239	479.911

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Phải trả ngắn hạn khác				
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	104	155	-	155
Tiền ký quỹ ngắn hạn của khách hàng	935	1.509	155	-
Mua cổ phiếu trong một công ty con và công ty liên kết	1.739.738	43.398	1.500.558	-
Cổ tức phải trả	54.672	902	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác cho một công ty con	-	-	-	883.284
Khác	98.564	55.306	54.611	-
	1.894.013	101.270	1.555.324	883.439
Nợ phải trả dài hạn khác				
Phải trả dài hạn (a)	93.043	157.610	14.580	27.076
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu (b) (Thuyết minh 26)	60.561	60.561	60.561	60.561
Ký quỹ dài hạn	24.297	16.517	-	-
Phải trả dài hạn khác cho một công ty con	-	-	-	1.725.360
	177.901	234.688	75.141	1.812.997

- (a) Khoản phải trả dài hạn của Tập đoàn và Công ty tương đương 14.580 triệu VND (31/12/2013: 27.076 triệu VND) bao gồm khoản lãi gộp liên quan đến một số công cụ được trình bày trong Thuyết minh 26, không được đảm bảo và phải hoàn trả trong mỗi kỳ sáu tháng từ ngày giải ngân của công cụ đó. Số dư còn lại 78.463 triệu VND (31/12/2013: 130.534 triệu VND) bao gồm trong khoản phải trả dài hạn của Tập đoàn liên quan đến khoản cổ tức cố định phải trả cho các cổ phiếu ưu đãi bắt buộc chuyển đổi do một công ty con phát hành được trình bày trong Thuyết minh 14(e)(ii).
- (b) Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu thể hiện khoản nợ phải trả để phát hành thêm một lượng cổ phiếu không cố định như đã được trình bày trong Thuyết minh 26.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

2.2. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Vay dài hạn (a)	4.015.513	8.519.274	-	6.286.800
Các khoản vay được chuyển đổi (b)	567.960	1.176.522	567.960	1.176.522
Trái phiếu có đảm bảo (c)	13.600.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
Nợ thuê tài chính (d)	50.804	61.643	-	-
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18)	18.234.277 (712.307)	14.457.439 (2.390.343)	5.267.960 (567.960)	12.163.322 (188.100)
Hoàn trả sau 12 tháng	17.521.970	12.067.096	4.700.000	11.975.222

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa năm	Năm đáo hạn	Tập đoàn		Công ty	
				31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
a. Vay dài hạn							
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	VND	10% - 14,5%	2015-2017	276.637	2.674.117	-	-
Khoản vay ngân hàng có đảm bảo	USD	Libor + 3,5% -Libor + 4,5%	2016	3.738.876	5.845.157	-	-
Khoản vay không đảm bảo từ một công ty con	VND	10,5% - 13,0%	2016-2018	-	-	-	6.286.800
				4.015.513	8.519.274	-	6.286.800
b. Trái phiếu có thể chuyển đổi có đảm bảo:							
International Finance Corporation (b.1)	VND	8,0% - 20,4%	2014-2016	-	608.562	-	608.562
Jade Dragon (Mauritius) Limited (b.2)	USD	2,0% - 6,0%	2015	567.960	567.960	567.960	567.960
				567.960	1.176.522	567.960	1.176.522
c. Trái phiếu có đảm bảo	VND	8% - 12,5%	2016-2024	13.600.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
d. Nợ thuê tài chính	VND	14%	2018	50.804	61.643	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản vay dài hạn của Tập đoàn bao gồm:
- (i) các khoản vay bằng VND là 276.637 triệu VND (31/12/2013: 390.279 triệu VND) được đảm bảo bằng tài sản cố định với giá trị ghi sổ là 853.081 triệu VND (31/12/2013: 885.745 triệu VND và khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với giá trị tương đương 28.000 triệu VND).
- (ii) Khoản vay 175 triệu USD từ J.P Morgan có giá trị tương đương 3.738.876 triệu VND (31/12/2013: 175 triệu USD tương đương là 3.689.000 triệu VND), trong đó 150 triệu Đô la tương đương 3.204.750 triệu VND được đảm bảo bằng Cơ quan Bảo lãnh Đầu tư Đa biên (“MIGA”), một thành viên của Ngân hàng Thế giới (31/12/2013: khoản vay 150 triệu USD tương đương 3.162.000 triệu VND). Các khoản vay 150 triệu USD và 25 triệu USD sẽ chịu lãi suất năm lần lượt là LIBOR + 3,5% và LIBOR + 4,5%, nếu được đảm bảo bởi Công ty, nếu không, chúng sẽ chịu lãi suất lần lượt là LIBOR + 4,5% và LIBOR + 5,5%. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được hoàn trả một lần vào ngày hết hạn, là ngày 15 tháng 8 năm 2016.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản đầu tư của MSC vào các công ty con có giá trị ghi sổ là 1.709.804 VND (31/12/2013: 879.023 triệu) được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay này.

- (b.1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, khoản vay này phản ánh khoản vay được quyền chuyển đổi, với số tiền nợ gốc là 608.562 triệu VND, ký kết với International Finance Corporation (“IFC”), trong đó 38.562 triệu VND có thể chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty.

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay là 8% một năm từ ngày giải ngân đến ngày 15 tháng 4 năm 2012 và là 20,4% một năm từ ngày 15 tháng 4 năm 2012 đến ngày hết

hạn cho phần khoản vay không được chuyển đổi. Lãi suất của khoản vay là 20,4% một năm cho phần khoản vay có thể được chuyển đổi từ ngày 15 tháng 4 năm 2013 đến ngày 15 tháng 4 năm 2016. Khoản vay này đáo hạn vào ngày 15 tháng 4 năm 2016. Tập đoàn trích trước lãi vay dựa trên lãi suất danh nghĩa.

- (ii) IFC có thể thực hiện quyền chọn để chuyển đổi ở mức tối đa là 190.000 triệu VND, trong tổng nợ gốc và có thể yêu cầu Công ty niêm yết các cổ phiếu chuyển đổi này. Có hai kỳ chuyển đổi: kỳ đầu tiên bắt đầu sau 12 tháng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2010 và kết thúc sau 36 tháng sau ngày 31 tháng 5 năm 2010, kỳ chuyển đổi thứ hai bắt đầu từ sau 36 tháng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2010 và kết thúc vào ngày 15 tháng 4 năm 2016. Lãi vay phải trả sẽ tiếp tục được trích trước và phần thanh toán cho phần phụ trội sẽ được trả cho các khoản vay chuyển đổi nếu IFC không thực hiện quyền chuyển đổi trong kỳ chuyển đổi đầu tiên. IFC đã chuyển đổi 151.438 triệu VND thành 3.521.803 cổ phiếu phát hành bởi Công ty vào tháng 6 năm 2012.

Vào tháng 8 năm 2014, IFC đã thực hiện quyền chọn để chuyển đổi phần có thể chuyển đổi còn lại của 38.562 triệu VND thành 896.802 cổ phiếu.

Vào tháng 12 năm 2014, Công ty đã thanh toán 570.000 triệu VND cộng lãi phải trả cho IFC.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

- (b.2) Khoản vay này từ Goldman Sachs Group, Inc. thông qua Công ty Jade Dragon (Mauritius) Limited là khoản vay được quyền chuyển đổi bằng USD với nợ gốc là 30 triệu USD.

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay này gồm hai phần: lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại. Lãi suất hoãn lại sẽ không được trả nếu khoản vay này được chuyển đổi. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày 14 tháng 12 năm 2012, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 2% một năm và 6% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 14 tháng 12 năm 2013, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 4% một năm và 4% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2013 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 6% một năm và 2% một năm. Khoản vay này đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2015. Lãi suất danh nghĩa được tính cộng dồn theo ngày và lãi suất hoãn lại được tính cộng dồn theo năm. Tập đoàn trích trước lãi vay dựa trên lãi suất danh nghĩa.

- (ii) Khoản vay này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào sau hai năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày đến hạn của khoản vay.

- (iii) Giá chuyển đổi được xác định là 65.000 VND cho mỗi cổ phiếu.

- (iv) Tập đoàn còn ký kết một hợp đồng với Công ty Cổ phần Ma San mà theo đó Công ty này sẽ chịu rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua và trả một khoản tiền mặt là 30 triệu Đô la Mỹ cộng lãi hoãn lại phải trả cho 9.000.000 cổ phiếu của khoản vay được chuyển đổi trong trường hợp bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi cổ phiếu.

- (c) Trái phiếu có đảm bảo trị giá 4.700 tỷ VND bao gồm các điều khoản sau:
- (i) 2.200 tỷ VND trái phiếu trong 600 tỷ VND có mức lãi suất năm là 3% cộng lãi suất tiền gửi 12 tháng bình quân của các ngân hàng chính được chọn và các khoản trái phiếu 1.600 tỷ VND có mức lãi suất năm là 1% cộng lãi suất tiền gửi 12 tháng bình quân của các ngân hàng chính được chọn. Các khoản lãi được thanh toán theo định kỳ sáu tháng kể từ ngày phát hành. Các trái phiếu này được đảm bảo bằng 22,3 triệu trái phiếu có thể chuyển đổi được phát hành bởi Techcombank.

- (ii) 2.500 tỷ VND trái phiếu với thời gian đáo hạn 3 năm và chịu lãi suất năm là 12% trong năm đầu tiên, 12,5% trong năm thứ hai và 4% cộng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chính được chọn trong năm thứ ba. MCH đã thế chấp 125 triệu cổ phiếu trong MSC cho các trái phiếu này.

Trái phiếu có đảm bảo của Tập đoàn 13.600 tỷ VND bao gồm 4.700 tỷ VND trái phiếu đã đề cập như trên và 6.800 tỷ VND trái phiếu còn lại với thời gian đáo hạn 5 năm và chịu lãi suất năm là 11,0% trong 12 tháng đầu tiên và lãi suất năm là 4% cộng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chính được chọn trong những tháng còn lại. Trái phiếu này được đảm bảo bằng một số tài sản nhất định của một công ty con của Công ty. Phần còn lại bao gồm trái phiếu có đảm bảo 2.100 tỷ VND với thời gian đáo hạn là 10 năm với lãi suất năm là 8,0% trong 10 năm, được đảm bảo bằng Credit Guarantee and Investment Facility.

Trong năm, Công ty và Tập đoàn đã tuân thủ các điều khoản đối với các khoản vay trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014			Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Trong vòng một năm	20.364	6.788	13.576	20.364	8.554	11.810
Trong vòng hai đến năm năm	43.861	6.633	37.228	62.661	12.828	49.833
	64.225	13.421	50.804	83.025	21.382	61.643

23. DỰ PHÒNG DÀI HẠN

	Tập đoàn	
	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng phí khai thác mỏ	588.373	-
Dự phòng chi phí phục hồi mỏ	19.485	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	2.689	3.252
	610.547	3.252

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau :

	Tập đoàn	
	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	3.252	1.381
Số trích lập dự phòng trong năm	-	3.252
Số đã trả dự phòng trong năm	(563)	-
Phân loại lại	-	(1.381)
Số dư đầu năm	2.689	3.252

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tập đoàn

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Vốn khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông chủ sở hữu của Công ty	Cổ đông thiểu số	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(16.128)	(8.619.479)	5.925.652	13.883.837	5.820.548	19.704.385
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	178.608	-	-	-	-	-	178.608	-	178.608
Phát hành cổ phiếu mới do chuyển đổi công cụ nợ của một công ty con	297.704	1.602.460	-	-	-	-	1.900.164	-	1.900.164
Mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(1.624.121)	-	(1.056.440)	-	(2.680.561)	-	(2.680.561)
Giao dịch với lợi ích vốn chủ sở hữu trong MSC	-	-	-	-	675.965	-	675.965	2.519.479	3.195.444
Giảm lợi ích cổ đông thiểu số từ vốn cổ phần đã phát hành của MR	-	-	-	-	70.184	-	70.184	(311.116)	(240.932)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	(26.970)	-	-	(26.970)	(13.518)	(40.488)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	451.200	451.200	856.024	1.307.224
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(24.876)	(24.876)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(19.458)	(19.458)	(18.013)	(37.471)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.349.113	9.601.627	97.703	(43.098)	(8.929.770)	6.357.394	14.432.969	8.828.528	23.261.497

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tập đoàn

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Vốn khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu	Cổ đông thiếu số	Tổng
							Công ty		
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	7.349.113	9.601.627	97.703	(43.098)	(8.929.770)	6.357.394	14.432.969	8.828.528	23.261.497
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi công cụ nợ (Thuyết minh 22(b)(i))	8.968	29.537	-	-	-	-	38.505	-	38.505
Tặng lợi ích vốn chủ sở hữu từ nhà đầu tư thiếu số	-	-	-	-	-	-	-	388.890	388.890
Giao dịch với cổ đông thiếu số trong MSC (Thuyết minh 14(c)(ii))	-	-	-	-	(20.766)	-	(20.766)	(999.734)	(1.020.500)
Mua lợi ích vốn chủ sở hữu trong MA từ cổ đông thiếu số (Thuyết minh 14(c)(iii))	-	-	-	-	(349.327)	-	(349.327)	(1.152.733)	(1.502.060)
Bán lợi ích vốn chủ sở hữu trong MA	-	-	-	-	349.327	(349.327)	-	-	-
Giao dịch với cổ đông thiếu số trong MR (Thuyết minh 14(c)(iii))	-	-	-	-	(192.216)	-	(192.216)	209.915	17.699
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.080.169	1.080.169	956.873	2.037.042
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(1.304.830)	(1.304.830)
Phản bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(16.349)	(16.349)	(17.853)	(34.202)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	43.098	-	-	43.098	-	43.098
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.358.081	9.631.164	97.703	-	(9.142.752)	7.071.887	15.016.083	6.909.056	21.925.139

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Vốn khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(530.235)	(242.703)	15.820.854
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	178.608	-	-	-	-	178.608
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ nợ của công ty con	297.704	1.602.460	-	-	-	1.900.164
Mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(1.624.121)	(1.056.440)	-	(2.680.561)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	(963.843)	(963.843)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.349.113	9.601.627	97.703	(1.586.675)	(1.206.546)	14.255.222
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014						
Phát hành cổ phiếu mới thông qua chuyển đổi các công cụ nợ (Thuyết minh 25)	8.968	29.537	-	-	-	38.505
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.237.391	3.237.391
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.358.081	9.631.164	97.703	(1.586.675)	2.030.845	17.531.118

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	735.808.140	7.358.081	734.911.338	7.349.113
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	735.808.140	7.358.081	734.911.338	7.349.113
Thặng dư vốn cổ phần	-	9.631.164	-	9.601.627

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	2014		2013	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu năm	734.911.338	7.349.113	687.280.123	6.872.801
Phát hành cổ phiếu mới để thanh toán cho các công cụ nợ	896.802	8.968	29.770.465	297.704
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	-	-	17.860.750	178.608
Số dư cuối năm	735.808.140	7.358.081	734.911.338	7.349.113

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của số cổ phiếu nhất định của Công ty sẽ được phát hành trong tương lai.

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Hỗ trợ tín dụng từ công ty mẹ	2.450.353	97.703	2.450.353	97.703

Biến động vốn khác của chủ sở hữu trong năm như sau:

	2014		2013	
	Số lượng cổ phiếu sẽ phát hành	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu sẽ phát hành	Triệu VND
Số dư đầu năm	2.450.353	97.703	31.173.935	1.721.824
Mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	(28.723.582)	(1.624.121)
Số dư cuối năm	2.450.353	97.703	2.450.353	97.703

Trong năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay chuyển đổi 30 triệu USD (tương đương với số tiền là 624.840 triệu VND) với Mount Kellett Capital Management LP thông qua Công ty MRG Limited với thời hạn là 4 năm.

Để tăng cường mức tín nhiệm tín dụng của Công ty và hỗ trợ giao dịch tài chính, công ty mẹ ký các thỏa thuận với Công ty và bên cho vay, mà theo đó công ty mẹ sẽ chấp nhận mọi rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua cổ phiếu chuyển đổi và thanh toán trực tiếp số nợ gốc và khoản lãi vay hoãn lại cho các bên cho vay trong trường hợp các bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi khoản vay thành cổ phiếu. Công ty mẹ không nhận bất kỳ khoản tiền công hay lợi ích nào khác trong việc hỗ trợ này cho Công ty.

Bên cạnh đó, thỏa thuận này còn bao gồm các điều khoản sau:

- Các khoản vay chuyển đổi có lãi suất năm là 5% trong năm thứ nhất, 6% trong năm thứ hai và thứ ba, và 7% cho thời hạn còn lại của khoản vay chuyển đổi. Lãi suất hoãn lại 10% tương ứng với tỷ lệ hoàn vốn thực tế được thanh toán nếu quyền chuyển đổi không được thực hiện; và
- Cổ phiếu được phát hành khi chuyển đổi ("Cổ phiếu chuyển đổi") có thể được xác định căn cứ vào giá chuyển đổi ban đầu là 85.000 VND một cổ phiếu và phụ thuộc vào các điều chỉnh và các điều khoản khác của thỏa thuận đã ký kết. Tuy nhiên, số lượng Cổ phiếu chuyển đổi tối đa sẽ là 9,6 triệu cổ phiếu. Số lượng Cổ phiếu chuyển đổi bắt buộc phát hành tối thiểu là 7,5 triệu cổ phiếu, được coi như một công cụ vốn chủ sở hữu.

Trong tháng 7 năm 2013, Công ty đã mua lại hai phần ba của khoản vay chuyển đổi có giá trị là 30 triệu USD của Công ty MRG Limited, dẫn đến việc số lượng cổ phiếu chuyển đổi tối đa giảm xuống còn 3,2 triệu và số lượng Cổ phiếu chuyển đổi bắt buộc phát hành tối thiểu đã giảm xuống còn 2,5 triệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

27. TỔNG DOANH THU

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Tổng doanh thu				
▪ Bán Thành phẩm	16.257.544	12.014.694	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	89.032	91.295	-	-
	16.346.576	12.105.989	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(192.121)	(132.659)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(65.819)	(30.797)	-	-
	(257.940)	(163.456)	-	-
	16.088.636	11.942.533	-	-

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Thành phẩm đã bán	9.417.828	6.908.667	-	-
▪ Dịch vụ đã cung cấp	7.235	1.286	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	63.945	33.243	-	-
	9.489.008	6.943.196	-	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Thu nhập lãi từ:				
▪ Tiền gửi	372.720	366.146	26.318	53.775
▪ Cho công ty con vay	-	-	775.095	1.173.363
▪ Cho bên thứ ba vay	32.233	25.395	-	-
Bất lợi thương mại từ việc mua công ty con	-	213.963	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	34.859	57.703	753	8.094
Lãi do bán các khoản đầu tư trong công ty con	1.111.073	-	286.587	-
Thu nhập từ cổ tức	-	-	3.169.052	-
Lãi đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	16.772	-	-	-
Doanh thu tài chính khác	3.310	914	1.700	-
	1.570.967	664.121	4.259.505	1.239.232

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Chi phí lãi vay từ:				
▪ Ngân hàng	451.685	215.388	-	-
▪ Các trái chủ	1.013.037	201.990	689.200	537.210
▪ Công ty con	-	-	220.087	1.176.049
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	95.933	34.274	14	79
Lỗ đã thực hiện từ các công cụ tài chính phái sinh	48.704	-	-	-
Chi phí tài chính khác	101.632	155.133	13.273	155.124
	1.710.991	606.785	922.574	1.868.462

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

31. THU NHẬP KHÁC

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Thu từ bán phế liệu	42.630	29.660	-	-
Thu từ bán các bồi thường	256.200	-	-	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	68.603	1.573	59.486	-
Bồi thường chi phí công trường từ nhà thầu	-	48.956	-	-
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	9.107	19.289	-	-
Khác	28.747	6.330	8.443	2.983
	405.287	105.808	67.929	2.983

32. CHI PHÍ KHÁC

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Chi phí bán phế liệu	23.085	25.158	-	-
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và các tài sản khác đã thanh lý	75.509	9.094	58.701	-
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và các tài sản khác đã xóa sổ	3.070	343	2.217	-
Chi phí liên quan đến bán các bồi thường	34.297	-	-	-
Chi phí công trường từ nhà thầu	-	43.555	-	-
Khác	22.943	6.939	-	-
	158.904	85.089	60.919	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

33. LỖ TỪ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

	Tập đoàn	
	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	610.246	504.755
Điều chỉnh phát sinh từ việc phân bổ giá mua và phân bổ lợi thế thương mại	(663.307)	(697.536)
	(53.061)	(192.781)

34. THUẾ THU NHẬP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Công ty	
	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Chi phí thuế hiện hành				
Năm hiện hành	970.348	599.382	-	-
Dự phòng thừa trong những năm trước	(11.671)	(19.571)	-	-
	958.677	579.811	-	-
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại				
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(242.480)	121.713	-	-
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(13.508)	4.696	-	-
	(255.988)	126.409	-	-
	702.689	706.220	-	-
Chi phí thuế thu nhập				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

Tập đoàn

	2014		2013	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	100%	2.739.731	100%	2.013.444
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22,00%	602.741	25,00%	503.361
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	(5,71%)	(156.466)	(11,85%)	(238.601)
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ trong tập đoàn	5,46%	149.703	3,96%	79.714
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,20%	5.233	4,44%	89.160
Ảnh hưởng của kết quả thuần từ các công ty liên kết	0,43%	11.673	2,39%	48.195
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	5,42%	148.612	11,88%	239.266
Dự phòng thừa trong những năm trước	(0,43%)	(11.671)	(0,97%)	(19.571)
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	(0,49%)	(13.508)	0,23%	4.696
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(1,23%)	(33.628)	-	-
	25,65%	702.689	35,08%	706.220

Công ty

	2014		2013	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	100%	3.237.391	100%	(963.843)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	22,00%	712.226	(25,00%)	(240.961)
Thu nhập miễn thuế	(21,54%)	(697.191)	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,01%	19	2,47%	23.798
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(0,63%)	(20.480)	-	-
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	0,16%	5.426	22,53%	217.163
	-	-	-	-

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp (“TTNDN”) bằng 22% trên lợi nhuận chịu thuế.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế khác nhau, cơ quan có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

3.5. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Tập đoàn

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2014	2013
		Triệu VND	Triệu VND
Các bên liên quan khác			
Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc Proconco	Cổ tức phải thu	80.000	-
	Phí thanh toán hợp đồng hoán đổi ngoại tệ	-	130.029
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Các khoản vay nhận trong năm	1.035.382	-
	Chi phí lãi từ các khoản vay trong năm	20.042	-
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	41.417	46.704

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm 2014 và 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty		2014	2013
Công ty liên quan	Bản chất giao dịch	Triệu VND	Triệu VND
Các công ty con			
Công ty Cổ phần	Khoản vay nhận từ công ty con	735.000	4.410.000
Hàng Tiêu Dùng Ma San	Thanh toán khoản vay cho một công ty con thông qua các hợp đồng chuyển nhượng các khoản cho vay cho một công ty con khác	7.709.298	-
	Thanh toán chi phí lãi cho một công ty con thông qua các hợp đồng chuyển nhượng các khoản cho vay cho một công ty con khác	2.831.626	-
	Thu nhập từ cổ tức	1.240.800	-
	Chi phí lãi từ khoản vay dài hạn	222.980	1.176.049
	Mua một công ty con	1.246.496	-
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Ma San	Khoản vay cấp cho công ty con	941.588	3.015.089
	Thu nhập lãi cho vay	475.115	60.609
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Thu nhập lãi cho vay	141.527	441.427
	Khoản vay cấp cho công ty con	-	1.140.000
	Khoản cho vay thu từ công ty con	-	930.000
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Thu nhập lãi cho vay	123.664	649.933
	Khoản vay cấp cho công ty con	210.000	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery	Khoản vay cấp cho công ty con	475.657	424.788
	Khoản cho vay thu từ công ty con	452.577	-
	Thu nhập lãi cho vay	32.436	25.394
	Khoản cho vay thu từ cán trừ vốn góp	368.300	-
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings	Chuyển cổ phần của một công ty con cho một công ty con khác	4.409.682	6.949.241
	Thu nhập từ cổ tức	1.928.252	-
	Khoản vay cấp cho công ty con	194.465	-
	Khoản cho vay thu từ công ty con	194.465	-
	Thu nhập lãi cho vay	2.353	-
Các bên liên quan khác			
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	Phí thanh toán hợp đồng hoán đổi ngoại tệ	-	130.029
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	3.518	7.796

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm 2014 và 2013.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

3.6. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 1.080.169 triệu VND (2013: 451.200 triệu VND) của Tập đoàn và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 746.740.068 cổ phiếu trong năm (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 730.364.689 cổ phiếu).

Cho mục đích tính lãi cơ bản trên cổ phiếu, cổ phiếu có thể được phát hành sau một thời gian xác định được coi là cổ phiếu đang lưu hành kể từ ngày phát sinh quyền đối với các cổ phiếu này được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.080.169	451.200

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2014	2013
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	734.911.338	687.280.123
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành bằng tiền	-	10.520.716
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành để thanh toán cho trái phiếu, nợ vay và Hối phiếu nhận nợ	378.377	5.138.464
Ảnh hưởng của việc mua lại các công cụ vốn chủ sở hữu	-	15.975.033
Ảnh hưởng của cổ phiếu sẽ phải phát hành qua thời gian	11.450.353	11.450.353
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại thời điểm cuối năm	746.740.068	730.364.689

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của tất cả cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)

	2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (cơ bản)	1.080.169	451.200
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số thuần sau thuế	-	(98.681)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông	1.080.169	352.519

Cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm không ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (2013: 98.681 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)

	2014	2013
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (cơ bản)	746.740.068	730.364.689
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm	15.048.569	90.973.076
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (suy giảm)	761.788.637	821.337.765

37. CÁC CAM KẾT

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Đã duyệt và đã ký kết hợp đồng	358.541	1.781.158	-	-
Đã duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.898.417	486.732	-	-
	2.256.958	2.267.890	-	-

(b) Thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Trong vòng một năm	39.061	103.267	6.766	15.795
Từ hai đến năm năm	38.729	40.098	7.201	-
Trên năm năm	3.676	-	-	-
	81.466	143.365	13.967	15.795

(c) Phí quyền khai thác

Vào ngày 14 tháng 1 năm 2015, Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Krônggha ("Kronfa"), một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty, nhận được thông báo nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản từ cơ quan thuế địa phương. Căn cứ theo thông báo này, Kronfa được yêu cầu phải thanh toán phí cấp quyền khai thác khoáng sản với số tiền 23.684 triệu VND đối với trữ lượng khai thác được cấp đến ngày 31 tháng 12 năm 2032.

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2015, Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo ("VHC"), một công ty con sở hữu gián tiếp bởi Công ty, nhận được Giấy phép mới khai thác nước khoáng từ Bộ Tài nguyên và Môi trường. Căn cứ theo Giấy phép mới này, VHC được yêu cầu phải thanh toán phí cấp quyền khai thác khoáng sản với số tiền 49.433 triệu VND đối với trữ lượng khai thác được cấp trong 30 năm kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2015. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính, VHC vẫn chưa nhận được thông báo nào từ cơ quan thuế địa phương.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

38. THÙ LAO BẰNG CỔ PHIẾU

Công ty có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phiếu dựa trên việc đánh giá thành tích của nhân viên. Sự phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Một công ty con của Công ty, MSC, có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phiếu dựa trên việc đánh giá thành tích của nhân viên. Kế hoạch này đã được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Theo nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông vào ngày 9 tháng 5 năm 2014, các cổ đông đã quyết định phát hành 3.990.412 cổ phiếu cho nhân viên và hoàn tất việc phát hành này vào ngày 12 tháng 6 năm 2014.

Một công ty con khác của Công ty, MR, có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phiếu định kỳ cho những nhân viên có thành tích tốt. Trong năm 2013, 13.392.857 cổ phiếu của công ty con đã được phát hành cho thành viên Ban Giám đốc. 20.866.429 cổ phiếu có thể được phát hành cho thành viên Ban Giám đốc.

39. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập, phát triển và quản lý các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng với Tập đoàn và Công ty, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản tiền gửi ngân hàng, các đảm bảo phát hành cho ngân hàng nhằm đảm bảo cho các khoản vay của các đơn vị trong Tập đoàn.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Bảng sau phản ánh rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn và Công ty:

Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii) 5.164.983	5.695.196	517.127	1.378.809
Các khoản đầu tư ngắn hạn	(ii) 4.042.212	3.287.000	239.614	-
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	(iii) 4.840.388	1.065.085	11.272.052	13.628.961
Các khoản đầu tư dài hạn khác	(ii) 144.050	-	-	-
Đảm bảo đã phát hành	(iv) 65.884	-	3.738.876	4.848.400
	14.257.517	10.047.281	15.767.669	19.856.170

(*) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác bao gồm các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản đầu tư dài hạn khác được gửi tại các tổ chức tài chính theo quy định. Các khoản đầu tư và các giao dịch bao gồm các công cụ tài chính phái sinh chỉ được phép thực hiện với các bên đối tác sau khi được Ban Giám đốc đánh giá. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này hoặc các tổ chức tín dụng này có thể mất khả năng trả nợ.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Ảnh hưởng rủi ro tín dụng của Tập đoàn và Công ty liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu ảnh hưởng bởi đặc điểm của từng khách hàng hoặc một bên đối tác. Đối phó với những rủi ro này, Tập đoàn giao dịch với các khách hàng bằng tiền mặt theo các điều khoản bàn giao. Trong trường hợp khách hàng được cấp điều kiện tín dụng, Ban Giám đốc sẽ thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác phản ánh mức độ ảnh hưởng rủi ro tín dụng tối đa.

Tập đoàn lập dự phòng phải thu khó đòi phản ánh ước tính khoản lỗ phát sinh liên quan đến các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Tập đoàn	
	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	1.784	378
Tăng dự phòng trong năm	501	1.493
Sử dụng dự phòng trong năm	(151)	(57)
Hoàn nhập	(70)	(30)
Số dư cuối năm	2.064	1.784

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tập đoàn và Công ty tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở trên, không có khoản phải thu dự phòng nợ khó đòi nào khác cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác như sau:

	Tập đoàn				Công ty			
	31/12/2013		31/12/2013		31/12/2013		31/12/2013	
	Gộp Triệu VND	Lỗ giảm giá Triệu VND	Gộp Triệu VND	Lỗ giảm giá Triệu VND	Gộp Triệu VND	Lỗ giảm giá Triệu VND	Gộp Triệu VND	Lỗ giảm giá Triệu VND
Trong hạn	4.675.644	-	1.046.732	-	11.272.052	-	13.628.961	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	126.643	-	16.472	-	-	-	-	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	38.557	(456)	2.715	(834)	-	-	-	-
Quá hạn từ 181 – 365 ngày	537	(537)	950	(950)	-	-	-	-
Quá hạn trên 365 ngày	1.071	(1.071)	-	-	-	-	-	-
	4.842.452	(2.064)	1.066.869	(1.784)	11.272.052	-	13.628.961	-

(iv) Các đảm bảo

Công ty có rủi ro tín dụng đối với các khoản đảm bảo với các ngân hàng cho các khoản vay của công ty con, MSC (xem Thuyết minh 22(a)(ii)) và bên thứ ba, MVP, trước đây được Tập đoàn nắm giữ.

Rủi ro này phản ánh khoản lỗ sẽ được ghi nhận khi các bên đi vay mất khả năng thanh toán với bên cho vay. Để loại bỏ rủi ro này, Ban Giám đốc tiếp tục duy trì sự giám sát hiệu quả hoạt động của công ty con và bên thứ ba mà nó bảo lãnh.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn và Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn và Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất có thể rằng Tập đoàn và Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, bất kể điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện khó khăn, mà không phát sinh hoặc ảnh hưởng đến danh tiếng của Tập đoàn.

Thông thường Tập đoàn đảm bảo đủ lượng tiền để đáp ứng các chi phí hoạt động kinh doanh, gồm việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính; ngoại trừ ảnh hưởng tiềm tàng của các trường hợp ngoài dự kiến, như thảm họa thiên nhiên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tập đoàn:

	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm	Trên 5 năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Vay ngắn hạn	5.329.971	(5.394.075)	(5.394.075)	-	-	-
Phải trả người bán	999.340	(999.340)	(999.340)	-	-	-
Phải trả nhân viên	258	(258)	(258)	-	-	-
Chi phí phải trả	1.862.531	(1.862.531)	(1.862.531)	-	-	-
Khoản phải trả ngắn hạn khác không bao gồm quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.866.738	(1.866.738)	(1.866.738)	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	4.183.657	(4.742.250)	(354.276)	(4.244.400)	(143.574)	-
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	14.167.960	(19.971.583)	(1.334.805)	(5.265.040)	(10.431.255)	(2.940.483)
	28.410.455	(34.836.775)	(11.812.023)	(9.509.440)	(10.574.829)	(2.940.483)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013						
Vay ngắn hạn	4.245.567	(4.317.179)	(4.317.179)	-	-	-
Phải trả người bán	942.375	(942.375)	(942.375)	-	-	-
Phải trả nhân viên	20.387	(20.387)	(20.387)	-	-	-
Chi phí phải trả	1.578.366	(1.578.366)	(1.578.366)	-	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	83.313	(83.313)	(83.313)	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	8.755.044	(10.561.743)	(2.757.462)	(1.821.077)	(5.414.967)	(568.237)
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	5.876.522	(7.757.035)	(638.651)	(1.464.394)	(5.653.990)	-
	21.501.574	(25.260.398)	(10.337.733)	(3.285.471)	(11.068.957)	(568.237)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty:

	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Trong vòng 1 năm	1 – 2 năm	2 – 5 năm
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014					
Phải trả người bán	1.451	(1.451)	(1.451)	-	-
Chi phí phải trả	215.239	(215.239)	(215.239)	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	1.555.324	(1.555.324)	(1.555.324)	-	-
Vay và nợ dài hạn không bao gồm các công cụ nợ phải sinh	14.580	(14.580)	-	(14.580)	-
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	5.267.960	(6.263.385)	(1.166.805)	(5.096.580)	-
	7.054.554	(8.049.979)	(2.938.819)	(5.111.160)	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Vay ngắn hạn	2.123.200	(2.325.789)	(2.325.789)	-	-
Phải trả người bán	9.286	(9.286)	(9.286)	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	883.439	(883.439)	(883.439)	-	-
Chi phí phải trả	479.911	(479.911)	(479.911)	-	-
Vay và nợ dài hạn	8.039.236	(11.352.419)	(886.865)	-	(10.465.554)
Trái phiếu/khoản vay dài hạn đã phát hành	5.876.522	(7.757.035)	(638.651)	(1.464.394)	(5.653.990)
	17.411.594	(22.807.879)	(5.223.941)	(1.464.394)	(16.119.544)

Ban Giám đốc không kỳ vọng rằng các dòng tiền được trình bày trên bảng phân tích khả năng đáo hạn của Tập đoàn và Công ty có thể phát sinh sớm hơn một cách đáng kể, hoặc có những giá trị chênh lệch đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn và Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn và Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn và Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái đối với các giao dịch bán hàng, mua hàng và các khoản vay có gốc bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của các công ty thành viên trong Tập đoàn. Loại tiền tệ sử dụng trong các giao dịch này chủ yếu có gốc bằng Đô la Mỹ (USD), Đồng Euro (EUR), Đô la Úc (AUD), Đô la Sing (SGD), Thai Baht (THB), và Đồng Nhân dân tệ (CNY).

Đối với các khoản mục tài sản và nợ phải trả tiền tệ có gốc bằng ngoại tệ, chính sách của Tập đoàn là đảm bảo mức rủi ro tiền tệ thuần được giữ ở một mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn và Công ty có các khoản tài sản/(nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	Tập đoàn						Công ty
	USD	EUR	AUD	SGD	THB	CNY	USD
Ngày 31 tháng 12 năm 2014							
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.141.772	179.401	-	-	-	-	7.064
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	18.276.662	-	-	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	(3.805.647)	(3.003.750)	(1.200.202)	(138.555)	(3.380.904)	(1.955.251)	(302.466)
Chi phí phải trả	(2.631.637)	-	-	-	-	-	-
Vay ngắn hạn	(52.283.698)	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn	(175.000.000)	-	-	-	-	-	-
Các khoản nợ dài hạn khác	-	-	-	-	-	-	(700.000)
	(206.302.548)	(2.824.349)	(1.200.202)	(138.555)	(3.380.904)	(1.955.251)	(995.402)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Tập đoàn						Công ty	
	USD	EUR	AUD	SGD	THB	CNY	USD	SGD
Ngày 31 tháng 12 năm 2013								
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.222.114	-	7.547	621	-	-	6.945	621
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	5.365.602	-	-	-	-	-	41.913.397	-
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	-	-	-	20.357.884	-
Phải trả người bán và phải trả khác (**)	(7.827.788)	(2.203.117)	(31)	-	(13.733.722)	-	(41.913.397)	-
Vay ngắn hạn	(45.955.726)	-	(37.345)	-	-	-	(100.000.000)	-
Vay dài hạn	(277.281.875)	-	-	-	-	-	-	-
Các khoản nợ dài hạn khác	(1.300.000)	-	-	-	-	-	(1.300.000)	-
	(299.777.673)	(2.203.117)	(29.829)	621	(13.733.722)		(80.935.171)	621

(*) Phải thu khách hàng và phải thu khác gồm khoản phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

(**) Phải trả người bán và phải trả khác gồm khoản phải trả người bán, phải trả nhân viên, chi phí phải trả và phải trả ngắn hạn khác.

Bảng sau đây trình bày những tỷ giá hối đoái chính áp dụng bởi Tập đoàn và Công ty:

	Tập đoàn		Công ty	
	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2014 VND	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2013 VND	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2014 VND	Tỷ giá hối đoái tại 31/12/2013 VND
1 USD	21.365	21.080	21.365	21.080
1 AUD	17.291	18.697	-	-
1 EUR	25.702	28.890	-	-
1 SGD	15.974	16.342	-	16.342
1 THB	634	631	-	-
1 CNY	3.395	3.463	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn và lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Công ty thông qua sự biến động của các loại tiền tệ sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các yếu tố khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất.

	Tập đoàn	Công ty
	Tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế tại 31/12/2014 Triệu VND	Tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) trước thuế tại 31/12/2014 Triệu VND
USD (tăng lên 1%)	(44.077)	(288)
AUD (giảm đi 8%)	1.660	-
EUR (giảm đi 11%)	7.985	-
SGD (giảm đi 2%)	44	-
THB (tăng lên 1%)	(21)	-
CNY (giảm đi 2%)	133	-

	Tập đoàn	Công ty
	Tăng/(giảm) lợi nhuận trước thuế tại 31/12/2013 Triệu VND	Giảm lỗ trước thuế tại 31/12/2013 Triệu VND
USD (tăng lên 1%)	(63.193)	(17.061)
AUD (giảm đi 13%)	5.355	-
EUR (tăng lên 5%)	(43)	-
SGD (giảm đi 3%)	(1)	(1)
THB (giảm đi 5%)	433	-

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Tập đoàn và Công ty tại ngày lập báo cáo.

Rủi ro lãi suất

Mức biến động lãi suất của Tập đoàn và Công ty chủ yếu liên quan đến tài sản tài chính và nợ phải trả có lãi suất thả nổi. Rủi ro lãi suất được quản lý bởi Tập đoàn và Công ty trên cơ sở liên tục với mục tiêu chính là giảm thiểu chi phí lãi vay có khả năng chịu ảnh hưởng bởi các biến động bất lợi về lãi suất.

Tập đoàn và Công ty không sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro biến động về lãi suất đối với các khoản vay chịu lãi suất.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày báo cáo, tình hình lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn và Công ty như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Công cụ chịu lãi suất cố định				
Các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 7)	4.863.445	5.494.986	507.350	1.367.448
Đầu tư ngắn hạn (Thuyết minh 14)	4.042.212	3.287.000	239.614	-
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 14)	144.050	-	-	-
Khoản vay phải thu ngắn hạn từ công ty con (Thuyết minh 8)	-	-	2.172.319	2.172.319
Khoản vay phải thu dài hạn từ bên thứ ba (Thuyết minh 8)	-	424.788	-	-
Khoản vay phải thu dài hạn từ các công ty con (Thuyết minh 8)	-	-	2.283.927	1.477.557
Khoản vay từ một công ty con – dài hạn (Thuyết minh 22)	-	-	-	(6.286.800)
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 18)	(3.568.345)	(1.956.485)	-	(2.123.200)
Vay dài hạn (Thuyết minh 22)	(2.667.960)	(5.208.722)	(567.960)	(4.276.522)
	2.813.402	2.041.567	4.635.250	(7.669.198)
Công cụ chịu lãi suất thả nổi				
Tiền gửi ngân hàng (Thuyết minh 7)	301.538	200.210	9.777	11.361
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 18)	(1.761.626)	(1.389.907)	-	-
Vay dài hạn (Thuyết minh 22)	(15.566.317)	(9.248.717)	(4.700.000)	(1.600.000)
	(17.026.405)	(10.438.414)	(4.690.223)	(1.588.639)

Phân tích độ nhạy cảm của các công cụ chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản của lãi suất sẽ làm giảm lợi nhuận/(lỗ) trước thuế của Tập đoàn và Công ty lần lượt là 170.026 triệu VND (31/12/2013: 104.384 triệu VND) và 46.902 triệu VND (31/12/2013: 15.886 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Ước tính giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác và nợ phải trả tài chính khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính ngắn hạn của các công cụ này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn, các đảm bảo đã phát hành và các quyền chọn mua và bán

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(e) Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ tài chính

Bảng sau đây tóm tắt giá trị ghi sổ của tài sản tài chính và nợ tài chính cùng được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo phân loại của Thông tư 210 như sau:

Tập đoàn:

	Thuyết minh	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2014						
Đầu tư ngắn hạn	14	-	-	4.042.212	-	4.042.212
Đầu tư dài hạn khác	14	3.600	-	144.050	-	147.650
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	8	-	-	4.835.676	-	4.835.676
Phải thu dài hạn khác	8	-	-	4.712	-	4.712
Tiền và các khoản tương đương tiền	7	-	-	5.166.415	-	5.166.415
		3.600	-	14.193.065	-	14.196.665
Vay ngắn hạn	18	-	-	-	(5.329.971)	(5.329.971)
Vay và nợ dài hạn (***)	21, 22	-	(60.561)	-	(4.183.657)	(4.244.218)
Trái phiếu/khoản vay có đảm bảo	22	-	-	-	(14.167.960)	(14.167.960)
Phải trả người bán và phải trả khác (**)		-	-	-	(4.728.867)	(4.728.867)
		-	(60.561)	-	(28.410.455)	(28.471.016)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Thuyết minh	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Triệu VND	Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2013						
Đầu tư ngắn hạn	14	-	-	3.287.000	-	3.287.000
Đầu tư dài hạn khác	14	3.600	-	-	-	3.600
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	8	-	-	614.902	-	614.902
Phải thu dài hạn khác	8	-	-	450.183	-	450.183
Tiền và các khoản tương đương tiền	7	-	-	5.698.563	-	5.698.563
		3.600	-	10.050.648	-	10.054.248
Vay ngắn hạn	18	-	-	-	(4.245.567)	(4.245.567)
Vay và nợ dài hạn (***)	21, 22	-	(60.561)	-	(8.755.044)	(8.815.605)
Trái phiếu/khoản vay có đảm bảo	22	-	-	-	(5.876.522)	(5.876.522)
Phải trả người bán và phải trả khác (**)		-	-	-	(2.624.441)	(2.624.441)
		-	(60.561)	-	(21.501.574)	(21.562.135)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty:

Thuyết minh	Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
	Thuyết minh	Triệu VND			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014					
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	8	-	6.255.803	-	6.255.803
Phải thu dài hạn khác	8	-	5.016.249	-	5.016.249
Đầu tư ngắn hạn	14	-	239.614	-	239.614
Tiền và các khoản tương đương tiền	7	-	517.251	-	517.251
	-	12.028.917	-	12.028.917	
Nợ dài hạn (***)	21	(60.561)	-	(14.580)	(75.141)
Trái phiếu/khoản vay có đảm bảo	22	-	-	(5.267.960)	(5.267.960)
Vay ngắn hạn	18	-	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác (**)		-	-	(1.772.014)	(1.772.014)
		(60.561)	-	(7.054.554)	(7.115.115)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Thuyết minh	Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		Các khoản cho vay và phải thu Triệu VND	Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND
	Thuyết minh	Triệu VND			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Phải thu khách hàng và phải thu khác (*)	8	-	10.753.946	-	10.753.946
Phải thu dài hạn khác	8	-	2.875.015	-	2.875.015
Tiền và các khoản tương đương tiền	7	-	1.379.279	-	1.379.279
		-	15.008.240	-	15.008.240
Vay và nợ dài hạn (***)	21,22	(60.561)	-	(8.039.236)	(8.099.797)
Trái phiếu/khoản vay có đảm bảo	22	-	-	(5.876.522)	(5.876.522)
Vay ngắn hạn		-	-	(2.123.200)	(2.123.200)
Phải trả người bán và phải trả khác (**)		-	-	(1.372.636)	(1.372.636)
		(60.561)	-	(17.411.594)	(17.472.155)

(*) Phải thu khách hàng và phải thu khác gồm phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác.

(**) Phải trả người bán và phải trả khác gồm phải trả người bán, phải trả nhân viên, chi phí phải trả và phải trả ngắn hạn khác.

(***) Vay và nợ dài hạn gồm vay dài hạn và nợ dài hạn khác.

4.0. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 14 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã hoàn tất việc mua 99,9% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Sài Gòn Nutri thông qua một công ty con – Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San với tổng số tiền thanh toán là 200.000 triệu VND chưa bao gồm phí giao dịch.

Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập:


Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch



THÔNG TIN
DOANH NGHIỆP

LỊCH SỬ VÀ CẤU TRÚC CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MA SAN

Lịch sử Công ty

Tên pháp lý của công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San được thành lập vào tháng 11 năm 2004 dưới tên là Công ty Cổ phần Hàng Hải Ma San. Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (tên tiếng Anh là Masan Group Corporation) vào tháng 8 năm 2009 và đã niêm yết thành công tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM vào ngày 05 tháng 11 năm 2009. Dù Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San chính thức thành lập vào năm 2004 nhưng tính đến việc thành lập và hoạt động của các cổ đông lớn, công ty con và các công ty tiền nhiệm của chúng tôi thì Masan Group đã hoạt động được gần 20 năm.

Masan Group là công ty mẹ giữ cổ phần kiểm soát ở Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San (Masan Consumer) và Công ty Cổ phần Tài Nguyên Ma San (Masan Resources) với lợi ích kinh tế tương ứng là 78,4% và 74,2% tính đến tháng 12/2014. Lợi ích của chúng tôi tại Masan Consumer được nắm giữ thông qua công ty con sở hữu toàn bộ của chúng tôi, Masan Consumer Holdings ("MCH"), đây cũng là công ty cũng nắm giữ 100% lợi ích kinh tế trong Masan Brewery cuối năm 2014. Chúng tôi cũng nắm giữ lợi ích kinh tế dưới hình thức cổ phiếu và trái phiếu bắt buộc chuyển đổi tại Techcombank là 30,36% tính đến tháng 12/2014.

Các sự kiện quan trọng trong lịch sử công ty bao gồm:

- Tiền thân của Masan là công ty Công Nghệ - Kỹ Thuật - Thương Mại Việt Tiến được thành lập vào năm 1996, là nhà máy sản xuất gia vị tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Từ năm 2000 đến năm 2002, Masan đã phát triển thành công ty thực phẩm qua việc thành lập thêm các công ty như Công ty Xuất nhập khẩu Minh Việt và Công ty Cổ phần Công Nghiệp Masan.
- Năm 2002, để thâm nhập vào thị trường nội địa đầy tiềm năng, Masan đã chuyển hướng từ thị trường xuất khẩu sang tập trung vào thị trường nội địa, qua việc giới thiệu sản phẩm nước chấm thương hiệu "Chin-su". Sau thành công của nhãn hiệu Chin-su thì công ty cũng đã gặt hái những thành công tiếp theo khi giới thiệu thương hiệu "Nam Ngư" và "Tam Thái Tử" trong năm 2007.

¹ Bao gồm một phần lợi ích kinh tế của Masan Group tại Techcombank thông qua giao dịch đăng ký và mua 3.000 tỉ đồng trái phiếu chuyển đổi do Techcombank phát hành trong tháng 12/2010.

- Tháng 11/2004, Công ty Cổ phần Hàng Hải Ma San được thành lập, mà sau này công ty sẽ được sử dụng để tái cấu trúc hoạt động kinh doanh và được đổi tên thành Công ty Tập đoàn Ma San (sẽ được nêu thêm bên dưới).
- Năm 2008, Công ty Cổ phần Công Nghiệp- Thương Mại Ma San là công ty mẹ sở hữu các cổ phần của công ty con trong ngành hàng thực phẩm của Tập đoàn lần đầu tiên đạt doanh thu 2.000 tỷ đồng.
- Năm 2008, với tầm nhìn thể chế hóa chiến lược ngành và chiến lược thực thi cho toàn Tập đoàn nhằm trở thành nền tảng quy mô hơn và chuyên nghiệp hơn thì các cổ đông của chúng tôi đã tuyển dụng đội ngũ quản lý chuyên nghiệp, bao gồm đội ngũ điều hành với kinh nghiệm đa quốc gia và thành tích xây dựng các doanh nghiệp trong các thị trường mới nổi, trong đó phải nhắc đến việc bổ nhiệm ông Madhur Maini là Tổng Giám đốc điều hành trong tháng 08/2008.
- Tháng 08/2009, Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và tái cơ cấu nắm giữ 19,9% cổ phần tại Techcombank và 54,8% cổ phần tại Masan Consumer.
- Tháng 09 và 10/2009, TPG, thông qua quỹ đầu tư vốn tăng trưởng, TPG Growth, đã đầu tư 630 tỷ đồng vào Công ty dưới hình thức trái phiếu chuyển đổi, đã được chuyển đổi hoàn toàn thành cổ phần Công ty trong tháng 06/2012.
- Tháng 10/2009, BankInvest, thông qua Quỹ Private Equity New Markets, đã đầu tư 360 tỷ đồng vào cổ phần của Công ty.
- Tháng 10/2009, Công ty đã tăng quyền sở hữu trong Masan Consumer lên 76,6%.
- Ngày 05/11/2009, chúng tôi đã chính thức niêm yết trên Sàn Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với giá niêm yết là 36.000 đồng một cổ phiếu và bắt đầu giao dịch với mã "MSN". Với giá cuối phiên giao dịch 42.200 đồng một cổ phiếu vào ngày niêm yết, Công ty đã trở thành công ty lớn thứ sáu tại Việt Nam xét theo mức vốn hóa thị trường.
- Tháng 12/2009, chúng tôi đã nâng mức vốn chủ sở hữu 360 tỷ đồng qua việc phát hành cổ phần cho công ty House Foods của Nhật Bản.
- Tháng 05 năm 2010, Công ty Tài chính Quốc tế (IFC), một thành viên của Ngân hàng Thế giới, đã cấp một phần khoản vay chuyển đổi cho chúng tôi trị giá 760 tỷ đồng với thời hạn vay sáu năm.

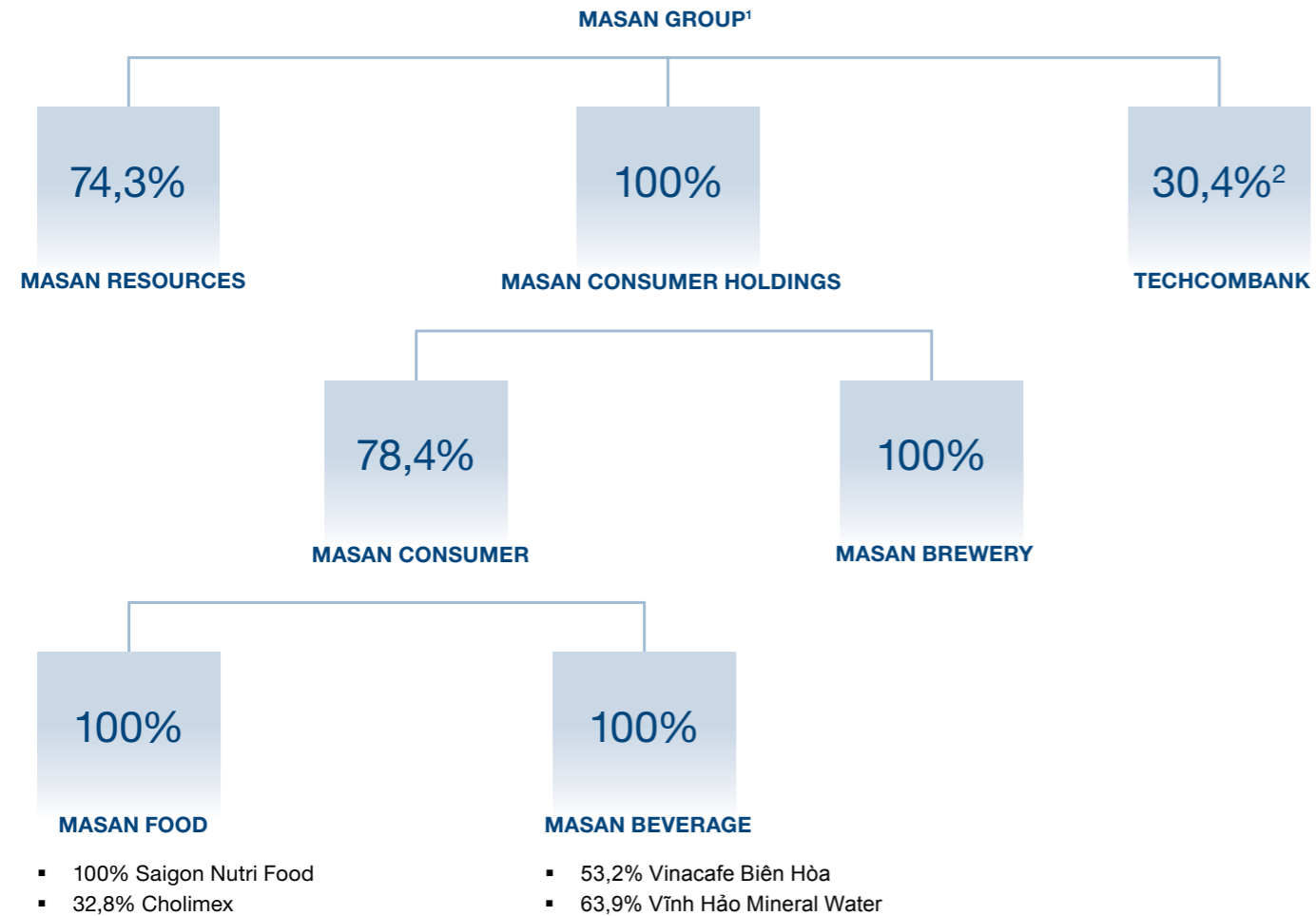
- Tháng 09/2010, Công ty đã mua lại cổ phần kiểm soát tại mỏ Núi Pháo và đã thành lập công ty Tài Nguyên Ma San. Ngay sau đó, Mount Kellett đã đầu tư mua 20% cổ phần tại Masan Resources.
- Tháng 10/2010, Công ty đã nâng vốn chủ sở hữu lên 974 tỷ đồng thông qua phát hành riêng cổ phiếu phổ thông cho Orchid Fund Private Limited, một quỹ đầu tư của Richard Chandler Corporation.
- Tháng 11/2010, Goldman Sachs đã cấp khoản vay chuyển đổi cho Công ty trị giá 30 triệu đô la Mỹ với thời hạn 5 năm.
- Tháng 12/2010, Công ty đã tăng cổ phần tại Masan Consumer lên 86,6%.
- Tháng 12/2010 và 01/2011, Công ty đã tăng lợi ích kinh tế tại Techcombank lên 30,6% sau khi mua trái phiếu chuyển đổi của Techcombank.
- Tháng 04/2011, KKR đã đầu tư 159 triệu đô la Mỹ vào Masan Consumer để mua 10% cổ phần.
- Tháng 10/2011, Masan Consumer đã thâm nhập vào thị trường đồ uống thông qua thương vụ mua lại 50,3% cổ phần của Vinacafe Biên Hòa, nhà sản xuất cà phê hòa tan lớn nhất tại Việt Nam. Tháng 02/2012, Masan Consumer đã tăng cổ phần lên 53,2%.
- Tháng 02/2012, Công ty đã phát hành các công cụ chuyển đổi cho Mount Kellett và Richard Chandler Corporation.
- Tháng 05/2012, Công ty đã tăng vốn lên 50 triệu đô la Mỹ thông qua cấp khoản vay chuyển đổi bắt buộc, chuyển đổi thành cổ phiếu Công ty, cho Kairos Capital Limited, một công ty đầu tư trực thuộc Richard Chandler Corporation.
- Tháng 01/2013, Công ty đã bán 8,7% cổ phần bổ sung tại Masan Consumer cho KKR với trị giá 200 triệu đô la Mỹ, do đó giảm cổ phần của Tập đoàn tại Masan Consumer xuống 77,7%.
- Tháng 02/2013, Masan Consumer đã mua lại 24,9% cổ phần tại Vĩnh Hảo.
- Tháng 04/2013, Masan Consumer đã tăng tỷ lệ phần trăm quyền sở hữu tại Vĩnh Hảo lên 63,5%.
- Tháng 07/2013, Mỏ Núi Pháo liên doanh với H.C. Starck và thành lập công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck nhằm sản xuất các sản phẩm chế biến sâu vonfram có giá trị cao hơn. Việc hợp tác với H.C. Starck đánh dấu một bước phát triển mới của dự án và minh chứng cho chất lượng

sản phẩm mỏ và giảm thiểu rủi ro cho dự án khi hợp tác với khách hàng có tiếng tăm trên thế giới cho sản phẩm vonfram của chúng tôi.

- Tháng 12/2013, Công ty TNHH Hoa Bằng Lăng, đã đổi tên thành Công ty TNHH Masan Consumer Holdings, được gọi tắt là Masan Consumer Holdings, và viết tắt là MCH. MCH được tái cấu trúc nhằm tập trung vào ngành hàng tiêu dùng.
- Tháng 04/2014, Ông Seokhee đã gia nhập Masan trên cương vị Tổng Giám đốc Điều hành của Masan Consumer kiêm Phó Tổng Giám đốc Điều hành của Masan Group.
- Tháng 05/2014, Masan Consumer đã thành lập công ty con Masan Beverage, theo đó cổ phần của Công ty tại Vinacafe và Vĩnh Hảo đã được chuyển đổi sang công ty này.
- Tháng 09/2014, Tập đoàn mua công ty Bia và Nước Giải khát Phú Yên để sản xuất ra sản phẩm bia có nhãn hiệu "Sư Tử Trắng". Công ty TNHH Masan Brewery được tái cấu trúc để sở hữu cổ phần của công ty bia này và được chuyển thành công ty con của MCH. Dưới sự quản lý của chúng tôi, nhà máy bia đã hoạt động hết công suất sau khi đã thực hiện tung hàng thử nghiệm tại miền Tây.
- Vào cuối năm 2014, Masan Consumer đã thành lập nhiều công ty con để mở rộng sự hiện diện của chúng tôi tại các khu vực chiến lược nhằm tăng công suất và tiếp cận gần hơn đến người tiêu dùng. Chúng tôi bắt đầu xây dựng tại nhà máy ở Nghệ An và đang bắt đầu xin giấy phép cho nhà máy tại Hậu Giang.
- Tháng 12/2014, Masan Consumer Holdings đã phát hành thành công trái phiếu kỳ hạn 10 năm, nâng mức vốn lên 2.100 tỷ đồng với lãi suất cố định 8%. Trái phiếu được tổ chức Credit Guarantee and Investment Facility ("CGIF"), một quỹ ủy thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") bảo lãnh, và đây là thương vụ đầu tiên của CGIF tại Việt Nam.
- Tháng 12/2014, Masan Consumer đã mua 32,8% cổ phần của công ty Thực phẩm Cholimex
- Tháng 01/2015, Masan Consumer đã mua 100% cổ phần của công ty Thực phẩm Dinh dưỡng Sài Gòn, là công ty sản xuất thịt chế biến nhằm tiến tới thâm nhập vào ngành hàng protein động vật.

CẤU TRÚC TẬP ĐOÀN

Tại ngày 31/12/2014



1. Không tính các công ty trung gian.
 2. Bao gồm một phần lợi ích kinh tế của Masan Group tại Techcombank thông qua giao dịch đăng ký và mua 3.000 tỉ đồng trái phiếu chuyển đổi do Techcombank phát hành trong tháng 12/2010.

Masan Consumer Holdings

Masan Consumer Holdings được thành lập là nền tảng chính để Tập đoàn đầu tư thêm vào các hoạt động liên quan đến ngành hàng tiêu dùng tại Việt Nam. Các công ty sở hữu cổ phần chính của Tập đoàn bao gồm Masan Consumer và Masan Brewery.

Masan Consumer là một trong những công ty hàng tiêu dùng lớn nhất Việt Nam. Chúng tôi sản xuất và kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống bao gồm nước tương, nước mắm, tương ớt, mì ăn liền, cháo ăn liền, cà phê hòa tan, ngũ cốc dinh dưỡng và đồ uống đóng chai. Bắt đầu hoạt động từ năm 2000, sau đó chúng tôi đã phát triển thêm danh mục sản phẩm, doanh thu bán hàng và các kênh phân phối trong nước để xác lập vị thế dẫn đầu trên thị trường thực phẩm tiêu dùng và đồ uống mang thương hiệu Việt. Những thương hiệu chủ chốt của Masan Consumer bao gồm Chin-su, Nam Ngư, Tam Thái Tử, Omachi, Kokomi, Sagami, B'fast, Komi, Vinacafé, Wake-Up, Phinn, Kachi, Vĩnh Hảo và Sư Tử Trắng.

Masan Brewery được thành lập sau khi thu mua Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Phú Yên năm 2014. Kể từ khi tham gia hoạt động kinh doanh, chúng tôi đã thay đổi hoàn toàn hoạt động kinh doanh và cho ra mắt một nhãn hiệu bia mới là “Sư Tử Trắng”, nhãn hiệu đã được thí điểm thành công tại Đồng bằng Sông Cửa Long. Do đó, nhà máy bia của chúng tôi đã hoạt động 100% công suất trong quý cuối cùng của năm 2014 và đang tăng thêm công suất.

Masan Resources

Masan Resources là một trong những công ty tài nguyên lớn nhất trong khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam, hiện đang vận hành dự án mỏ đa kim Núi Pháo mang đẳng cấp thế giới ở miền Bắc. Núi Pháo sẽ trở thành nhà sản xuất vonfram, florit và bismut tầm cỡ thế giới. Đây là những loại khoáng sản công nghiệp đặc biệt có tiềm năng đủ lớn để tạo nên một công ty dẫn đầu trong khu vực kinh tế tư nhân.

Trữ Lượng Đẳng Cấp Thế Giới

Núi Pháo là một trong những mỏ vonfram đã được xác nhận lớn nhất thế giới bên ngoài Trung Quốc với 66 triệu tấn quặng có chứa WO₃ (vonfram triôxit) phẩm cấp 0,18%. Sau khi đi vào sản xuất năm 2014, Núi Pháo trở thành đơn vị sản xuất vonfram lớn nhất bên ngoài Trung Quốc và là một trong những đơn vị sản xuất florit cấp axit và bismut lớn nhất thế giới.

Tài nguyên mỏ Núi Pháo¹

Phân loại	Tấn	Vonfram (%)	Florit (%)	Đồng (%)	Bismut (%)
Đã xác định + Chỉ thị (M+I)	73.751.000	0,17	7,80	0,16	0,08
Suy đoán (I)	22.724.000	0,14	7,00	0,16	0,08
M+I+I	96.475.000	0,16	7,61	0,16	0,08

Nguồn: Bảng ước tính tài nguyên khoáng sản nêu trên được lập theo hướng dẫn của ông Chris Black đến từ công ty Cube Consulting. Ông có đủ điều kiện để thực hiện công tác này theo quy định trong ấn bản năm 2004 của “Bộ luật báo cáo kết quả thăm dò, tài nguyên khoáng sản và trữ lượng quặng của Úc” (gọi tắt là “Bộ luật JORC”). Ước tính tài nguyên khoáng sản này được biên soạn tuân thủ theo quy định của Bộ luật JORC.

1. Tháng 08/2014, hàm lượng biên tương đương 0,1% WO₃.

Trữ lượng mỏ Núi Pháo¹

Phân loại	Tấn	Vonfram (%)	Florit (%)	Đồng (%)	Bismut (%)
Đã chứng thực	24.700.000	0,24	8,19	0,23	0,10
Tiềm năng	41.300.000	0,14	7,33	0,13	0,06
Tổng trữ lượng đã chứng thực + tiềm năng	66.000.000	0,18	7,65	0,17	0,08

Nguồn: Bảng ước tính trữ lượng quặng nêu trên được lập theo hướng dẫn của ông Quinton de Klerk đến từ công ty Cube Consulting. Ông có đủ điều kiện để thực hiện công tác này theo quy định trong ấn bản năm 2004 của "Bộ luật báo cáo kết quả thăm dò, tài nguyên khoáng sản và trữ lượng quặng của Úc" (gọi tắt là "Bộ luật JORC"). Ước tính tài nguyên khoáng sản này được biên soạn tuân thủ theo quy định của Bộ luật JORC.

1. Tháng 08/2014, hàm lượng biến tương đương 0,1% WO₃.

Techcombank

Techcombank hiện là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất Việt Nam xét trên quy mô tổng tài sản, cho vay, huy động, số lượng khách hàng và hệ thống mạng lưới. Chúng tôi đã xây dựng mạng lưới kinh doanh dẫn đầu ngành về huy động tiền gửi cá nhân và cho vay dành cho cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong vòng 21 năm qua kể từ ngày thành lập, chúng tôi đã phát triển nhiều sản phẩm và dịch vụ tài chính đa dạng để đáp ứng nhu cầu tài chính của lực lượng lao động hơn 50 triệu người và 305.000 doanh nghiệp tư nhân ở Việt Nam. Techcombank đã chèo lái thành công trước làn sóng tự do hóa tài chính cũng như sự tăng trưởng nhanh chóng của ngành dịch vụ tài chính tại Việt Nam để trở thành một trong những ngân hàng lớn nhất và phát triển nhanh nhất cả nước.

CẤU TRÚC VỐN

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

MASAN GROUP	
MASAN RESOURCES	TECHCOMBANK
2014 EBITDA (tỷ đồng)	3.807
Tiền và các khoản tương đương tiền (tỷ đồng)	9.209 ⁽²⁾
Tổng nợ (tỷ đồng)	23.564
Nợ thuần	14.456
Số cổ phiếu (Cơ bản)	735.801.140
Số cổ phiếu (Pha loãng hoàn toàn) ⁽³⁾	745.876.243
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	15.016

² Tính đến 31/12/2014 và bao gồm các khoản đầu tư ngắn hạn.

³ Cổ phần tăng thêm từ khả năng chuyển đổi của các công cụ chuyển đổi cổ phiếu được phát hành cho Jade Dragon (Mauritius) Limited (Goldman Sachs) và MRG, Ltd. (Mount Kellett).

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Cơ cấu Tổ chức

Chấp thuận	Đại Hội Đồng Cổ Đông	
Phê duyệt	Hội đồng Quản trị	Ban Kiểm soát
Quản trị chiến lược	Ban Điều hành <ul style="list-style-type: none"> Tổng Giám đốc Điều hành Phó Tổng Giám đốc Kế toán Trưởng 	
Thực thi	Phát triển Kinh doanh	Tài chính & Kế toán, Pháp lý và Hành chính

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị được cổ đông bầu ra để điều hành hoạt động của Masan Group. Các thành viên Hội đồng Quản trị họp định kỳ hoặc thảo luận riêng về các quyết định chiến lược do Ban Điều hành đệ trình. Chi tiết về trách nhiệm của Hội đồng Quản trị được trình bày trong phần Hội đồng Quản trị.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành.

Ban Điều hành

Trách nhiệm chính của Ban Điều hành bao gồm quản trị chiến lược, phân bổ nguồn lực ở cấp quản lý cao cấp, theo dõi và kiểm soát tài chính kế toán, quản lý vốn, quản trị doanh nghiệp và kiểm soát nội bộ.

Bộ phận Phát triển kinh doanh

Đội ngũ Phát triển Kinh doanh có trách nhiệm thực hiện giao dịch, phân tích hoạt động kinh doanh và quản lý các công ty con.

Bộ phận Tài chính & Kế toán, Pháp lý và Hành chính

Bộ phận Tài chính & Kế toán, Pháp lý và Hành chính chịu trách nhiệm thực hiện các báo cáo tài chính, tuân thủ luật pháp và quản lý các công việc hành chính hàng ngày trong Công ty. Những vị trí quản lý cấp cao của bộ phận Tài chính & Kế toán và Pháp lý giữ vai trò quan trọng trong việc thực thi và theo dõi các giao dịch sau khi hoàn tất.

Hội đồng Quản trị

Trách nhiệm và thẩm quyền của hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị có hai thành viên điều hành và bốn thành viên không điều hành. Hoạt động của Hội đồng Quản trị được tổ chức bởi Chủ tịch, cũng là Tổng Giám đốc Điều hành. Vai trò của Chủ tịch và Tổng Giám đốc Điều hành là tách biệt.

Thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm:

- **Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch**

TS. Nguyễn Đăng Quang là Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Điều hành của Masan Group. Bên cạnh đó ông còn là Chủ tịch của Công ty Cổ phần Ma San (Masan Corporation), Masan Consumer, Masan Resources, Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (Nui Phao Mining Company) và thành viên Hội đồng Quản trị của Techcombank.

TS. Quang đã góp phần quan trọng trong quá trình thành lập và phát triển nhiều hoạt động kinh doanh và công ty con của chúng tôi. Ông là người có tầm nhìn chiến lược, đã hỗ trợ quá trình chuyên môn hóa Masan Group trong giai đoạn phát triển đầu tiên đồng thời vẫn giữ được bản sắc văn hóa cũng như các giá trị Việt Nam không bị ảnh hưởng.

TS. Quang có học vị tiến sĩ Khoa học Kỹ thuật của Đại học Vật lý Ứng dụng thuộc Viện Hàn Lâm Khoa Học Belarus và bằng Thạc sĩ Quản lý và Quản trị Kinh doanh của Đại học Kinh tế Nga Plekhanov.

- **Ông Hồ Hùng Anh, Thành viên**

Ông Hồ Hùng Anh là thành viên Hội đồng Quản trị của Masan Group. Ông cũng giữ chức vụ Chủ tịch Techcombank và Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quý Kỹ Thương, thành viên Hội đồng Quản trị của Masan Corporation, Masan Consumer và thành viên của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương. Ông Hùng Anh đã đóng góp vào các giai đoạn phát triển đầu tiên của Masan Group và đưa ra nhiều chỉ đạo chiến lược. Ông đã lãnh đạo Techcombank, một công ty liên kết của Masan Group, trở thành ngân hàng tư nhân hàng đầu tại Việt Nam.

Ông Hồ Hùng Anh đã có bằng Cử nhân Điện tử Đại học Bách khoa Kiev.

- **Ông Nguyễn Thiệu Nam, Thành viên**

Ông Nguyễn Thiệu Nam là Phó Tổng Giám đốc Điều hành và là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty. Ông đã từng giữ vai trò điều hành cấp cao tại các công ty con và công ty liên kết của chúng tôi như Masan Consumer và Techcombank.

Tại Masan Group, ông Nam quản lý mảng quan hệ với các đối tác quan trọng và lãnh đạo công tác thực thi trong nước. Ông đã góp phần thúc đẩy quá trình bồi thường và tái định cư dự án Núi Pháo, tạo điều kiện cho quá trình thu mua đất lên tới 91% diện tích đất cần thiết cho dự án tính đến tháng 6/2011, so với chỉ mức thu hồi 2% diện tích đất trước khi Masan Group tiếp nhận dự án Núi Pháo. Gần đây, ông giữ vai trò quan trọng trong chiến lược tham gia trong ngành hàng bia.

Ông Nguyễn Thiệu Nam từng làm việc cho Công ty Cổ phần Đa My. Ông tốt nghiệp trường Đại học Thương mại Hà Nội, Việt Nam, bằng Cử nhân Thương mại.

- **Bà Nguyễn Hoàng Yến, Thành viên**

Bà Nguyễn Hoàng Yến là Phó Tổng Giám đốc Điều hành của Masan Consumer, nơi bà là một nhà quản lý điều hành chủ chốt từ những năm đầu thành lập khi Công ty còn là một công ty mua bán thực phẩm. Bà đã đóng góp vào sự thay đổi Công ty toàn diện thành một mảng kinh doanh thực phẩm và đồ uống có thương hiệu lớn trong nước. Bà cũng là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Masan PQ, thành viên Hội đồng Quản trị của Masan Corporation, Masan Consumer, Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo, Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa và Công ty Cổ phần Tào Vĩnh Hảo.

Bà Nguyễn Hoàng Yến tốt nghiệp Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, chuyên ngành Tiếng Nga.

- **Ông Lars Kjaer, Thành viên**

Ông Lars Kjaer là Phó Giám đốc Điều hành tại PENM Partners. Ông Lars từng là Giám đốc Điều hành tại NOPEF (chủ sở hữu các công ty Nordic SME chuyên đầu tư vào các thị trường mới nổi với danh mục đầu tư trên 200 công ty), Giám đốc Điều hành InWear & IC Companys (một công ty hàng may mặc, tiêu dùng có thương hiệu được tích hợp toàn diện với doanh số 450 triệu USD) và Giám đốc Điều hành của Carlsberg Đan Mạch. Ông cũng là thành viên Hội đồng Quản trị của Coca-Cola Nordic Beverages và Phó Chủ tịch Bộ phận Chiến lược Doanh nghiệp và M&A tại Carlsberg Breweries A/S. Từ khi giữ chức vụ quản lý điều hành, Lars có kinh nghiệm chuyên sâu về các thị trường mới, hoạch định chiến lược, phát triển doanh nghiệp, tái cơ cấu và M&A.

- **Ông Dominic Edward Salter Price, Thành viên**

Ông Dominic Price là Chuyên viên Tư vấn Cấp cao cho J.P. Morgan trên các thị trường sơ khai Châu Á kể từ sau khi rời khỏi vị trí toàn thời gian tại J.P. Morgan vào cuối năm 2012.

Ông Dominic gia nhập J.P. Morgan đầu tiên tại Luân Đôn vào năm 1988 và trong thời gian làm việc cho J.P. Morgan, ông làm việc tại Vương quốc Anh, Singapore, Ấn Độ và Việt Nam ở nhiều cương vị trong mảng giao dịch và ngân hàng đầu tư cũng như làm Giám đốc toàn quốc của J.P. Morgan ở Việt Nam và Ấn Độ.

Ông Dominic khởi đầu sự nghiệp ngân hàng tại ngân hàng Standard Chartered ở Luân Đôn khi làm việc trong mảng dịch vụ kỹ thuật, nghiên cứu và phát triển chiến lược, và mảng ngân hàng thương mại. Ông đã làm việc trong lĩnh vực kinh doanh trái phiếu tại Credit Suisse First Boston ở Luân Đôn và Tokyo, và ông cũng phụ trách bộ phận Tín dụng khu vực Châu Á và kinh doanh tiền tệ nội địa tại Singapore cho Paribas Capital Markets.

Chủ tịch đóng vai trò lãnh đạo quan trọng và tham gia:

- Chủ trì các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và đóng vai trò lãnh đạo hiệu quả;
- Duy trì đối thoại với Ban Điều hành và chỉ đạo chiến lược phù hợp;
- Giám sát hiệu quả hoạt động của Hội đồng Quản trị; và
- Là đại sứ cho Tập đoàn, bao gồm chủ trì Đại Hội Cổ Đông và xử lý các vấn đề liên quan đến cộng đồng và giữ quan hệ với những cổ đông lớn.

Hội đồng Quản trị có trách nhiệm vạch ra phương hướng, chiến lược và mục tiêu tài chính của Tập đoàn, và giám sát sự tiến triển của những vấn đề này. Hội đồng Quản trị hiện không thành lập các tiểu ban riêng.

Các thành viên không điều hành thường xuyên trao đổi với Ban Điều hành để nắm được diễn biến và hiệu quả hoạt động của Tập đoàn. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, TS. Nguyễn Đăng Quang, ông Hồ Hùng Anh, ông Nguyễn Thiệu Nam, bà Nguyễn Hoàng Yến và ông Lars Kjaer lần lượt nắm giữ vị trí trong Hội đồng Quản trị của bốn, ba, sáu, sáu công ty khác tương ứng.

Họp Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị thường xuyên họp để thảo luận về phương hướng, chiến lược và tiến độ phát triển kinh doanh. Thông thường, các chủ đề tại cuộc họp Hội đồng Quản trị bao gồm:

- Báo cáo về những dự án lớn và những vấn đề trong hoạt động kinh doanh hiện tại;
- Báo cáo kết quả kinh doanh;
- Trình bày những dự án kinh doanh cụ thể; và
- Các vấn đề của các cuộc họp trước và những vấn đề còn tồn đọng.

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2014, các thành viên Hội đồng Quản trị phần lớn tập trung việc thảo luận và thông qua những vấn đề sau:

- Đơn giản hóa cấu trúc vốn và cấu trúc doanh nghiệp của công ty nhằm tập trung nhiều hơn vào các mảng kinh doanh liên quan đến tiêu dùng;
- Tăng cường quản trị doanh nghiệp và nâng cao tính minh bạch;
- Triển khai các giao dịch khác của Masan Group và các công ty con;
- Quyết định kế hoạch phát triển kinh doanh và lập dự toán ngân sách hàng năm cho các công ty thành viên; và
- Huy động vốn.

Trong năm qua không có cuộc họp riêng biệt nào dành cho các thành viên không điều hành. Các phê chuẩn của Hội đồng Quản trị có sự tham gia của tất cả các thành viên.

Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm thực thi kế hoạch phát triển kinh doanh của Masan Group và báo cáo kết quả kinh doanh. Tổng Giám đốc Điều hành lãnh đạo Ban Điều hành.

Hiện nay, Ban Điều hành gồm có 4 thành viên điều hành cao cấp nhất của Masan Group, Tổng Giám đốc Điều hành, 3 Phó Tổng Giám đốc Điều hành và Kế toán trưởng. Thành viên của Ban Điều hành bao gồm:

- **TS. Nguyễn Quang Đăng – Tổng Giám đốc Điều hành**
Để xem thông tin, tham khảo phần Hội đồng Quản trị
- **Ông Nguyễn Thiệu Nam - Phó Tổng Giám đốc Điều hành**
Để xem thông tin, tham khảo phần Hội đồng Quản trị
- **Ông Michael Hưng Nguyễn - Phó Tổng Giám đốc Điều hành**
Ông Michael Hưng Nguyễn chịu trách nhiệm chính đối với mảng xây dựng nền tảng thực hiện giao dịch và hoạt động kinh doanh của Masan Group để hỗ trợ các công ty con và sự phát triển của công ty trong các lĩnh vực mới. Ông giữ vai trò là “Tham mưu trưởng” cho CEO trong quá trình chuyển đổi Masan từ một công ty thực phẩm sang tập đoàn tư nhân hàng đầu. Ông Michael đã góp phần xây dựng nền tảng thực thi các giao dịch và hoạt động kinh doanh bằng cách hỗ trợ huy động 2 tỷ USD vốn cho công ty và lãnh đạo một số thương vụ mua lại doanh nghiệp quan trọng.

Ông Michael đã hỗ trợ xây dựng nhóm thực thi ngân hàng đầu tư tại Việt Nam của J.P. Morgan và làm việc trong lĩnh vực M&A, thị trường vốn và các giao dịch tư nhân với các khách hàng tài chính, bất động sản và khách hàng tiêu dùng. Trước khi về Việt Nam, ông Michael đã tư vấn và cung cấp các giải pháp cho nhiều khách hàng quốc tế tại J.P. Morgan ở New York.

Ông Michael tốt nghiệp Đại học Harvard, Mỹ.

- **Ông Seokhee Won – Phó Tổng Giám đốc Điều hành**

Ông Seokhee Won là Phó Tổng Giám đốc Điều hành của Masan Group, CEO và thành viên Hội đồng Quản trị của Masan Consumer. Ông Seokhee là một quản lý điều hành dày dặn kinh nghiệm với 22 năm kinh nghiệm tại công ty hàng tiêu dùng toàn cầu, Unilever. Gần đây nhất, ông giữ cương vị Phó Chủ tịch Cấp cao, chịu trách nhiệm về các hoạt động kinh doanh sản phẩm chăm sóc da của Unilever tại khu vực Châu Á và nhãn hiệu Ponds trên toàn cầu. Kinh nghiệm của ông Seokhee bao gồm quản lý cấp cao trong các hoạt động kinh doanh của Unilever tại Trung Quốc, Nam Phi, Thái Lan, Hàn Quốc và Việt Nam. Ông đã làm việc tám năm tại Unilever Việt Nam (1997-2005) với cương vị Giám đốc Marketing, sau đó là Phó Chủ tịch. Trong thời gian đó ông chịu trách nhiệm về toàn bộ danh mục sản phẩm chăm sóc cá nhân của Unilever.

Ông tốt nghiệp Đại học Notre Dame.

- **Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên – Kế toán trưởng**

Bà Duyên từng làm việc cho KPMG Việt Nam. Bà tốt nghiệp Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi tiết về việc sở hữu cổ phiếu Masan Group của các thành viên Ban Điều hành như sau:

Ban Điều hành	Vị trí	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
TS. Nguyễn Đăng Quang	Tổng Giám đốc Điều hành	10	0,00
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Tổng Giám đốc Điều hành	2.110.400	0,29
Ông Michael Hưng Nguyễn	Phó Tổng Giám đốc Điều hành	850.700	0,12
Ông Seokhee Won	Phó Tổng Giám đốc Điều hành	0	0,00
Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Kế toán trưởng	50.000	0,01
Tổng số cổ phần đang lưu hành		735.808.140	100,00

Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát được bầu bởi Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Ban Kiểm soát bao gồm các thành viên sau đây:

- **Ông Nguyễn Quỳnh Lâm - Trưởng Ban Kiểm soát**
Ông Lâm có hơn 20 năm kinh nghiệm trong các vị trí quản lý và kế toán. Trước đây, ông làm việc cho Công ty Cổ phần Đa My và Công ty Cổ phần Thương mại La Giang. Ông tốt nghiệp Đại học Mở Địa chất, Hà Nội, Việt Nam.
- **Ông Phạm Đình Toại - Thành viên**
Ông Toại gia nhập Masan Consumer năm 2009 và hiện là Phó Tổng Giám đốc Điều hành và Giám đốc Tài chính. Trước khi gia nhập Masan Consumer, ông là Giám đốc Phân tích Tài chính tại Unilever Việt Nam từ năm 2002 đến 2005 và Giám đốc Tài chính và Kế toán tại Unilever Việt Nam từ năm 2005 đến 2009.
Ông Toại đã tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp và Kế toán tại Trường Đại học Tài chính và Kế toán Việt Nam. Ông cũng tốt nghiệp Cử nhân Công nghệ Thông tin, Đại học Sư phạm Kỹ thuật tại Việt Nam.
- **Ông Vũ Dũng – Thành viên**
Ông Vũ Dũng là Luật sư thành viên tại YKVN, ông chịu trách nhiệm về các lĩnh vực ngân hàng và tài chính, thị trường vốn và các vấn đề doanh nghiệp. Khách hàng chính của ông bao gồm các ngân hàng nhà nước và ngân hàng quốc tế cũng như các quỹ đầu tư tư nhân trong nước và quốc tế đang hoạt động tại Việt Nam. Ông Dũng đã lãnh đạo thực hiện nhiều giao dịch cấp vốn đối với tài sản quan trọng, đặc biệt cấp vốn hàng không và cấp vốn dự án, cụ thể là cấp vốn cơ sở hạ tầng. Dũng cũng chịu trách nhiệm về các giao dịch lớn trên thị trường vốn chủ sở hữu và nợ trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, các tập đoàn đa quốc gia và công ty có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thường xuyên tham vấn ông về các vấn đề doanh nghiệp, thương mại và thuế.

Ông Dũng được IFLR1000 xếp hạng là một Luật sư Hàng đầu trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính (2011-2012-2013). Ông đã được mô tả như một “siêu sao” mới (Legal 500, 2010-2011), một người ngày càng nổi bật và có kỹ năng làm việc tốt” (Chambers Asia, 2009). Ông đã được ghi nhận về “sự nhạy bén kinh doanh cao và các giải pháp thực hành hợp pháp” (Chambers Asia, 2009), cũng như cung cấp “các dịch vụ cao cấp”. Một trong các ấn phẩm mà ông là đồng tác giả là chương về Việt Nam của Niên Giám Ngân Hàng 2004 (International Financial Law Review, 2004). Ông cũng đã viết nhiều bài báo về luật tài chính ngân hàng trên tuần báo Vietnam Investment Review và Vietnam Economic Times.
Ông Vũ Dũng tốt nghiệp Đại học Quốc gia Hà Nội (chuyên ngành Luật) và Đại học Ngoại ngữ Hà Nội (chuyên ngành tiếng Anh), Việt Nam.
- **Ông Đặng Ngọc Cả - Thành viên**
Ông Cả trước đây làm việc cho Allens Arthur Robinson và Luật Việt. Ông tốt nghiệp trường Đại học Luật Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi tiết về việc sở hữu cổ phiếu Công ty của các thành viên Ban Kiểm soát như sau:

Thành viên Ban Kiểm soát	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Quỳnh Lâm	50.000	0,01%
Ông Phạm Đình Toại	33.000	0,00%
Ông Đặng Ngọc Cả	24.490	0,00%
Tổng số cổ phần đang lưu hành	735.808.140	100,0%

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành trong việc tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ của Masan Group và pháp luật Việt Nam. Đặc biệt, Ban Kiểm soát tham gia vào các cuộc họp thường kỳ và bất thường của Hội đồng Quản trị và Đại Hội Cổ Đông.

Quy chế Quản trị Doanh nghiệp nội bộ

Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ của Masan Group đã được phê duyệt bởi Đại Hội Cổ Đông tổ chức ngày 9 tháng 10 năm 2009. Mục tiêu của Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ là:

- Đảm bảo một kế hoạch quản trị doanh nghiệp hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đảm bảo quyền bình đẳng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo các giao dịch của các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở các điều kiện thị trường;
- Nâng cao tính minh bạch; và
- Giúp cho hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị và kiểm soát của Ban Kiểm soát đạt hiệu quả.

Quy chế quản trị doanh nghiệp nội bộ quy định trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng Quản trị, thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

Mười trên tổng số mười ba thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát có chuyên môn và có kinh nghiệm liên quan đến quản trị doanh nghiệp.

Như được nêu trong Báo cáo Thường niên 2013, Tập đoàn đã thực hiện các biện pháp nhất định để tăng cường nền tảng tuân thủ và quản lý trong năm 2014.

Nhóm Tư vấn nâng cao Quản lý Doanh nghiệp của Masan Group (“Nhóm Tư vấn”) đã được thành lập để thực hiện các nhiệm vụ được quy định trong Điều 2, Quyết định số 137/2014/QĐ-TGD ngày 07/8/2014 của Tổng Giám đốc Điều hành. Nhóm Tư vấn do Ông

Dominic Price, một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập dẫn đầu và bao gồm hai thành viên khác là Ông Vũ Dũng, một thành viên của Ban Kiểm soát và Ông Michael Hưng Nguyễn, Phó Tổng Giám đốc Điều hành của Masan Group.

Cuộc họp đầu tiên của Nhóm Tư vấn đã đánh giá các nhiệm vụ do Tổng Giám đốc Điều hành đặt ra bao gồm:

- Bước 1 - Đánh giá hoạt động quản trị doanh nghiệp của MSN dựa trên các quy định hiện hành của Việt Nam và các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp quốc tế.
- Bước 2 - Tư vấn và đưa ra đề xuất cho Tổng Giám đốc Điều hành của MSN các biện pháp và kế hoạch hành động để tăng cường quản trị doanh nghiệp của MSN, bao gồm các vấn đề cần được phê duyệt bởi Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội đồng Quản trị của MSN: được thực hiện sau Bước 1 nêu trên.
- Bước 3 - Rà soát và hỗ trợ xây dựng các chính sách để nâng cao vấn đề truyền thông doanh nghiệp và các vấn đề phân bổ tài chính và vốn: Nhóm Tư vấn sẽ hỗ trợ việc xây dựng các chính sách sau: ESOP; tài trợ bằng vay nợ; quản lý tiền mặt; M&A; và giao dịch mua bán chứng khoán của nhân viên.
- Bước 4 - Hỗ trợ chuẩn bị cho các nhiệm kỳ tiếp theo của Nhóm Tư vấn, nếu được gia hạn, để đánh giá nền tảng tuân thủ và công bố thông tin doanh nghiệp của Công ty cho các bước nâng cao tiếp theo: hoàn thành sau các Bước 1, 2 và 3 trên đây.

Tính đến ngày 31/12/2014, Nhóm Tư vấn đã thực hiện thành công một số chính sách nội bộ để cải thiện các hoạt động quản trị rủi ro của Tập đoàn như Chính sách ESOP và Chính sách Quản lý Tiền mặt. Nhóm Tư vấn đã đồng ý gia hạn thời hạn để có thêm thời gian hoàn thành đúng phạm vi công việc chính được nêu trên đây.

Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

Masan Group đang xây dựng các chính sách về thù lao cho các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Thù lao của Ban Điều hành bao gồm một khoản cố định và một khoản biến đổi.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ của Masan Group là 7.358.081.400.000 đồng.

Cơ cấu Cổ đông tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014

Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành và loại cổ phần của Masan Group: 735.808.140 cổ phần phổ thông.

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 734.911.338 cổ phần.

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 896.802 cổ phần¹.

Cơ cấu cổ đông:

Tính theo tỷ lệ sở hữu:

- Cổ đông lớn bao gồm:

STT	Cổ đông	Cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Ma San	242.921.247	33,01%
2	Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Hoa Hướng Dương	99.817.804	13,57%
3	Orchid Capital Investments Pte. Ltd.	77.079.384	10,48%
4	Private Equity New Markets II K/S	43.011.218	5,85%
Tổng cộng		462.829.653	62,91%

- Số lượng cổ phần do các cổ đông khác nắm giữ: 272.978.487, tương ứng với 37,09%
 Tính trên cơ sở cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân: Vào ngày 31/12/2014, Masan Group có 1.849 cổ đông, trong đó có 1.705 cổ đông cá nhân nắm giữ 100.820.924 cổ phần tương ứng với 13,70%; và 144 cổ đông tổ chức nắm giữ 634.987.216 cổ phần tương ứng với 86,30%.

Tính trên cơ sở cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài: Vào ngày 31/12/2014, Masan Group có 1.581 cổ đông trong nước nắm giữ 482.365.517 cổ phần tương ứng với 65,56%; và 268 cổ đông nước ngoài nắm giữ 253.442.623 cổ phần tương ứng với 34,44%.

Thay đổi vốn điều lệ

Trong năm 2014: Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 7.349.113.380.000 đồng lên 7.358.081.400.000 đồng. Tổng số cổ phần mới được phát hành cho Công ty Tài chính Quốc tế - (IFC) theo hình thức chào bán riêng lẻ để tất toán các nghĩa vụ của Công ty theo khoản nợ chuyển đổi do IFC cung cấp cho Công ty trong tháng 5/2010.

Masan Group không có cổ phiếu quỹ.

Công ty Cổ phần Masan

Công ty Cổ phần Ma San (Masan Corporation) được thành lập vào ngày 13 tháng 9 năm 2000. Hoạt động đăng ký kinh doanh bao gồm nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại, tư vấn đầu tư, quản lý và chuyển giao công nghệ, xây dựng và quản lý các dự án đầu tư, cho thuê văn phòng và kinh doanh bất động sản.

¹ Cổ phiếu không được chuyển nhượng cho đến ngày 31/7/2015.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xây dựng Hoa Hướng Dương

Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Hoa Hướng Dương được thành lập vào ngày 10 tháng 8 năm 2009. Hoạt động đăng ký kinh doanh bao gồm: xây dựng công trình dân dụng, mua bán vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị ngành xây dựng, khai khoáng, đại lý kỹ gởi hàng hóa, nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại, hoạt động tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán, tài chính).

Cổ đông lớn nước ngoài

Các cổ đông lớn là các tổ chức lớn nước ngoài gồm Private Equity New Markets II K/S (PENM Partners), các quỹ đầu tư do Orchid Capital Investments Pte. Ltd. (Chandler Corporation) quản lý.

Private Equity New Markets II K/S (PENM Partners, trước đây do BankInvest quản lý)

PENM Partners là một công ty quản lý quỹ độc lập và cho đến năm 2012 vẫn còn là một phần của BankInvest Group - một trong những quỹ quản lý tài sản lớn nhất vùng Scandinavia. PENM Partners được thành lập năm 2006 và đứng ra quản lý quỹ PENM tại Việt Nam (một Quỹ đầu tư vốn tư nhân vào những thị trường mới nổi). PENM Partners cung cấp vốn và bí quyết kinh doanh cho các công ty được đầu tư. Hiện tại, PENM Partners quản lý ba quỹ PENM với tổng tài sản khoảng 400 triệu đô la Mỹ.

Orchid Capital Investments Pte. Ltd. (Chandler Corporation)

Chandler Corporation là một tập đoàn đầu tư tư nhân trị giá nhiều tỷ đô la được thành lập bởi doanh nhân Richard Chandler người New Zealand. Từ năm 1986, công ty đã đầu tư vào vốn chủ sở hữu công và tư nhân trong nhiều ngành khác nhau trên toàn cầu, bao gồm năng lượng, dịch vụ tài chính, hàng tiêu dùng và chăm sóc sức khỏe.

Tỷ lệ sở hữu và sự thay đổi tỷ lệ sở hữu của các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2014

	31/12/ 2014	31/12/2013	Tăng/Giảm
TS. Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch	0,00%	0,00%	0,00%
Ông Hồ Hùng Anh, Thành viên	0,00%	2,15%	-2,15%
Ông Nguyễn Thiệu Nam, Thành viên	0,29%	0,29%	0,00%
Bà Nguyễn Hoàng Yến, Thành viên	3,56%	2,96%	+0,6%
Ông Lars Kjaer, Thành viên	0,00%	0,00%	0,00%
Ông Dominic Edward Salter Price, Thành viên	0,00%	0,00%	0,00%

Thông tin về giao dịch cổ phiếu của các Cổ đông nội bộ

Trong năm 2014, có giao dịch cổ phiếu Masan Group được thực hiện bởi cổ đông nội bộ. Bảng dưới đây liệt kê các giao dịch này:

STT	Cổ đông nội bộ và người có liên quan	Số cổ phần sở hữu vào ngày 1/1/2014	Tỷ lệ	Số cổ phần sở hữu vào ngày 31/12/2014	Tỷ lệ	Lý do tăng, giảm (chuyển nhượng, mua, chuyển đổi...)
1	Ông Đặng Ngọc Cả	25.100	0,00%	24.490	0,00%	Chuyển nhượng
2	Masan Corporation	250.421.247	34,08%	242.921.247	33,01%	Chuyển nhượng
3	Ông Hồ Hùng Anh	15.768.269	2,15%	0	0	Chuyển nhượng
4	Bà Nguyễn Hoàng Yến	21.779.459	2,96%	26.228.483	3,56%	Mua
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	0	0	3.769.245	0,51%	Mua

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Vào ngày 31/12/2014

Vốn điều lệ (tỷ đồng)	7.358
Giá cổ phiếu (đồng)	83.000
Giá cao nhất 52 tuần (đồng)	108.000
Giá thấp nhất 52 tuần (đồng)	77.500
Số lượng cổ phiếu đã phát hành (cổ phiếu)	735.808.140
Số lượng cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu)	735.808.140
Số lượng cổ phiếu ưu đãi (cổ phiếu)	0
Số cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	0
Tỷ lệ cổ tức/ thị giá (%)	N/A

M A S A N
G R O U P



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MA SAN

Phòng 802, Central Plaza

17 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 8 6256 3862

Fax: +84 8 38274115

www.masangroup.com

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG BÁO CÁO

Tất cả các nhận định hoặc phát biểu trong quyển báo cáo này không phải là những dữ liệu ghi lại các sự kiện đã xảy ra, mà trong đó có bao hàm những “nhận định về tương lai”. Những nhận định này có thể có những từ ngữ như “dự đoán”, “tin tưởng”, “có thể”, “ước tính”, “dự kiến”, “dự phóng”, “kỳ vọng”, “dự định”, “kế hoạch”, “nhắm đến”, “sẽ” hoặc những từ ngữ tương tự. Tuy nhiên, đây không phải là những dấu hiệu duy nhất để xác định và nhận biết chúng. Toàn bộ các bài viết dự đoán về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch và triển vọng đều được xem là những nhận định về tương lai. Ngoài ra, chúng còn bao gồm cả những bài viết về chiến lược kinh doanh, triển vọng doanh thu và lợi nhuận (bao gồm, nhưng không giới hạn những dự phóng hoặc dự báo về tài chính hoặc hoạt động kinh doanh), dự án đã lên kế hoạch và các vấn đề khác trong tài liệu này mà không phải là những dữ kiện đã xảy ra. Những nhận định về tương lai và dự báo được trình bày trong báo cáo cũng tùy thuộc vào những rủi ro xác định và không xác định, những bất trắc nhất định và các yếu tố khác vốn có thể khiến kết quả tài chính, hiệu quả kinh doanh hoặc thành tích thực tế hoàn toàn khác biệt so với những nhận định về tương lai hoặc dự báo đó.

Những nhận định về tương lai này dựa trên niềm tin và giả định được chúng tôi xây dựng từ những thông tin có sẵn. Chúng tôi hoạt động tích cực trong lĩnh vực xây dựng, mua lại và quản lý các doanh nghiệp hàng đầu trong một số lĩnh vực tăng trưởng nhanh nhất của nền kinh tế Việt Nam. Triển vọng của Masan Group chủ yếu dựa trên diễn giải của chúng tôi về các yếu tố kinh tế quan trọng có ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam, đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh và các doanh nghiệp của chúng tôi. Mặc dù chúng tôi tin rằng các giả định nền tảng của những nhận định về tương lai là hợp lý trong thời điểm hiện tại, nhưng bất kỳ giả định nào cũng đều có thể sai lệch trong thực tế khiến cho những nhận định về tương lai dựa trên giả định đó trở nên thiếu chính xác. Kết quả thực tế có thể sai biệt đáng kể so với những thông tin trong nhận định về tương lai do nhiều yếu tố, đa phần nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi. Do đó, các nhà đầu tư cần lưu ý không phụ thuộc quá nhiều vào những nhận định về tương lai được trình bày trong báo cáo này. Chúng chỉ có hiệu lực vào ngày lập báo cáo hoặc ngày tương ứng được nêu trong báo cáo, và Masan Group không có nghĩa vụ cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định nào, cho dù có xuất hiện những thông tin mới hoặc những sự kiện tương lai.

ĐỊNH NGHĨA THUẬT NGỮ/ TỪ VIẾT TẮT

ATM	Máy giao dịch ngân hàng tự động ATM
Bia Phú Yên	Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Phú Yên
CAR	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (viết tắt của cụm “Capital Adequacy Ratio”)
C&R	Bồi thường và giải phóng mặt bằng
Cholimex	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex
Công ty Liên doanh	Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo - H.C. Starck
Công ty	Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
Dragon Capital	Tập đoàn Dragon Capital và các quỹ, các công ty của mình
ESOP	Chương trình Sở hữu cổ phần cho nhân viên
H.C. Starck	Tập đoàn H.C. Starck
HĐQT	Hội đồng Quản trị
House Foods	Tập đoàn House Foods
IFC	Công ty Tài chính Quốc tế
KKR	Kohlberg Kravis Roberts & Co. L.P., các chi nhánh và/hoặc các quỹ đầu tư do KKR quản lý
M&A	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp
Masan	Thuật ngữ chung nói về công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San, bao gồm công ty MasanConsumerHoldings, công ty Hàng tiêu dùng Ma San, công ty Tài nguyên Ma San, ngân hàng Techcombank và các công ty con
Masan Agri	Công ty Cổ phần Masan Agri (trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Mươi Giờ)
Masan Brewery	Công ty TNHH Một Thành Viên Masan Brewery (trước đây là Công ty TNHH Tư vấn Hoa Phong Lan)
Masan Consumer	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San, được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San
Masan Consumer Holding	Công ty TNHH MasanComsumerHoldings
Masan Group	Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
Masan Horizon	Công ty Cổ phần Tầm nhìn Ma San
Masan Resources	Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San
MNC	Công ty đa quốc gia
Mount Kellett	Công ty quản lý quỹ Mount Kellett
NHNN	Ngân hàng nhà nước Việt Nam
Núi Pháo	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, được tái cấu trúc từ Công ty TNHH Liên doanh Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo sau thương vụ mua lại dự án Núi Pháo

Proconco	Công ty Cổ phần Thức ăn Gia súc Việt Pháp
R&D	Nghiên cứu và phát triển
R.F.Chandler	Công ty quản lý quỹ R.F. Chandler
SG&A	Chi phí quản lý và bán hàng
SME	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
Tài Nguyên Masan Thái Nguyên	Công ty TNHH Một thành viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên
Tập đoàn	Masan Group
Techcombank hoặc TCB	Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam
TNHH	Trách Nhiệm Hữu Hạn
Tp.	Thành phố
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TSCĐ	Tài sản cố định
TPG	Tập đoàn Texas Pacific
TS.	Tiền sỹ
USD	Đô la Mỹ
USGS	Cục Khảo sát Địa chất Hoa Kỳ
Vinacafe	Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa
Vinacafé	Thương hiệu cà phê của Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa
Vĩnh Hảo	Công ty cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo
VNĐ	Đồng Việt Nam

